



DSPACE

<https://dspace.org/>

**H thng bài tp ng dng Công ngh thông tin c bn: Chuyên
dùng cho ào to trình i hc CSND, h Chính quy - Lu hành ni
b**

Bùi ng Khoa; Nguyn Th Thu Hng

2025

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/93>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN
-----**☪**-----



CHUYÊN ĐỀ

HỆ THỐNG BÀI TẬP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND - hệ Chính quy)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2025

Tiến sĩ Bùi Đăng Khoa

CHUYÊN ĐỀ

**HỆ THỐNG BÀI TẬP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND - hệ Chính quy)

Lưu hành nội bộ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2025

BAN BIÊN SOẠN

Chủ biên: Tiến sĩ Bùi Đăng Khoa, Giảng viên chính, Khoa Ngoại ngữ - Tin học

Tham gia biên soạn:

1. Tiến sĩ Bùi Đăng Khoa, Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ - Tin học.
(Phần 2,3)
2. Thạc sĩ Nguyễn Thu Hồng, Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ - Tin học.
(Phần 1)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Hội đồng thẩm định tài liệu dạy học

Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND hệ Chính quy 04 năm theo tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 777/QĐ-T05 ngày 10/4/2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học CSND)

TT	Họ và tên (Ghi rõ cấp bậc, học hàm, học vị)	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng
1.	PGS TS Nguyễn Thành Phúc	Phó Hiệu trưởng	T05	Chủ tịch
2.	ThS Nguyễn Thanh Trung	Trưởng phòng	T05	UV phản biện 1
3.	ThS Tạ Đức	Giám đốc TT	T05	UV phản biện 2
4.	ThS Nguyễn Huy Thông	Cán bộ	T05	Thư ký
5.	TS Võ Thành Đạt	Trưởng khoa	T05	Ủy viên
6.	PGS TS Ngô Phan Nhân	Phó Trưởng phòng	T05	Ủy viên
7.	ThS Trần Quang Phúc	Cán bộ	T05	Ủy viên

(Thư ký hành chính: ThS Nguyễn Thị Mai Thanh - Cán bộ phòng QLNCCKH)

Lưu ý: Tác giả và các thành viên hội đồng chấm thẩm định có trách nhiệm bảo quản tài liệu theo chế độ, quy định quản lý tài liệu "Mật".

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời đại hiện nay, công nghệ thông tin đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, đặc biệt là trong công tác Công an. Ngành Công an đã và đang ứng dụng công nghệ thông tin vào nhiều khía cạnh khác nhau như: quản lý lương cán bộ, quản lý cấp phát quân trang, quản lý tàng thư nghiệp vụ, quản lý dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, và nhiều công tác nghiệp vụ khác. Để có thể nắm bắt và quản lý hiệu quả các hồ sơ, văn bản, dữ liệu, người sử dụng không chỉ cần có trình độ về nghiệp vụ mà còn phải nắm vững các kiến thức về công nghệ thông tin như: sử dụng thành thạo máy tính, mạng Internet, thiết kế và xây dựng văn bản, xử lý số liệu, tính toán, thống kê số liệu...

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy các môn Tin học của sinh viên và giảng viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, chúng tôi biên soạn bộ tài liệu "Hệ thống bài tập Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản" dành cho sinh viên hệ Chính quy, góp phần bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho sinh viên

Nội dung Chuyên đề này được cấu trúc thành ba phần chính:

Phần 1: Bài tập cơ bản và thực hành theo module (6 module);

Phần 2: Bài tập trắc nghiệm theo module (6 module);

Phần 3: Một số mẫu đề thi Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

Chúng tôi hy vọng rằng bộ tài liệu này sẽ trở thành công cụ hữu ích, giúp sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành Công an trong thời đại số hóa. Chúng tôi cũng rất mong nhận được những phản hồi, góp ý từ quý thầy cô và các bạn sinh viên để bộ tài liệu này ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của mọi người.

Xin chân thành cảm ơn!

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

PHẦN 1. BÀI TẬP CƠ BẢN VÀ THỰC HÀNH THEO MODULE

❖ MODULE IU1: HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Câu 1: Bạn nhận thấy máy tính của mình thường xuyên gặp phải lỗi "blue screen of death" (BSOD). Hãy thực hiện các bước sau để xác định nguyên nhân và khắc phục:

- Kiểm tra Event Viewer để xem thông báo lỗi chi tiết.
- Kiểm tra nhiệt độ CPU và GPU bằng phần mềm như HWMonitor.
- Kiểm tra trạng thái ổ cứng bằng công cụ CHKDSK và SMART.
- Cập nhật driver và BIOS cho máy tính.

Câu hỏi:

a) Nếu Event Viewer cho thấy lỗi "MEMORY_MANAGEMENT", bạn sẽ kiểm tra gì trước tiên?

b) Nếu nhiệt độ CPU liên tục trên 90°C, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

c) Khi kiểm tra SMART, nếu thấy "Reallocated Sectors Count" tăng, điều này có ý nghĩa gì?

d) Trong trường hợp cập nhật driver không giải quyết được vấn đề, bạn sẽ làm gì tiếp theo?

Câu 2: Bạn muốn cài đặt lại hệ điều hành Windows trên máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tạo USB hoặc DVD cài đặt Windows.
- Sao lưu dữ liệu quan trọng.
- Tạo phân vùng ổ đĩa mới hoặc xóa các phân vùng hiện có.
- Cài đặt Windows từ USB/DVD.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn không thể khởi động từ USB/DVD, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

b) Bạn cần sao lưu những loại dữ liệu nào trước khi cài đặt lại hệ điều hành?

c) Khi tạo phân vùng mới, bạn sẽ chọn định dạng nào cho ổ cứng?

d) Nếu trong quá trình cài đặt, bạn gặp lỗi "Windows cannot be installed to this disk", bạn sẽ xử lý như thế nào?

Câu 3: Muốn cài đặt một phần mềm mới trên máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kiểm tra tương thích của phần mềm với hệ điều hành và phần cứng.
- Tải xuống phần mềm từ trang web chính thức hoặc nguồn đáng tin cậy.
- Chạy file cài đặt và làm theo hướng dẫn.
- Kiểm tra lại phần mềm sau khi cài đặt để đảm bảo hoạt động bình thường.

Câu hỏi:

a) Nếu phần mềm yêu cầu .NET Framework 4.8 nhưng máy tính bạn chỉ có 4.5, bạn sẽ làm gì?

b) Nếu sau khi cài đặt, phần mềm không hoạt động, bạn sẽ kiểm tra những gì trước?

c) Khi tải xuống phần mềm từ một nguồn không chính thức, bạn cần lưu ý điều gì?

d) Nếu trong quá trình cài đặt, gặp lỗi "Error 1603", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 4: Bạn muốn kiểm tra và nâng cấp phần cứng cho máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kiểm tra thông số kỹ thuật hiện tại của máy tính.
- Xác định các thành phần cần nâng cấp (RAM, CPU, ổ cứng, GPU).
- Tìm hiểu tương thích và giá cả của các thành phần mới.
- Thực hiện nâng cấp và kiểm tra lại hiệu năng sau khi nâng cấp.

Câu hỏi:

a) Muốn nâng cấp RAM, bạn sẽ kiểm tra gì trước tiên để đảm bảo tương thích?

b) Khi nâng cấp CPU, bạn cần lưu ý những yếu tố nào?

c) Nếu bạn thay ổ cứng HDD bằng SSD, bạn sẽ làm gì để sao lưu dữ liệu?

d) Sau khi nâng cấp, nếu máy tính không khởi động được thì sẽ kiểm tra những gì?

Câu 5: Bạn muốn thiết lập một mạng LAN tại nhà hoặc văn phòng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn và mua thiết bị mạng (router, switch, cáp mạng).
- Cấu hình router để tạo mạng LAN.
- Kết nối các thiết bị vào mạng.
- Kiểm tra kết nối và tốc độ mạng.

Câu hỏi:

- a) Nếu router không có DHCP, bạn sẽ làm gì để cấu hình địa chỉ IP cho các thiết bị?
- b) Khi kết nối thiết bị vào mạng, nếu không thể truy cập internet, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- c) Nếu tốc độ mạng chậm, bạn sẽ kiểm tra những yếu tố nào?
- d) Nếu bạn muốn chia sẻ tài nguyên trên mạng LAN, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

Câu 6: Bạn muốn cài đặt và sử dụng một phần mềm diệt virus. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tìm hiểu và chọn phần mềm diệt virus phù hợp.
- Tải xuống và cài đặt phần mềm từ trang web chính thức.
- Cấu hình các thiết lập bảo vệ cơ bản và thực hiện quét toàn bộ hệ thống.
- Cập nhật định kỳ cơ sở dữ liệu virus.

Câu hỏi:

- a) Nếu phần mềm diệt virus phát hiện một tệp có virus, bạn sẽ làm gì với tệp đó?
- b) Khi cài đặt phần mềm diệt virus mới, bạn cần xóa phần mềm diệt virus cũ như thế nào để tránh xung đột?
- c) Nếu phần mềm không thể cập nhật cơ sở dữ liệu virus, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- d) Nếu bạn gặp lỗi "Error 0x80070057" khi cài đặt, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 7: Bạn muốn tạo một bản sao lưu hệ thống để phòng ngừa sự cố. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu phù hợp (như Acronis True Image, Macrium Reflect).
- Cấu hình các thiết lập sao lưu (chọn ổ đĩa, phân vùng muốn sao lưu).
- Thực hiện sao lưu đầy đủ hệ thống.
- Kiểm tra tính toàn vẹn của bản sao lưu.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn sao lưu cả hệ điều hành và dữ liệu cá nhân, bạn sẽ chọn chế độ sao lưu nào?
- b) Khi kiểm tra tính toàn vẹn, nếu bản sao lưu bị lỗi, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn phục hồi hệ thống từ bản sao lưu, bạn sẽ thực hiện như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "Access denied", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 8: Bạn muốn thiết lập một hệ thống phân quyền người dùng trên máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tạo các tài khoản người dùng mới.
- Cấu hình quyền truy cập và phân quyền cho từng tài khoản.
- Thiết lập mật khẩu và các chính sách bảo mật.
- Kiểm tra lại các quyền truy cập sau khi thiết lập.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tạo một tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm gì?

b) Khi cấu hình quyền truy cập, nếu một người dùng không thể truy cập vào một thư mục, bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi mật khẩu của tài khoản người dùng khác, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn gặp lỗi "User Profile Service failed the logon" khi đăng nhập, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 9: Bạn muốn thiết lập một hệ thống chia sẻ tệp qua mạng LAN. Hãy thực hiện các bước sau:

- Cấu hình chia sẻ thư mục trên máy tính.
- Tạo các quyền truy cập cho người dùng khác.
- Kiểm tra kết nối và truy cập từ các máy tính khác.
- Thiết lập bảo mật cho thư mục chia sẻ.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn chia sẻ một thư mục nhưng không muốn người dùng khác có quyền ghi, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra kết nối, nếu không thể truy cập vào thư mục chia sẻ, bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi quyền truy cập của một người dùng đối với thư mục chia sẻ, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình chia sẻ, bạn gặp lỗi "The network path was not found", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 10: Bạn muốn thiết lập một hệ thống sao lưu tự động. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu tự động (như Windows Backup, EaseUS Todo Backup).
- Cấu hình các thiết lập sao lưu tự động (thời gian, ổ đĩa, thư mục cần sao lưu).
- Thiết lập lịch trình sao lưu.
- Kiểm tra lại các bản sao lưu tự động.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu tự động, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 11: Bạn muốn cài đặt và cấu hình một máy in mạng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kết nối máy in vào mạng qua router hoặc switch.
- Cài đặt driver máy in trên máy tính chủ.
- Thiết lập chia sẻ máy in trên mạng.
- Kiểm tra kết nối và in thử từ các máy tính khác.

Câu hỏi:

a) Nếu máy in không hiển thị trong danh sách máy in mạng, bạn sẽ kiểm tra những gì?

b) Khi cài đặt driver, nếu máy tính không nhận driver, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

c) Nếu bạn muốn thay đổi tên máy in trên mạng, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn gặp lỗi "Operation could not be completed (error 0x000006ba)", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 12: Bạn muốn thiết lập một hệ thống bảo mật mạnh hơn cho máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Cập nhật hệ điều hành và các phần mềm.
- Thiết lập tường lửa và cấu hình các quy tắc.
- Cài đặt phần mềm bảo vệ bổ sung (VPN, phần mềm chống phần mềm độc hại).
- Kiểm tra lại các thiết lập bảo mật.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn cấu hình tường lửa để chỉ cho phép các kết nối từ một số IP cụ thể, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các thiết lập bảo mật, nếu bạn thấy một số dịch vụ không cần thiết đang mở cổng, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi mật khẩu của tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình cấu hình, bạn gặp lỗi "Windows Firewall can't change some of your settings", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 13: Bạn muốn tạo một hệ thống quản lý tài liệu số trên máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tạo một thư mục chính để lưu trữ tài liệu.
- Thiết lập phân loại và tổ chức tài liệu theo thư mục con.
- Cấu hình tìm kiếm nhanh và lọc tài liệu.
- Thiết lập bảo mật cho các tài liệu quan trọng.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm tất cả các tệp có chứa từ khóa "báo cáo" trong thư mục chính, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi tổ chức tài liệu, nếu bạn muốn tạo một thư mục con chỉ cho phép người dùng nhất định truy cập, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi quyền truy cập của một người dùng đối với một tài liệu cụ thể, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình thiết lập, bạn gặp lỗi "Access denied", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 14: Bạn muốn thiết lập một hệ thống sao lưu dữ liệu qua mạng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu qua mạng (như Synctoy, FreeFileSync).
- Cấu hình các thiết lập sao lưu (chọn nguồn và đích sao lưu).
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động.
- Kiểm tra lại các bản sao lưu.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu qua mạng, bạn gặp lỗi "Network path not found", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 15: Bạn muốn thiết lập một hệ thống quản lý mật khẩu trên máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn một phần mềm quản lý mật khẩu (như LastPass, KeePass).
- Cài đặt và cấu hình phần mềm.
- Thêm các tài khoản và mật khẩu vào hệ thống quản lý.
- Thiết lập bảo mật cho phần mềm và kiểm tra lại.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn thêm một tài khoản mới vào phần mềm quản lý mật khẩu, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi cấu hình phần mềm, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu chính mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?

c) Nếu bạn muốn thay đổi mật khẩu của một tài khoản trong phần mềm, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình cấu hình, bạn gặp lỗi "Failed to decrypt", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 16: Bạn muốn thiết lập một hệ thống giám sát hệ thống và tài nguyên. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm giám sát hệ thống (như Nagios, Zabbix).
- Cài đặt và cấu hình phần mềm trên máy chủ.
- Thiết lập các cảnh báo và giám sát tài nguyên.
- Kiểm tra lại các thiết lập giám sát.

Câu hỏi:

a) Nếu muốn giám sát CPU usage của một máy tính, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi thiết lập cảnh báo, nếu bạn muốn cảnh báo khi CPU usage vượt quá 90%, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi mức độ cảnh báo, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình giám sát, bạn gặp lỗi "Unable to connect to host", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 17: Bạn muốn thiết lập một hệ thống sao lưu dữ liệu định kỳ. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu (như Windows Backup, Acronis True Image).
- Cấu hình các thiết lập sao lưu (chọn ổ đĩa, thư mục, lịch trình).
- Thiết lập sao lưu tự động.
- Kiểm tra lại các bản sao lưu.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 18: Bạn muốn thiết lập một hệ thống bảo mật cho máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Cập nhật hệ điều hành và các phần mềm.
- Thiết lập tường lửa và cấu hình các quy tắc.
- Cài đặt phần mềm bảo vệ bổ sung (VPN, phần mềm chống phần mềm độc hại).
- Kiểm tra lại các thiết lập bảo mật.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn cấu hình tường lửa để chỉ cho phép các kết nối từ một số IP cụ thể, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các thiết lập bảo mật, nếu bạn thấy một số dịch vụ không cần thiết đang mở cổng, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi mật khẩu của tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình cấu hình, bạn gặp lỗi "Windows Firewall can't change some of your settings", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 19: Bạn muốn thiết lập một hệ thống quản lý tài liệu số trên máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tạo một thư mục chính để lưu trữ tài liệu.
- Thiết lập phân loại và tổ chức tài liệu theo thư mục con.
- Cấu hình tìm kiếm nhanh và lọc tài liệu.
- Thiết lập bảo mật cho các tài liệu quan trọng.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm tất cả các tệp có chứa từ khóa "báo cáo" trong thư mục chính, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi tổ chức tài liệu, nếu bạn muốn tạo một thư mục con chỉ cho phép người dùng nhất định truy cập, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi quyền truy cập của một người dùng đối với một tài liệu cụ thể, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình thiết lập, bạn gặp lỗi "Access denied", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 20: Bạn muốn thiết lập một hệ thống sao lưu dữ liệu qua mạng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu qua mạng (như Synctoy, FreeFileSync).
- Cấu hình các thiết lập sao lưu (chọn nguồn và đích sao lưu).
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động.
- Kiểm tra lại các bản sao lưu.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu qua mạng, bạn gặp lỗi "Network path not found", bạn sẽ kiểm tra những gì?

❖ MODULE IU2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Câu 1: Bạn cần cài đặt một phần mềm mới để chỉnh sửa video trên máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tải xuống file cài đặt của phần mềm "Adobe Premiere Pro" từ trang web chính thức.
- Chạy file cài đặt và làm theo hướng dẫn để hoàn tất quá trình cài đặt.
- Sau khi cài đặt, mở phần mềm và tạo một dự án mới, sau đó nhập một video mẫu để kiểm tra xem phần mềm có hoạt động bình thường không.

Câu hỏi:

- a) Nếu không thể tải xuống file cài đặt từ trang web, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- b) Khi chạy file cài đặt, nếu bạn gặp lỗi "This program requires a newer version of Windows", bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- c) Nếu sau khi cài đặt, phần mềm không thể nhận diện được video mẫu, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- d) Nếu trong quá trình cài đặt, bạn gặp lỗi "Error 1603", bạn sẽ thực hiện các bước nào để khắc phục?

Câu 2: Bạn muốn thay đổi cài đặt màn hình để xem phim với độ phân giải cao. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Điều chỉnh độ phân giải màn hình lên 1920x1080.
- Thay đổi màu sắc và độ tương phản để phù hợp với môi trường xem phim.
- Nếu bạn có hai màn hình, thiết lập màn hình thứ hai để mở rộng không gian làm việc.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn thay đổi độ phân giải màn hình lên 1920x1080, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi điều chỉnh màu sắc và độ tương phản, nếu bạn thấy màu sắc không chính xác, bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thiết lập hai màn hình để mở rộng không gian làm việc, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu sau khi thay đổi cài đặt, màn hình thứ hai không hiển thị đúng, bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 3: Bạn cần tạo một tài khoản người dùng mới cho con của bạn để sử dụng máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Tạo một tài khoản người dùng mới với tên "Con của tôi".
- Thiết lập mật khẩu cho tài khoản và cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng giáo dục và trò chơi phù hợp với độ tuổi.
- Kiểm tra xem tài khoản mới có thể đăng nhập và sử dụng các ứng dụng đã được cấu hình hay không.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tạo một tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm gì?
- b) Khi thiết lập mật khẩu, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?
- c) Nếu bạn muốn cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng giáo dục, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu trong quá trình tạo tài khoản, bạn gặp lỗi "User Profile Service failed the logon", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 4: Bạn muốn kết nối máy in để in bài tập về nhà cho con. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kết nối máy in HP DeskJet 2600 với máy tính của bạn qua USB.
- Cài đặt driver máy in từ CD/DVD đi kèm hoặc tải xuống từ trang web của HP.
- Cấu hình máy in trong hệ điều hành để in màu và in hai mặt.
- In thử một tài liệu Word với màu sắc phong phú và kiểm tra xem máy in có hoạt động đúng không.

Câu hỏi:

- a) Nếu máy in không hiển thị trong danh sách thiết bị, bạn sẽ kiểm tra những gì?

- b) Khi cài đặt driver, nếu máy tính không nhận driver, bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- c) Nếu bạn muốn thay đổi tên máy in trong hệ điều hành, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn gặp lỗi "Operation could not be completed (error 0x000006ba)" khi cố gắng in, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 5: Bạn muốn sao lưu dữ liệu cá nhân và hệ điều hành để phòng ngừa sự cố. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu "Macrium Reflect" để sao lưu dữ liệu.
- Cấu hình sao lưu để sao lưu toàn bộ ổ C: và các thư mục cá nhân trên ổ D:.
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động mỗi tuần một lần vào ngày Chủ Nhật lúc 22:00.
- Kiểm tra lại bản sao lưu để đảm bảo rằng tất cả các tệp và hệ điều hành đều được sao lưu đầy đủ.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?
- b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu từ Chủ Nhật sang Thứ Hai, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 6: Bạn muốn cài đặt một trò chơi mới trên máy tính của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tải xuống file cài đặt của trò chơi "Minecraft" từ trang web chính thức.
- Chạy file cài đặt và làm theo hướng dẫn để hoàn tất quá trình cài đặt.
- Sau khi cài đặt, mở trò chơi và tạo một thế giới mới, sau đó kiểm tra xem trò chơi có hoạt động bình thường không.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn không thể tải xuống file cài đặt từ trang web, bạn sẽ kiểm tra những gì?

b) Khi chạy file cài đặt, nếu bạn gặp lỗi "This program requires a newer version of Windows", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

c) Nếu sau khi cài đặt, trò chơi không hoạt động, bạn sẽ kiểm tra những gì trước tiên?

d) Nếu trong quá trình cài đặt, bạn gặp lỗi "Error 1603", bạn sẽ thực hiện các bước nào để khắc phục?

Câu 7: Bạn muốn thay đổi cài đặt âm thanh để nghe nhạc với chất lượng cao. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Điều chỉnh âm lượng và thiết lập âm thanh vòm.
- Thay đổi thiết bị âm thanh mặc định nếu bạn có loa hoặc tai nghe mới.
- Kiểm tra âm thanh bằng cách nghe một bài nhạc mẫu.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn thay đổi thiết bị âm thanh mặc định, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi điều chỉnh âm lượng, nếu bạn không nghe thấy âm thanh, bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thiết lập âm thanh vòm, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu sau khi thay đổi cài đặt, âm thanh không đúng, bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 8: Bạn cần tạo một tài khoản người dùng mới cho người giúp việc để họ có thể truy cập vào một số ứng dụng cơ bản. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Tạo một tài khoản người dùng mới với tên "Người giúp việc".
- Thiết lập mật khẩu cho tài khoản và cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng cơ bản như trình duyệt web, phần mềm văn phòng.
- Kiểm tra xem tài khoản mới có thể đăng nhập và sử dụng các ứng dụng đã được cấu hình hay không.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tạo một tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm gì?
- b) Khi thiết lập mật khẩu, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?
- c) Nếu bạn muốn cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng cơ bản, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu trong quá trình tạo tài khoản, bạn gặp lỗi "User Profile Service failed the logon", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 9: Bạn muốn kết nối máy quét để quét tài liệu vào máy tính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kết nối máy quét Epson Perfection V39 với máy tính của bạn qua USB.
- Cài đặt driver máy quét từ CD/DVD đi kèm hoặc tải xuống từ trang web của Epson.
- Cấu hình máy quét trong hệ điều hành để quét tài liệu với độ phân giải cao.
- Quét thử một tài liệu và kiểm tra xem máy quét có hoạt động đúng không.

Câu hỏi:

- a) Nếu máy quét không hiển thị trong danh sách thiết bị, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- b) Khi cài đặt driver, nếu máy tính không nhận driver, bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- c) Nếu muốn thay đổi tên máy quét trong hệ điều hành, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn gặp lỗi "Operation could not be completed (error 0x000006ba)" khi cố gắng quét, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 10: Bạn muốn sao lưu dữ liệu cá nhân và hệ điều hành để phòng ngừa sự cố. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu "EaseUS Todo Backup" để sao lưu dữ liệu.
- Cấu hình sao lưu để sao lưu toàn bộ ổ C: và các thư mục cá nhân trên ổ D:.
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động mỗi ngày một lần vào lúc 23:00.
- Kiểm tra lại bản sao lưu để đảm bảo rằng tất cả các tệp và hệ điều hành đều được sao lưu đầy đủ.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?

b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu từ hàng ngày sang hàng tuần, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 11: Bạn muốn cài đặt một phần mềm chỉnh sửa ảnh để làm việc với ảnh kỹ thuật số. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tải file cài đặt của phần mềm "Adobe Photoshop" từ trang web chính thức.
- Chạy file cài đặt và làm theo hướng dẫn để hoàn tất quá trình cài đặt.
- Sau khi cài đặt, mở phần mềm và tạo một dự án mới, sau đó nhập một ảnh mẫu để kiểm tra xem phần mềm có hoạt động bình thường không.

Câu hỏi:

a) Nếu không thể tải xuống file cài đặt từ trang web, bạn sẽ kiểm tra những gì?

b) Khi chạy file cài đặt, nếu bạn gặp lỗi "This program requires a newer version of Windows", bạn sẽ làm gì để khắc phục?

c) Sau khi cài đặt, phần mềm không thể mở ảnh mẫu, bạn sẽ kiểm tra những gì?

d) Nếu trong quá trình cài đặt, bạn gặp lỗi "Error 1603", bạn sẽ thực hiện các bước nào để khắc phục?

Câu 12: Bạn muốn thay đổi cài đặt màn hình để sử dụng máy tính với độ phân giải cao hơn. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Điều chỉnh độ phân giải màn hình lên 2560x1440.
- Thay đổi màu sắc và độ tương phản để phù hợp với công việc thiết kế đồ họa.
- Nếu bạn có hai màn hình, thiết lập màn hình thứ hai để mở rộng không gian làm việc.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn thay đổi độ phân giải màn hình lên 2560x1440, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi điều chỉnh màu sắc và độ tương phản, nếu bạn thấy màu sắc không chính xác, bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thiết lập hai màn hình để mở rộng không gian làm việc, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu sau khi thay đổi cài đặt, màn hình thứ hai không hiển thị đúng, bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 13: Bạn cần tạo một tài khoản người dùng mới cho người thân để họ có thể sử dụng máy tính để làm việc từ xa. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Tạo một tài khoản người dùng mới với tên "Người thân".
- Thiết lập mật khẩu cho tài khoản và cấu hình quyền truy cập để cho phép truy cập vào các ứng dụng làm việc từ xa như Zoom, Microsoft Teams.
- Kiểm tra xem tài khoản mới có thể đăng nhập và sử dụng các ứng dụng đã được cấu hình hay không.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tạo một tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm gì?

b) Khi thiết lập mật khẩu, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?

c) Nếu bạn muốn cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng làm việc từ xa, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu trong quá trình tạo tài khoản, bạn gặp lỗi "User Profile Service failed the logon", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 14: Bạn muốn kết nối một máy in mới để in tài liệu màu sắc phong phú. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kết nối máy in Canon PIXMA TS6350 với máy tính của bạn qua Wi-Fi.
- Cài đặt driver máy in từ CD/DVD đi kèm hoặc tải xuống từ trang web của Canon.

- Cấu hình máy in trong hệ điều hành để in màu và in hai mặt.
- In thử một tài liệu PowerPoint với màu sắc phong phú và kiểm tra xem máy in có hoạt động đúng không.

Câu hỏi:

- a) Nếu máy in không hiển thị trong danh sách thiết bị, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- b) Khi cài đặt driver, nếu máy tính không nhận driver, bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- c) Nếu bạn muốn thay đổi tên máy in trong hệ điều hành, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn gặp lỗi "Operation could not be completed (error 0x000006ba)" khi cố gắng in, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 15: Bạn muốn sao lưu dữ liệu cá nhân và hệ điều hành để phòng ngừa sự cố. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu "Acronis True Image" để sao lưu dữ liệu.
- Cấu hình sao lưu để sao lưu toàn bộ ổ C: và các thư mục cá nhân trên ổ D:.
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động mỗi ngày một lần vào lúc 23:00.
- Kiểm tra lại bản sao lưu để đảm bảo rằng tất cả các tệp và hệ điều hành đều được sao lưu đầy đủ.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?
- b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu từ hàng ngày sang hàng tuần, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 16: Bạn muốn cài đặt một phần mềm quản lý tài chính cá nhân. Hãy thực hiện các bước sau:

- Tải xuống file cài đặt của phần mềm "Quicken" từ trang web chính thức.
- Chạy file cài đặt và làm theo hướng dẫn để hoàn tất quá trình cài đặt.

- Sau khi cài đặt, mở phần mềm và tạo một tài khoản mới, sau đó nhập một số giao dịch mẫu để kiểm tra xem phần mềm có hoạt động bình thường không.

Câu hỏi:

- a) Nếu không thể tải xuống file cài đặt từ trang web, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- b) Khi chạy file cài đặt, nếu bạn gặp lỗi "This program requires a newer version of Windows", bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- c) Nếu sau khi cài đặt, phần mềm không thể nhận diện được giao dịch mẫu, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- d) Nếu trong quá trình cài đặt, bạn gặp lỗi "Error 1603", bạn sẽ thực hiện các bước nào để khắc phục?

Câu 17: Bạn muốn thay đổi cài đặt màn hình để chơi game với độ phân giải cao. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.
- Điều chỉnh độ phân giải màn hình lên 2560x1440.
- Thay đổi màu sắc và độ tương phản để phù hợp với môi trường chơi game.
- Nếu bạn có hai màn hình, thiết lập màn hình thứ hai để mở rộng không gian chơi game.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn thay đổi độ phân giải màn hình lên 2560x1440, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi điều chỉnh màu sắc và độ tương phản, nếu bạn thấy màu sắc không chính xác, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- c) Nếu bạn muốn thiết lập hai màn hình để mở rộng không gian chơi game, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu sau khi thay đổi cài đặt, màn hình thứ hai không hiển thị đúng, bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 18: Bạn cần tạo một tài khoản người dùng mới cho người bạn để họ có thể truy cập vào một số ứng dụng giải trí. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở Control Panel hoặc Settings.

- Tạo một tài khoản người dùng mới với tên "Người bạn".
- Thiết lập mật khẩu cho tài khoản và cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng giải trí như Netflix, Spotify.
- Kiểm tra xem tài khoản mới có thể đăng nhập và sử dụng các ứng dụng đã được cấu hình hay không.

Câu hỏi:

- Nếu bạn muốn tạo một tài khoản người dùng có quyền quản trị, bạn sẽ làm gì?
- Khi thiết lập mật khẩu, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?
- Nếu bạn muốn cấu hình quyền truy cập để chỉ cho phép truy cập vào một số ứng dụng giải trí, bạn sẽ làm như thế nào?
- Nếu trong quá trình tạo tài khoản, bạn gặp lỗi "User Profile Service failed the logon", bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 19: Bạn muốn kết nối một máy in mới để in tài liệu văn phòng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Kết nối máy in Brother HL-L2350DW với máy tính của bạn qua Wi-Fi.
- Cài đặt driver máy in từ CD/DVD đi kèm hoặc tải xuống từ trang web của Brother.
- Cấu hình máy in trong hệ điều hành để in đen trắng và in hai mặt.
- In thử một tài liệu Word với văn bản đơn giản và kiểm tra xem máy in có hoạt động đúng không.

Câu hỏi:

- Nếu máy in không hiển thị trong danh sách thiết bị, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- Khi cài đặt driver, nếu máy tính không nhận driver, bạn sẽ làm gì để khắc phục?
- Nếu bạn muốn thay đổi tên máy in trong hệ điều hành, bạn sẽ làm như thế nào?
- Nếu bạn gặp lỗi "Operation could not be completed (error 0x000006ba)" khi cố gắng in, bạn sẽ làm gì để khắc phục?

Câu 20: Bạn muốn sao lưu dữ liệu cá nhân và hệ điều hành để phòng ngừa sự cố. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn phần mềm sao lưu "Macrium Reflect" để sao lưu dữ liệu.
- Cấu hình sao lưu để sao lưu toàn bộ ổ C: và các thư mục cá nhân trên ổ D:.
- Thiết lập lịch trình sao lưu tự động mỗi tuần một lần vào ngày Chủ Nhật lúc 22:00.
 - Kiểm tra lại bản sao lưu để đảm bảo rằng tất cả các tệp và hệ điều hành đều được sao lưu đầy đủ.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn sao lưu tự động các tệp có thay đổi từ ngày hôm trước, bạn sẽ cấu hình như thế nào?
- b) Khi kiểm tra lại các bản sao lưu, nếu bạn thấy bản sao lưu bị thiếu tệp, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn thay đổi lịch trình sao lưu từ Chủ Nhật sang Thứ Hai, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu trong quá trình sao lưu, bạn gặp lỗi "The backup failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

❖ MODULE IU3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Câu 1: Thao tác cơ bản

- Khởi động Microsoft Word từ màn hình nền Windows.
- Sử dụng thanh menu Ribbon để tìm hiểu các công cụ lệnh.
 - Thẻ Home\Font: định dạng văn bản.
 - Thẻ Home\Paragraph: định dạng đoạn văn bản.
 - Thẻ Insert: chèn đối tượng (bảng biểu, hình ảnh, chữ nghệ thuật, tiêu đề, kí hiệu, ...) vào văn bản.
 - Thẻ Layout\Page Setup: định dạng văn bản, khổ giấy (Page size): A4, kiểu giấy: đứng, lề trên (Top): 2cm, lề trái (Left): 3cm, lề phải (Right): 2cm, lề dưới (Bottom): 2cm.
 - Thẻ References: tạo mục lục tự động (Table of Contents), tạo chú thích (Footnote, Endnote), tạo trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (Citations & Bibliography), thêm chú thích (Caption), tạo chỉ mục, bảng tra thuật ngữ cuối tài liệu (Index), tạo bảng minh chứng (Table of Authorities)
 - Thẻ Mailings: tạo thư trộn.
 - File\Options\Advanced chọn đơn vị là Centimeters.
- Sử dụng lệnh **Undo** và lệnh **Redo**: Nhập vào một đoạn văn bản tùy ý. Xóa bỏ một số từ trong đoạn văn bản. Nhấp chọn lệnh Undo, sau đó nhấp chọn Redo. Cho nhận xét kết quả.

Câu 2: Định dạng ký tự và đoạn văn bản

Winword là một chương trình xử lý văn bản mạnh, ngoài các chức năng giúp người sử dụng gõ nhanh và đúng một văn bản.

- Word cho phép chúng ta chèn các ký tự đặc biệt vào văn bản như “ © ® ☰ ☱ ☲ ☳ ☴ ☵ ☶ ☷ ” làm cho văn bản phong phú hơn.
- **Chữ đậm**, *chữ nghiêng*, gạch dưới cho từng chữ một, gạch dưới bằng nét đôi, gạch dưới bằng dấu chấm, gạch dưới với nét gợn sóng, ~~chữ bị gạch giữa~~, chữ có bóng, chỉ số trên ^{Superscript} và chỉ số dưới _{Subscript} $a_1x^2 + b_1y^3 = 0$, chữ được nâng lên cao Raised, chữ được hạ thấp Lowered.
- Khoảng cách giữa các ký tự có thể thay đổi dễ dàng:

chữ rộng theo tỉ lệ

chữ co lại theo tỉ lệ
cách xa nhau
gần lại nhau

a. Nhập nội dung bài thơ Ánh Sao Lặng Thầm và định dạng như sau:

ÁNH SAO LẶNG THẦM

Tác giả: Nguyễn Thị Hồng Miên

Canh khuya phố xá bình yên

Người người chăn ấm, đệm êm gối mềm

Bước chân lặng lẽ đêm đêm

Anh người chiến sĩ bỏ quên nhọc nhằn

Tháng ngày đông, hạ, thu, xuân

Sao khuya hòa bóng canh tuần bên anh

Giữ cho trời lặng trăng thanh

Nhà nhà hạnh phúc, giấc lành gần xa

Mặc cho giá rét thấu da

Vợ hiền mồn mõi mái nhà đơn côi

Mặc cho gian khó đầy vơi

Bước chân thầm lặng giữa đời sớm hôm

b. Nhập nội dung văn bản và lần lượt định dạng như sau:

Internet mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống hiện đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta lạm dụng sử dụng internet quá nhiều sẽ gây ra nhiều tác hại, đặc biệt đối với trẻ, cụ thể gây ra những tác hại như gây nghiện cho trẻ; ảnh hưởng đến ý thức, nhận thức; trẻ bị lừa đảo; thông tin cá nhân bị rò rỉ; ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất; trẻ ham chơi nhiều hơn ham học; phần mềm độc hại xâm phạm vào thiết bị ...

Internet mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống hiện đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta lạm dụng sử dụng internet quá nhiều sẽ gây ra nhiều tác hại, đặc biệt đối với trẻ, cụ thể gây ra những tác hại như gây nghiện cho trẻ; ảnh hưởng đến ý thức, nhận thức; trẻ bị lừa đảo; thông tin cá nhân bị rò rỉ; ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất; trẻ ham chơi nhiều hơn ham học; phần mềm độc hại xâm phạm vào thiết bị ...

Internet mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống hiện đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta lạm dụng sử dụng internet quá nhiều sẽ gây ra nhiều tác hại, đặc biệt đối với trẻ, cụ thể gây ra những tác hại như gây nghiện cho trẻ; ảnh hưởng đến ý thức, nhận thức; trẻ bị lừa đảo; thông tin cá nhân bị rò rỉ; ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất; trẻ ham chơi nhiều hơn ham học; phần mềm độc hại xâm phạm vào thiết bị ...

Internet mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống hiện đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta lạm dụng sử dụng internet quá nhiều sẽ gây ra nhiều tác hại, đặc biệt đối với trẻ, cụ thể gây ra những tác hại như gây nghiện cho trẻ; ảnh hưởng đến ý thức, nhận thức; trẻ bị lừa đảo; thông tin cá nhân bị rò rỉ; ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất; trẻ ham chơi nhiều hơn ham học; phần mềm độc hại xâm phạm vào thiết bị ...

Internet mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống hiện đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta lạm dụng sử dụng internet quá nhiều sẽ gây ra nhiều tác hại, đặc biệt đối với trẻ, cụ thể gây ra những tác hại như gây nghiện cho trẻ; ảnh hưởng đến ý thức, nhận thức; trẻ bị lừa đảo; thông tin cá nhân bị rò rỉ; ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất; trẻ ham chơi nhiều hơn ham học; phần mềm độc hại xâm phạm vào thiết bị ...

c. Định dạng các đoạn văn bản trên: khoảng cách giữa trước đoạn và sau đoạn Spacing (before, after) là 6 pt, khoảng cách giữa các hàng Line spacing là 1.3

Câu 3: Định dạng Bullet and Numbering, Border and Shading

a. Dùng chức năng Border and Shading định dạng trang văn bản.

b. Dùng chức năng Bullets and Numbering, Border and Shading định dạng các đoạn văn bản sau:

ĐOẠN 1:

Ý ĐẸP LỜI HAY

- ⌚ *Cách duy nhất để có bạn bè là chính bản thân mình phải là một người bạn - Emerson*
- ⌚ *Bạn có yêu đời không? Vậy đừng phung phí thời gian vì chất liệu của cuộc sống được làm bằng thời gian - Franklin*
- ⌚ *Thời gian không đo lường bằng năm tháng mà bằng những gì chúng ta làm được (H.Cason)*
- ⌚ *Hãy suy nghĩ tất cả những gì bạn nói nhưng đừng nói tất cả những gì bạn nghĩ - Delarme*

ĐOẠN 2:

NỘI QUY PHÒNG MÁY

Điều 1. Đi học đúng giờ, đúng ca quy định.

Điều 2. Tuyệt đối không mang vào phòng máy các chất hay vật dụng có khả năng gây cháy, nổ.

Điều 3. Xếp giày, dép ngay ngắn, gọn gàng bên ngoài phòng.

- ☞ Không tự ý di chuyển, tháo lắp các thiết bị hoặc cắm USB khi chưa được sự đồng ý của giảng viên.
- ☞ Không được sử dụng các thiết bị tại phòng máy vào công việc khác.
- ☞ Không được hút thuốc, ăn uống, xả rác gây mất vệ sinh.
- ☞ Không gây ồn ào, mất trật tự. Phải đóng cửa khi ra vào phòng.

Điều 4. Cuối ca thực hành phải sắp xếp lại ghế, chuột, bàn phím theo đúng vị trí và tắt máy.

Câu 4: Tab kết hợp với Bullet and Numbering, WordArt, ClipArt

Chương 1: Đại cương về tin học

1. Các khái niệm cơ bản về máy tính
2. Máy tính và các thiết bị công nghệ
3. Hệ điều hành Windows 7
4. Quản lý tập tin và thư mục
5. Tìm kiếm thông tin trong máy tính và virus tin học

Chương 2: Microsoft Word

1. Giới thiệu Microsoft Word
2. Định dạng văn bản
3. Làm việc với bảng
4. Tìm kiếm và tự động thay thế
5. Chèn các đối tượng vào văn bản.
6. Định dạng trang và in ấn

Ca khúc mừng xuân

Tên ca khúc	Tác giả	Ca sĩ thể hiện
1. Ly rồôiu möøng	Phaïm Ñình Chöông	Kieàu Nga
2. Anh cho em mưa xuân.....	Nguyeãn Hieàn	Elvis Phöông
3. Nhaïc khuïc tình xuân	Nhaät Ngaân	NiNi
4. Ñãn aùo mưa xuân	Phaïm Theá Myõ	Thuỳ Vi
5. Xuân hoïp maët.....	Vaên Phũng	Trönh Vónh Trinh
6. Mưa xuân cuôa meĩ.....	Trönh Laâm Ngaân	Vuõ Khanh
7. Ca khuïc möøng xuân	Khuïc Lan	Kieàu Nga
8. Lôøi ñãàu naêm cho con	Nguyeân Thaùu	Duy Khaình

Làm anh khó đấy

Phải đâu chuyện đùa

Với em gái bé

Phải “người lớn” cơ.

Khi em bé khóc

Anh phải dỗ dành

Nếu em bé ngã

Anh nâng dịu dàng.

Mẹ cho quà bánh

Chia em phần hơn

Có đồ chơi đẹp

Cũng nhường em luôn.

Làm anh thật khó

Nhưng mà thật vui

Ai yêu em bé

Thì làm được thôi.

Laøm Anh



Tác giả: Phan Thị Thanh Nhàn

Câu 5: Column, DropCap, Border and Shading, Picture

Microsoft là một tập đoàn đa quốc gia của Hoa Kỳ đặt trụ sở chính tại Redmond, Washington; chuyên phát triển, sản xuất, kinh doanh bản quyền phần mềm và hỗ trợ trên diện rộng các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến máy tính. Công ty được sáng lập

bởi Bill Gates và Paul Allen vào ngày 4 tháng 4 năm 1975. Nếu tính theo doanh thu thì Microsoft là hãng sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới. Nó cũng được gọi là "một trong những công ty có giá trị nhất trên thế giới".



Paul Gardner Allen và William Henry Bill Gates III

Paul Allen và Bill Gates, hai người

bạn thân từ thuở nhỏ có cùng niềm đam mê với lập trình máy tính, đã vươn đến thành công bằng cách kết hợp những kỹ năng của nhau. Tháng 1 năm 1975, tờ báo Popular Electronics đăng bài nói về chiếc máy vi tính Altair 8800 của hãng Micro Instrumentation and Telemetry Systems (MITS).

Allen đề ý rằng họ có thể viết chương trình thông dịch BASIC cho máy này; sau khi Bill Gates gọi điện cho MITS nói rằng họ có một chương trình thông dịch có thể chạy được, MITS yêu cầu được tận mắt kiểm chứng.

Dể chuẩn bị cho buổi kiểm chứng, hai người đảm nhiệm hai nhiệm vụ khác nhau, Allen làm chiếc máy mô phỏng Altair 8800 trong khi Gates phát triển chương trình thông dịch. Mặc dù được phát triển trên một máy mô phỏng nhưng chương trình lại hoạt động hoàn hảo trên máy thật trước sự chứng kiến của MITS tại Albuquerque, New Mexico, vào tháng 3 năm 1975. MITS đồng ý phân phối chương trình và họ tiếp thị nó với cái tên Altair BASIC.

Sau thành công này, Paul Allen và Bill Gates thành lập Microsoft vào tháng 4 năm 1975, Gates giữ vị trí CEO. Allen chính là người đặt cho công ty cái tên "Microsoft". Vào tháng



1 năm 1977, công ty đạt được thỏa thuận với Tạp chí ASCII tại Nhật Bản, đặt văn phòng quốc tế đầu tiên tại đây với cái tên "Microsoft". Còn trụ sở chính tại Mỹ được dời đến Bellevue, Washington vào tháng 1 năm 1979.

Câu 6: Câu 5. Tạo và định dạng Table, Tab và sử dụng Tab trong Table.

a.

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học CSND 36 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM							☎ 0938441724 🕒 Thứ 2 - 6: • Sáng: 9h30 - 12h30 • Chiều: 13h00 - 17h00 Thứ 7 - CN: nghỉ
	TRANG CHỦ	LỊCH KHAI GIẢNG	ĐĂNG KÝ HỌC	KẾT QUẢ THI	LIÊN HỆ		
#	Khóa học	Buổi học	Giờ học	Ngày khai giảng	Học phí		
1	Ứng dụng CNTT CB	2 - 4 - 6 (online)	16h - 20h15	11/05/2022	500.000 VNĐ	Đăng ký	
2	Ứng dụng CNTT CB	2 - 4 - 6	16h - 20h15	04/05/2022	600.000 VNĐ	Đã khai giảng	
3	Ứng dụng CNTT NC	3 - 5 - 7	16h - 20h15	05/05/2022	800.000 VNĐ	Đã khai giảng	

b.

Lịch sử Logo Microsoft



1975-1980: Logo đầu tiên của Microsoft vào đầu năm 1975



1980-1982: Logo thứ hai của Microsoft vào năm 1980



1982-1987: Logo thứ ba của Microsoft vào năm 1982



1987-2012: Logo "Pac-Man" của Microsoft, được thiết kế bởi Scott Baker và sử dụng từ năm 1987 đến năm 2012



2012 - nay: Logo thứ năm của Microsoft, được giới thiệu vào ngày 23 tháng 8 năm 2012

c.

TẬP TIN	THUỘC TÍNH TẬP TIN	THƯ MỤC
	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Archive ----- lưu trữ ☞ Hidden ----- ẩn ☞ Read-only ----- chỉ đọc ☞ System ----- hệ thống 	
	PHÂN LOẠI THƯ MỤC	
	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Thư mục gốc ----- 1 ☞ Thư mục hiện hành ----- 2 ☞ Thư mục rỗng ----- 3 ☞ Thư mục con ----- 4 	

d.

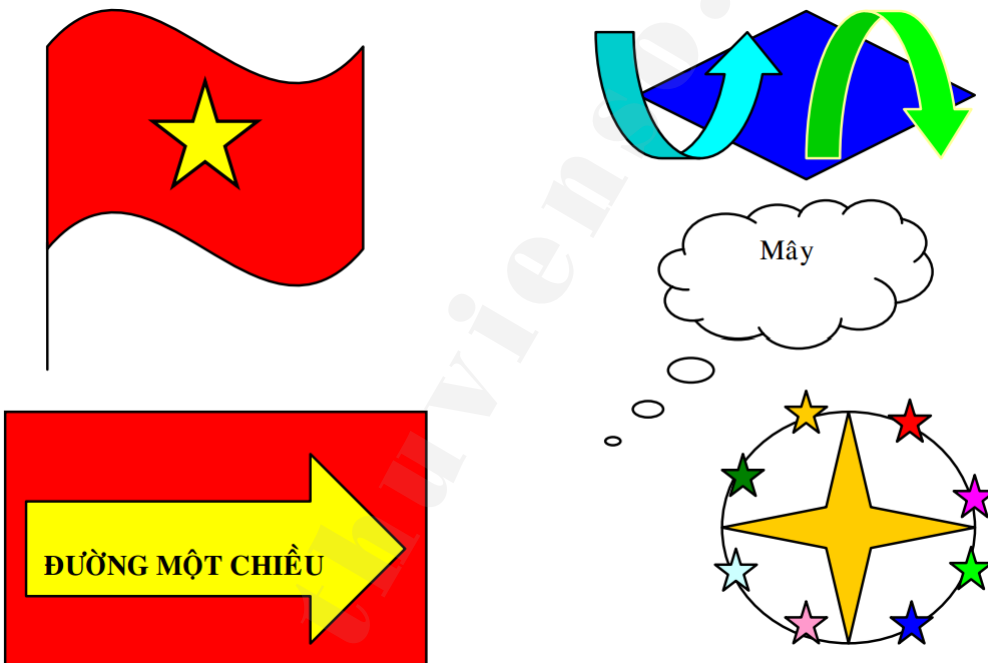
<p>✓ Phù hợp với học viên đang đi làm.</p> <p>✓ Học viên đã có chứng chỉ CNTT có thể được miễn một số môn của chương trình học.</p> <p style="text-align: center;">↻ THÔNG TIN CÁ NHÂN ↻</p> <p>Họ tên:</p> <p>Ngày tháng năm sinh:</p> <p>Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/></p> <p>Địa chỉ liên hệ:</p> <p>Điện thoại:</p>	INFORMATICS OF SINGAPORE		
BẠC HỌC DỰ KIẾN (đánh dấu vào bậc học muốn đăng ký)			
Cao Đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Họ tên và chữ ký HV: -----			

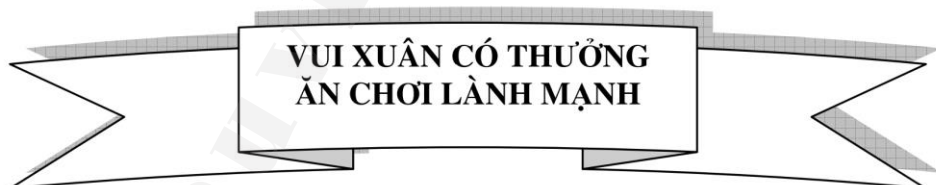
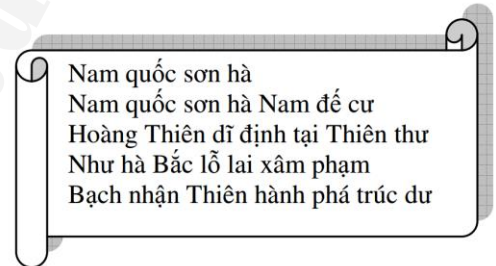
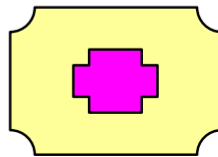
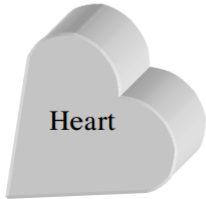
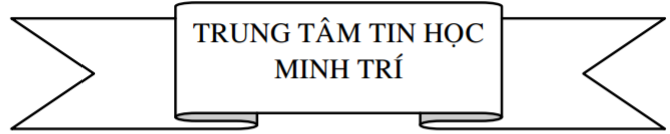
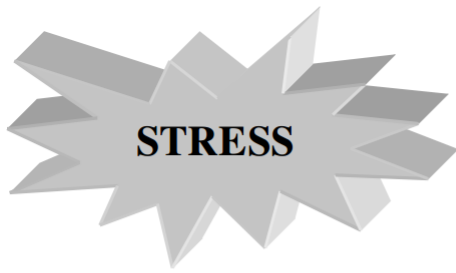
e.

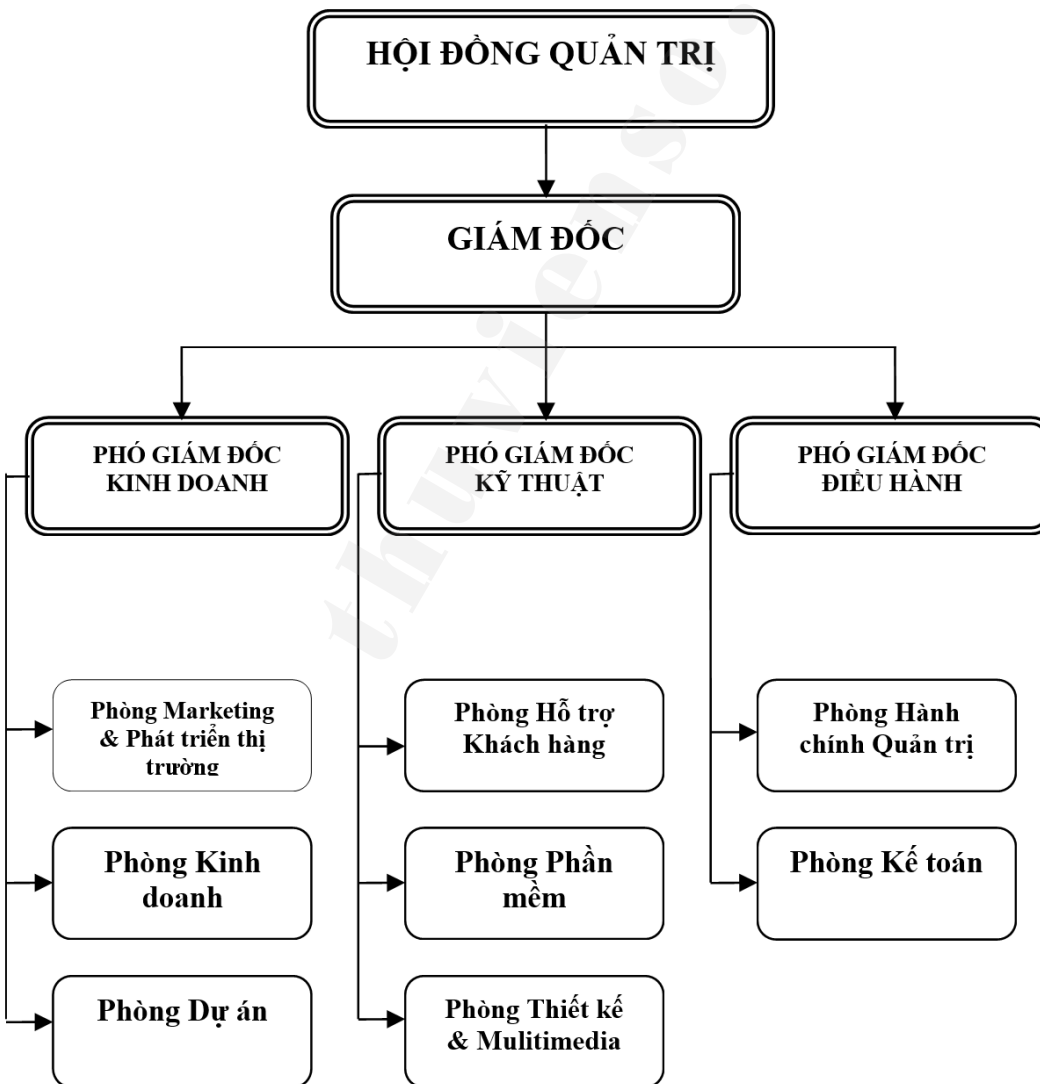
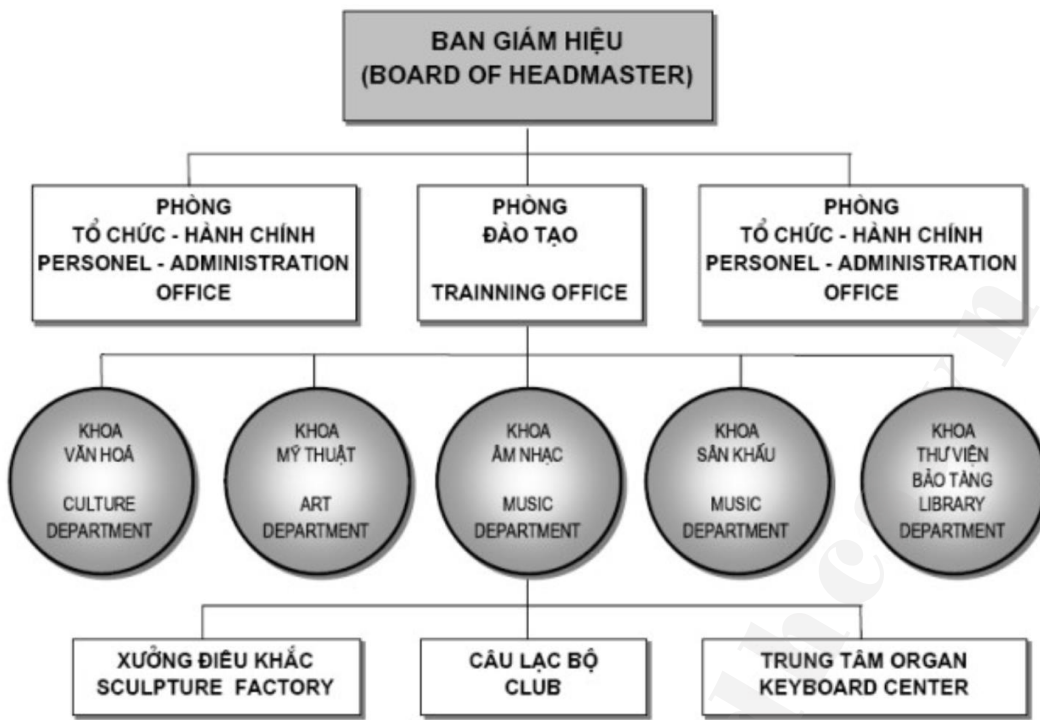
TOUR DU LỊCH CẦN THƠ

Phú Quốc	Cần Thơ-----	Côn Đảo _____	1.590.000 VND
Cần Thơ	Sóc Trăng-----	Bạc Liêu _____	2.300.000 VND
Cần Thơ	Bạc Liêu-----	Cà Mau _____	3.500.000 VND
Mỹ Tho	Bến Tre -----	Cần Thơ _____	4.000.000 VND

Câu 7: Sử dụng AutoShape







Câu 8: Sử dụng Mail Merge

1. Tạo thư trộn để điền thông tin của thí sinh vào phiếu đăng ký trúng tuyển có nội dung như sau:

PHIẾU ĐĂNG KÝ

CÔNG TY PHƯƠNG ĐÔNG PHÒNG NHÂN SỰ	PHIẾU ĐĂNG KÝ ỨNG TUYỂN			
	Họ tên:	:	
	Ngày sinh	:	
	Tỉnh/TP	:	
	Số điện thoại	:	
	<i>Đà Nẵng, ngày tháng năm</i>			
	NGƯỜI ỨNG TUYỂN			
	<i>(Ký tên và ghi rõ họ tên)</i>			

THÔNG TIN THÍ SINH

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TỈNH/TP	ĐIỆN THOẠI
1	Nguyễn Văn Sơn	02/01/1985	Đà Nẵng	0905207649
2	Trần Khánh Toàn	03/04/1983	Quảng Nam	0918200567
3	Trương Thị Mây	07/09/1984	Bắc Ninh	0978304506
4	Phạm Thu Hương	09/11/1986	Nam Định	0833120218

2. Tạo thư trộn để điền thông tin vào phiếu xuất kho hàng có nội dung như sau:

PHIẾU XUẤT KHO HÀNG

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Tên khách hàng: _____ Số: _____

Địa chỉ: _____ Loại tiền: _____

Số điện thoại: _____ Email: _____

Danh mục hàng hóa chi tiết như sau:

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Mã quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	TADA30	Chất tẩy dầu CP30	kg	Chuẩn QT			
				Cộng thành tiền			
Thuế suất GTGT:			10%	Tiền thuế GTGT			
				Yêu cầu thanh toán			

Đà Nẵng, ngày tháng năm

NGƯỜI XUẤT KHO

(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	EMAIL	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	TIỀN THUẾ GTGT	YÊU CẦU THANH TOÁN
1	Công ty cổ phần phụ tùng máy số 1	Đường 3/2 tổ 11, phường Mỏ Chè, Sông Công - Thái Nguyên	096075689	phutung01@gmail.com	100	55,000	5,500,000	550,000	6,050,000
2	Công ty cổ phần phụ tùng máy số 2	Đường 30/4 tổ 15, phường Mỏ Chè, Sông Công - Thái Nguyên	0918500873	phutung02@gmail.com	200	53,000	10,600,000	1,060,000	11,660,000
3	Công ty cổ phần phụ tùng máy số 3	Đường Ngô Quyền tổ 1, phường Mỏ Chè, Sông Công - Thái Nguyên	0978203545	phutung03@gmail.com	300	52,500	15,750,000	1,575,000	17,325,000

3. Tạo thư trộn để điền thông tin vào Phiếu đăng ký tạp chí Tin học có nội dung như sau:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND KHOA NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ☎: 0283847883	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>		
PHIẾU ĐĂNG KÝ TẠP CHÍ TIN HỌC			
Tên doanh nghiệp: _____			
Tên viết tắt: _____ Giám đốc: _____			
Địa chỉ nhận báo: _____			
Điện thoại: _____ Email: _____			
Số lượng đăng ký (theo năm – đánh dấu x)	50 cuốn <input type="checkbox"/> 100 cuốn <input type="checkbox"/> 200 cuốn <input type="checkbox"/>	Chuyển lần 1 <input type="checkbox"/> Chuyển lần 1 <input type="checkbox"/> Chuyển lần 1 <input type="checkbox"/>	Hoặc 12 kỳ <input type="checkbox"/> Hoặc 12 kỳ <input type="checkbox"/> Hoặc 12 kỳ <input type="checkbox"/>
NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Ký và ghi rõ họ tên)			

DANH SÁCH

STT	Tên doanh nghiệp	Tên viết tắt	Giám đốc	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	Công ty MTV Khang Trí	CT Khang Trí	Nguyễn Minh Khang	47 Ngô Quyền, Biên Hòa-Đồng Nai	0834506648	khangtri@gmail.com
2	Công ty MTV Chiến Thắng	CT Chiến Thắng	Nguyễn Minh Chiến	112 Lê Văn Việt, Biên Hòa-Đồng Nai	0833120218	minhchien@gmail.com
3	Công ty MTV An Bình	CT An Bình	Nguyễn Thanh Bình	109 Phan Chu Trinh, Biên Hòa-Đồng Nai	0823416616	minhtri@gmail.com

Câu 2: Thực hiện các yêu cầu và các thống kê sau:

BẢNG KÊ BÁN HÀNG - TIVI						
STT	Mã hàng	Thương hiệu	Ngày bán	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	JVC21K		12/10/2023		4	
2	TOS14M		12/10/2023		8	
3	SON21G		06/10/2023		24	
4	PAN14M		07/10/2023		6	
5	PAN21K		12/10/2023		14	
6	SAN21G		15/10/2023		8	
7	SON17M		06/10/2023		24	
8	JVC14G		18/10/2023		11	
9	TOS21M		02/10/2023		15	
10	SAN14G		16/10/2023		5	
THỐNG KÊ						
Tổng số lượng của thương hiệu SONY						
Tổng thành tiền thương hiệu Sanyo trả tiền mặt (kí tự cuối mã hàng là M)						
Tổng số mặt hàng SANYO bán được trong khoảng 1 - 15 tháng 10						
Tính tổng thành tiền của mặt hàng bán nhiều nhất						
Thương hiệu được bán nhiều nhất						
Bảng phụ						
Mã thương hiệu	Thương hiệu	14 inches	17 inches	21 inches		
JVC	JVC	95 USD	400 USD	412 USD		
SON	SONY	245 USD	410 USD	1010 USD		
TOS	TOSHIBA	175	350	364		
SAN	SANYO	166 USD	355 USD	376 USD		
PAN	PANASONIC	230 USD	415 USD	418 USD		

- Dựa vào 3 kí tự đầu của Mã hàng và Bảng phụ, điền thông tin cho cột Thương hiệu.
- Dựa vào 2 kí tự số của Mã hàng, Thương hiệu và Bảng phụ, điền thông tin cho cột Đơn giá.
- Tính Thành tiền = Số lượng*Đơn giá.
- Nhập công thức để hoàn thành việc bảng thống kê.
- Rút trích các mặt hàng SONY 14' và PANASONIC 21'.
- Lọc các thông tin Thương hiệu, Số lượng, Đơn giá, thành tiền của mặt hàng chuyển khoản (kí tự cuối của mã hàng là K)

Câu 3:

BẢNG KÊ THIẾT BỊ VĂN PHÒNG							
STT	Mã HH	Tên Hàng	Hiệu	Đơn giá	Ngày bán	Số lượng	Thành Tiền
1	MDN-042-HP			2,271,000	23/12/2023		
2	MT-004-SI			150,000	12/01/2024		
3	MF-102-PA			253,000	15/01/2024		
4	MDS-012-CO			109,000	18/01/2024		
5	MT-019-SI			150,000	30/01/2024		
6	MDN-012-HP			2,271,000	02/02/2024		
7	MT-055-SI			150,000	03/02/2024		
8	MDS-012-CO			109,000	10/02/2024		
9	DT-006-PA			1,386,000	12/02/2024		
10	DT-016-PA			1,386,000	02/03/2024		
11	MDN-008-HP			2,271,000	12/03/2024		
12	MF-112-PA			253,000	22/03/2024		

Yêu cầu: Sử dụng nhóm hàm xử lý chuỗi để trích thông tin từ chuỗi Mã HH với

- Tên hàng: Là các ký tự bên trái dấu nối của Mã HH.
- Hiệu: Là 2 ký tự bên phải của Mã HH.
- Số Lượng: Là những ký tự số ở giữa 2 dấu nối của Mã HH.

Đơn giá định dạng thêm đơn vị tiền tệ là VNĐ.

- Thành Tiền = Số lượng * Đơn giá, định dạng dấu phân cách hàng nghìn và đơn vị tiền tệ là VNĐ.

Câu 4: Sử dụng nhóm hàm ngày giờ

1.

KẾT QUẢ GIẢI CHẠY VIỆT DÃ						
	Giờ xuất phát :	6:00	Số Km :	14		
STT	Mã VĐV	Tên VĐV	Giờ kết thúc	Thành tích	Vận tốc	Xếp hạng
1	B1ĐTHS D32	Trương Trọng Hoàng	8:30			
2	B1ĐTHS D32	Nguyễn Văn Thành	8:20			
3	B2ĐTHS D32	Trần Trọng Nghĩa	8:45			
4	B3ĐTHS D32	Trần Thị Ngọc Lan	8:32			
5	B1CSĐT D32	Đoàn Bích Ngọc	8:35			
6	B1CSĐT D32	Hoàng Thúy Diễm	8:22			
7	B1CSĐT D32	Lý Kiều Trân	8:27			
8	B2CSĐT D32	Nguyễn Bảo Đăng	8:26			
9	B1KTHS D32	Lê Bảo Thanh	9:00			
- Tính Thành tích là số giờ và số phút đạt được						
- Tính Vận tốc là số Km/tổng số giờ đi được, làm tròn đến đơn vị, ví dụ 50km/giờ						
- Xếp hạng vận động viên						

2.

Date 1	Date 2	Số ngày	Số tháng	Số năm
04/Oct/2010	25/Feb/2024			
20/Jun/2020	26/Feb/2024			
20/Nov/2020	29/Feb/2024			

- Tính sự chênh lệch về ngày, tháng, năm của 2 mốc thời gian Date 1, Date 2

3.

Ngày Sinh	Tuổi	... tuổi ... tháng ... ngày
16/06/2016		
02/12/2018		
16/05/2014		

- Tính tuổi của các ngày sinh.

- Tính số tuổi, số tháng, số ngày của các ngày sinh sau

4.

Thời gian mua	Thời gian bảo hành	Ghi chú	Thời gian còn bảo hành	Thêm/ bớt thời gian bảo hành	Thêm/ bớt tháng
18/09/2024	3 tháng				2
30/09/2014	6 tháng				-2
30/11/2024	1 năm				1

- Ghi chú hiện thị còn/ không còn bảo hành

- Tính thời gian còn bảo hành

- Thêm/bớt thời gian bảo hành nếu mua ngày 18/9 và 30/11

Câu 5: Sử dụng nhóm hàm logic

$$F \equiv (p \leftrightarrow q) \vee t \rightarrow (q.\bar{r} + \bar{t})$$

1. Xây dựng bảng chân lý của công thức

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q
1	p	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1
2	q	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1
3	r	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1
4	t	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1
5	$p + q$																
6	$(p + q) \leftrightarrow r$																
7	$\overline{p \leftrightarrow q}$																
8	$(\overline{p \leftrightarrow q}).t$																
9	$p \vee r$																
10	$(\overline{p \leftrightarrow q}).t \rightarrow (p \vee r)$																
11	F																

2. Giải phương trình logic sau

$$F \equiv (\overline{p.q} + r) \rightarrow \left((\overline{r \leftrightarrow \bar{p}}) \leftrightarrow (p.r \vee t) \right) = 1$$

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q
1	p	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1
2	q	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1
3	r	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1

4	t	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1
5	\bar{p}																
6	\bar{q}																
7	$\overline{p.q} \equiv \bar{p} \vee \bar{q}$																
8	$\overline{p.q+r}$																
9	$\left(\overline{r \leftrightarrow p}\right) \equiv r + \bar{p}$																
10	$p.r$																
11	$p.r \vee t$																
12	$\left(\overline{r \leftrightarrow p}\right) \leftrightarrow (p.r \vee t)$																
13	F																

3. Thực hiện các yêu cầu của Bảng theo dõi bán hàng máy lạnh

MÃ SỐ	TÊN HÀNG	ĐƠN GIÁ MUA	HÌNH THỨC	NGÀY BÁN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ BÁN	KHUYẾN MÃI	THÀNH TIỀN	NGÀY HẾT HẠN BẢO HÀNH	GHI CHÚ
PA01N		1,000,000		30/04/2023	15					
PA12X		2,500,000		13/05/2023	25					
TO12N		3,200,000		14/04/2023	47					
TO12X		4,500,000		30/05/2023	12					
NOXX		5,000,000		02/06/2023	45					
PA14N		4,000,000		14/04/2023	30					
TO15X		4,200,000		20/05/2023	50					

Yêu cầu:

- Xác định Tên hãng biết rằng:

Nếu 2 ký tự đầu của mã hàng là PA thì là Panasonic

Nếu 2 ký tự đầu của mã hàng là SS thì là SamSung

Nếu 2 ký tự đầu của mã hàng là TO thì là Toshiba

Nếu 2 ký tự đầu của mã hàng là HI thì là Hitachi

- Xác định Hình thức biết rằng nếu ký tự cuối của mã hàng là N thì hình thức là Nhập, còn lại là Xuất.

- Tính Đơn giá bán biết rằng:

Nếu hãng sản xuất là Panasonic và Toshiba bán trong tháng 05 thì tăng đơn giá mua 20%.

Nếu hãng sản xuất là SamSung và bán với số lượng ≥ 30 thì tăng đơn giá mua lên 15%.

Các sản phẩm còn lại tăng đơn giá mua lên 10%.

- Tính Khuyến mãi biết rằng nếu sản phẩm được bán vào ngày 30/04/2023 hoặc bán với số lượng ≥ 30 thì khuyến mãi là 1,000,000. Còn lại bỏ trống.

- Tính Thành tiền = Số lượng * Đơn giá bán - Khuyến mãi. Nhưng nếu sản phẩm của hãng Hitachi thì giảm thêm 500,000.

- Xác định Hạn bảo hành biết rằng nếu sản phẩm của hãng Toshiba và Hitachi thì thời hạn bảo hành là 18 tháng, nếu sản phẩm của SamSung thì bảo hành là 3 năm, còn lại bảo hành 380 ngày.

- Xác định cột Ghi chú biết rằng nếu khách hàng có thành tiền $\geq 250,000,000$ thì ghi là "KHÁCH HÀNG VIP".

Câu 6: Sử dụng nhóm hàm tìm kiếm và tham chiếu

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG								
STT	Mã Hàng	Tên Hàng	Số Lượng	Đơn Giá	Thành tiền		Tiền Giảm	Phải Trả
					Sỉ	Lẻ		
1	MA		175					
2	BO		50					
3	MA		145					
4	XO		40					
5	BO		53					
6	MA		55					
DANH MỤC MẶT HÀNG				BẢNG TỔNG HỢP				
					Mặt hàng	Số lượng	Thành tiền	
Mã Hàng	XO	BO	MA				Sỉ	Lẻ
Tên Hàng	Xoài	Bơ	Mận		Xoài			
Giá sỉ	45,000	60,000	22,000		Bơ			
Giá lẻ	56,000	75,000	25,000		Mận			

Yêu cầu:

- Xác định Tên hàng dựa vào Mã hàng và bảng Danh mục mặt hàng.
- Xác định Đơn giá dựa vào Mã hàng và bảng Danh mục mặt hàng và nếu số lượng ≥ 50 thì lấy đơn giá là giá sỉ, ngược lại lấy giá lẻ.
- Tính Thành tiền sỉ/lẻ = Số lượng sỉ/lẻ * Giá sỉ/lẻ.
Số lượng sỉ = 50, số lượng lẻ < 50, trong một số trường hợp Số lượng lẻ * Giá lẻ > 50 * Giá sỉ, ta lấy 50 * Giá sỉ để làm hài lòng khách hàng.
- Tính Tiền giảm biết rằng nếu mua có số lượng sỉ thì giảm 2% thành tiền.
- Tính Phải trả = Thành tiền - Tiền giảm.
- Hoàn thành bảng tổng hợp theo mặt hàng.

Câu 7:

BẢNG LƯƠNG THÁNG 10									
Tên	Mã số	LCB	NC	Mã loại	SNCT	Hệ số	Lương	Phụ cấp	Thực lãnh
Nam	A4	600	23						
Thu	C2	480	25						
Hoa	D1	390	28						
Đông	B4	520	24						
Thanh	B7	520	23						
Quang	C5	480	25						
Đoan	B3	520	25						
Trung	B5	520	25						
Thảo	A6	600	22						
Khanh	D2	390	28						
BẢNG TÍNH HỆ SỐ									
Mã loại	Số năm công tác								
	1 -> 3	4 -> 6		7 -> 8					
A	10	12		15					
B	9	11		13					
C	9	10		12					
D	8	9		11					

Yêu cầu:

1. Xác định Mã loại dựa vào kí tự đầu của Mã số.
2. Xác định Số năm công tác (SNCT) dựa vào kí tự cuối của Mã số và Bảng tính hệ số.
3. Xác định Hệ số dựa vào Mã loại, số năm công tác (SNCT) và Bảng tính hệ số.
4. Tính Lương = LCB * Hệ số * NC, nhưng nếu NC > 24 thì phần ngày công vượt trên 24 được tính gấp đôi.
5. Tính Phụ cấp: mỗi năm công tác được tính phụ cấp là 10,000 và nếu Mã loại là A thì phụ cấp được cộng thêm 6000.
6. Tính Thực lãnh = Lương + Phụ cấp nhưng Thực lãnh này không được thấp hơn 140,000.
7. Lọc các thông tin Tên, LCB, NC, Lương, Phụ cấp, Thực lãnh có Mã loại là B, SNCT >= 5 và Ngày công từ 24 trở lên.

Câu 8:

DOANH THU VẬN CHUYỂN BƯU ĐIỆN							
STT	Ngày gửi	Mã bưu kiện	Nơi đến & phương tiện	Hình thức	Trọng lượng (gram)	Doanh thu	Giá cước
1	18/02/2023	02AUE			50		
2	05/03/2023	02USN			150		
3	25/01/2023	01USE			200		
4	25/02/2023	01SIE			150		
5	12/04/2023	02AUN			250		
6	20/10/2023	01USN			500		
7	24/04/2023	01AUE			600		
8	30/04/2023	01USN			700		
9	01/05/2023	01AUE			400		
10	18/03/2034	01SIN			800		
	Mã nước	Tên nước	Giá cước		Mã phương tiện	01	02
	US	USA	15,000		Tên phương tiện	Máy bay	Tàu thủy
	FR	FRANCE	17,000		Doanh thu Bình thường		
	AU	AUSTRALIA	11,000		Doanh thu Nhanh		
	SI	SINGAPORE	9,000			Bảng 3	

Bảng 2**Yêu cầu:**

- 2 ký tự đầu chỉ mã phương tiện.

- Ký tự thứ 3, 4 chỉ mã nước.

- Ký tự cuối chỉ hình thức gửi.

1. Xác định Nơi đến và Phương tiện dựa theo mã nước và mã phương tiện dò tìm trong Bảng 2 và Bảng 3. Ví dụ: 02USN ghi là AUSTRALIA_Tàu thủy

2. Xác định Hình thức biết rằng nếu ký tự cuối của mã bưu kiện là N ghi “Bình thường”, E ghi “Nhanh”.

3. Tính Giá cước dựa theo mã nước dò tìm trong Bảng 2, biết rằng nếu hình thức gửi là nhanh thì tăng cước lên 5%.

4. Tính Doanh thu = Trọng lượng * Giá cước, biết rằng nếu gửi trong tháng 3 và bưu kiện có trọng lượng >200 gram thì giảm 1%.

5. Sắp xếp tăng dần theo ngày gửi. Định dạng cột Doanh thu có dấu phân cách hàng nghìn và theo dạng tiền tệ VNĐ.

6. Thống kê Doanh thu ghi kết quả vào Bảng 3.

7. Lọc ra danh sách các bưu kiện có trọng lượng >200 gram và vận chuyển bằng tàu thủy.

Câu 9:

BÁO CÁO NHẬP VĂN PHÒNG PHẨM NĂM 2023								
Quý	Mã hàng	Tên VPP	Nhà sản xuất	Số lượng	Ngày nhập	Đơn giá	Tiền giảm	Thanh toán
1	B1-BN85				11/01/2023			
	V2-TS160				24/02/2023			
	V2-TT70				16/03/2023			
	T1-TT240				27/03/2023			
2	G2-TL10				08/05/2023			
	V2-BN290				20/06/2023			
	V1-TS150				20/06/2023			
4	B2-TL200				16/10/2023			
	V1-TL182				20/12/2023			

DANH MỤC VĂN PHÒNG PHẨM				
Mã VPP	Tên VPP	Loại 1	Loại 2	Khác
B	Bút	30,000	25,000	32,000
T	Thước	40,000	38,000	41,500
V	Vở	45,000	42,000	48,000
G	Giấy	80,000	76,000	83,000
DANH MỤC NHÀ SẢN XUẤT				
Mã NSX	BN	TS	TT	TL
Nhà sản xuất	Bến Nghé	Trường Sơn	Tân Tiến	Thiên Long
Tỉ giá giảm	10%	3%		8%

Yêu cầu:

1. Xác định Tên VPP dựa vào ký tự đầu của Mã hàng và bảng Danh mục VPP.
2. Xác định Nhà sản xuất dựa vào ký tự thứ 4,5 của Mã hàng và bảng Danh mục nhà sản xuất.

3. Xác định Số lượng dựa vào các ký tự số bên phải của Mã hàng.
4. Tính Đơn giá dựa vào 2 ký tự đầu và bảng danh mục văn phòng phẩm (Nếu Số lượng <100 thì lấy Đơn giá khác).
5. Tính Tiền giảm = Số lượng *Đơn giá * Tỷ giá giảm, biết rằng tỷ giá giảm trong bảng danh mục nhà sản xuất, trong trường hợp nhập sau ngày 15 hàng tháng.
6. Tính Thanh toán = Số lượng *Đơn giá - Tiền giảm.
7. Tạo bảng thống kê Tổng số lượng và Tổng thanh toán từng mặt hàng văn phòng phẩm của mỗi quý.

Mặt hàng	Bút		Thước		Vở		Giấy	
	Tổng số lượng	Tổng thanh toán	Tổng số lượng	Tổng thanh toán	Tổng số lượng	Tổng thanh toán	Tổng số lượng	Tổng thanh toán
1								
2								
3								
4								

8. Lọc danh sách mặt hàng có tiền giảm lớn nhất.

Câu 10: Sử dụng nhóm hàm cơ sở dữ liệu

CÁC HÀM THỐNG KÊ TRONG CSDL (DCOUNT, DSUM, DAVERAGE, DMAX, DMIN)			
Khu vực	Sản phẩm	Doanh thu	Hàm Dsum
Nam	SP 01	1,864,922	Tổng doanh thu KV miền Bắc
Trung	SP 01	961,319	Tổng doanh thu KV miền Nam và miền Trung
Bắc	SP 01	2,883,956	Tổng doanh thu SP 02 của KV miền Nam
Trung	SP 02	472,543	Tổng doanh thu các SP lớn hơn 1 triệu
Nam	SP 02	239,879	Tổng doanh Miền Bắc và > 1 triệu
Bắc	SP 02	719,636	
Nam	SP 03	892,782	Hàm Dcount
Bắc	SP 03	901,800	Số SP có doanh thu > 1 triệu
Trung	SP 03	3,306,600	Số SP miền Nam và doanh thu < 1 triệu
Trung	SP 04	1,214,184	
Nam	SP 04	809,456	Hàm Daverage
Bắc	SP 04	408,816	Tính trung bình doanh thu miền Bắc
Trung	SP 05	540,840	Tính trung bình doanh thu SP 04
Nam	SP 05	546,371	
Bắc	SP 05	1,087,210	Hàm Dmax
Bắc	SP 06	351,702	Doanh thu cao nhất là bao nhiêu?
Trung	SP 06	5,275,530	Doanh thu miền Trung cao nhất là bao nhiêu?
Nam	SP 06	1,060,517	
			Hàm Dmin
			Doanh thu thấp nhất là bao nhiêu?
			Doanh thu miền Nam thấp nhất là bao nhiêu?

Câu 11:

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP KHẨU XĂNG DẦU							
STT	Mã hàng	Ngày nhập	Số lít	Tên hàng	Đơn giá	Thành tiền	
1	PL-989-95	01/02/2021					
2	PT-1220-92	17/03/2021					
3	SP-1720-DA	25/02/2021					
4	PL-9611-95	19/04/2021					
5	PT-1572-DA	27/04/2021					
6	SP-500-92	27/04/2021					
7	PL-1500-95	02/05/2021					
8	PT-1000-DA	03/05/2021					
9	SP-750-95	20/06/2021					
10	PT-1572-DA	23/06/2021					
Tổng số lít xăng của đại lý Petrolimex							
Tổng số lần nhập dầu trong tháng 4							
Tổng thành tiền lớn nhất nhập xăng 92							
BẢNG TRA TÊN HÀNG VÀ ĐƠN GIÁ (USD)					BẢNG TỶ GIÁ		
Mã xe	Đại lý	95	92	DA	Ngày	Tỷ giá (VND)	
		Xăng 95	Xăng 92	Dầu			
PL	Petrolimex	1.3	1.4	1	01/02/2021	22000	
PT	Petimex	1.2	1.1	0.8	01/03/2021	22500	
SP	Saigon Petro	1.5	1.2	1.1	01/04/2021	23500	
					01/06/2021	23000	
					01/05/2021	23500	

Yêu cầu:

1. Xác định Số lít dựa vào các ký tự số ở giữa của Mã hàng.
2. Xác định Tên hàng dựa vào 2 kí tự cuối của Mã hàng và bảng tra tên hàng và đơn giá.
3. Tính Thành tiền = Số lít * Đơn giá * Tỷ giá, biết rằng Đơn giá tăng 2% nếu nhập trong quý 1.
4. Tạo bảng thống kê Số lít, Thành tiền của từng đại lý và Tên hàng.

BẢNG THỐNG KÊ						
Tên hàng	Xăng 95		Xăng 92		Dầu	
Đại lý	Số lít	Thành tiền	Số lít	Thành tiền	Số lít	Thành tiền
Petrolimex						
Petimex						

Saigon Petro						
--------------	--	--	--	--	--	--

5. Lọc danh sách tên hàng Xăng của đại lý Petrolimex và dầu.

6. Tính tổng số lít xăng của đại lý Petrolimex, Tổng số lần nhập dầu trong tháng 04, Tổng thành tiền lớn nhất nhập xăng 92.

Câu 12:

THỐNG KÊ BÁN BÁO NĂM 2023										
Mã đặt báo	Tên KH	Loại KH	Ngày đặt	Tiếp thị	Phụ nữ	Thẻ thao	Thành tiền	Giảm giá	Khuyến mại	
CQ01			07/02/2023	40		60				
CNKN			03/02/2023		80	30				
CQ02			18/02/2023	50	40					
CQ03			20/02/2023	70		50				
CNNT			25/02/2023		40	40				
CNTH			05/03/2023	70	30	10				
CQ04			26/03/2023		20	40				
CQ05			16/04/2023	40	10	10				
CNMN			20/04/2023	30	50	40				
DNTS			26/04/2023	20	10					
Tổng số hóa đơn của khách hàng Cơ quan, có số lượng đặt báo Tiếp thị >=50 đặt trong tháng 2										
Bảng 1		BẢNG THỐNG KÊ								
Mã KH	Tên khách hàng	Tháng/Năm	Tiếp thị	Phụ nữ	Thẻ Thao					
01	Công ty Nam Hoa	02/2023								
02	Xí nghiệp giấy da	03/2023								
03	Nhà sách Xuân Thu	04/2023								
04	Nhà sách Tân Định									
05	Nhà sách Phú Nhuận									
		Tổng Thành tiền								
		Tổng Giảm giá								

Yêu cầu:

Mô tả: 2 ký tự đầu của Mã đặt báo cho biết loại khách hàng là cá nhân (CN), cơ quan (CQ), doanh nghiệp (DN)

1. Xác định Tên khách hàng dựa vào Mã đặt báo, biết rằng nếu là CQ thì dựa vào Mã KH trong bảng 1, còn ngược lại thì để trống.

2. Xác định Loại KH dựa vào Mã đặt báo, biết rằng nếu là CQ là Cơ quan, CN là Cá nhân, DN là Doanh nghiệp.

3. Tính Thành tiền = Tổng số lượng các báo * Đơn giá. Biết rằng Tổng số lượng các báo là Tiếp thị, Phụ nữ, Thẻ Thao; Nếu Loại KH là cơ quan thì đơn giá 1200, cá nhân thì 1500, doanh nghiệp thì 2000.

4. Tính Giảm giá biết rằng nếu Loại KH là Cơ quan, Tổng số lượng các báo >=50 thì giảm 10% Thanh tiền, ngược lại thì không giảm giá.

5. Tính Khuyến mại biết rằng nếu đặt báo vào ngày 3/2, 26/3 thì được Tặng vé xem ca nhạc, ngược lại thì để trống

6. Tạo bảng thống kê số lượng theo Tháng/Năm và từng loại báo.
7. Tính Tổng Thành Tiền, Tổng giảm giá của khách hàng cá nhân theo từng loại báo.
8. Tính tổng số hóa đơn của khách hàng Cơ quan, có số lượng đặt báo Tiếp thị ≥ 50 đặt trong tháng 2
9. Lọc ra thông tin khách hàng mua nhiều báo Thể thao nhất.

Câu 13:

BẢNG THANH TOÁN TIỀN SÁCH							
STT	Mã hàng	Ngày bán	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thuế	Thành tiền
1	VT10TK	15/01/2021		30			
2	AV05TK	10/12/2021		50			
3	VT17GK	02/01/2020		45			
4	NV15TK	15/03/2021		80			
5	HA08GK	04/07/2021		15			
6	DL02GK	15/12/2021		30			
7	AV09GK	13/05/2021		10			
8	NV12GK	11/09/2020		50			
9	DL18TK	20/03/2022		42			
Bảng 1				Bảng 2			
Mã sách	Tên sách	Thuế	Đơn giá theo loại		Mã loại	Loại sách	
			TK	GK			
VT	Tin học	0.02	60,000 VND	20,000 VND	TK	Tham khảo	
DL	Địa lý	0.01	30,000 VND	15,000 VND	GK	Giáo khoa	
HA	Hóa học	0.01	15,000 VND	10,000 VND			
AV	Anh văn	0.02	20,000 VND	25,000 VND			
NV	Ngữ văn	0.01	12,000 VND	15,000 VND			
BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG							
Sách	Tham khảo	Giáo khoa	Loại sách	Tổng Thành tiền			
Tin học			Tham khảo				
Địa lý			Giáo khoa				
Hóa học							
Anh văn							
Ngữ văn							

Yêu cầu:

Mô tả: 2 kí tự đầu của Mã hàng cho biết Mã sách, 2 kí tự cuối của mã hàng cho biết Mã loại.

1. Xác định Tên hàng dựa vào Mã hàng, Bảng 1 và Bảng 2, ví dụ VT10TK thì tên hàng là "Tin học _ Tham khảo".

2. Tính Đơn giá dựa vào Mã sách, Mã loại và Bảng 1.
3. Tính Thuế dựa vào Mã sách và Bảng 1.
5. Tính Thành tiền = Số lượng * Đơn giá, biết rằng nếu sách bán trong tháng 5 thì thành tiền giảm 5%
6. Thống kê số lượng và thành tiền theo mẫu trên.
7. Tính tổng thành tiền lớn nhất bán trong năm 2021
8. Lọc ra những hóa đơn bán mặt hàng sách Tin học giáo khoa trong tháng 3/2021

Câu 14:

BẢNG THỐNG KÊ DOANH THU BÁN HÀNG QUÝ II/2023									
STT	MaHD	Tên hãng SX	Tên hàng	Số lượng	Ngày bán	Đơn giá	Khuyến mãi	Giảm giá	Thành tiền
1	O111906	Omo			09/05/2023				
2	T111063	Tide			10/05/2023				
3	L114603	Lix			11/05/2023				
4	A112704	Aba			12/05/2023				
5	N114812	Net			13/05/2023				
6	N31606	Net			03/06/2023				
7	T113982	Tide			04/06/2023				
8	O21340	Omo			05/06/2023				
9	L513181	Lix			06/06/2023				
10	L213997	Lix			07/06/2023				
11	A21428	Aba			08/06/2023				
12	O512658	Omo			14/06/2023				
13	T411348	Tide			15/06/2023				
14	A11574	Aba			16/06/2023				
15	L313610	Lix			17/06/2023				
Bảng: Tide									
Mã hàng	T11	T21	T31	T41					
Tên Hàng	Bột giặt Tide trắng đột phá hương Downy 2.5kg	Bột giặt Tide trắng đột phá hương Downy 3.8kg	Bột giặt Tide trắng đột phá hương Downy 650g	Bột giặt Tide Trắng đột phá 5.5kg					
Đơn giá tháng 5	84.000	127.000	31.500	197.000					
Đơn giá tháng 6	85.000	127.500	31.000	195.000					
Bảng: Omo									
Mã hàng	O11	O21	O31	O41	O51				
Tên Hàng	Bột giặt OMO Sạch cực nhanh 6kg	Bột giặt OMO Matic 3X xoay bay vết bẩn 4.5kg	Bột giặt OMO Matic cửa trên 4.5kg	Bột giặt OMO Comfort tinh dầu thơm ngắt ngày 2.7kg	Bột giặt OMO Sạch cực nhanh 4.5kg				
Đơn giá tháng 5	215.000	234.000	209.000	126.000	189.000				
Đơn giá tháng 6	217.000	235.000	207.000	127.000	192.000				
Bảng: Lix									
Mã hàng	L11	L21	L31	L41	L51				
Tên Hàng	Bột giặt Lix hương nước hoa 5.5kg	Bột giặt Lix Extra Đậm đặc 3kg	Bột giặt Lix Extra hương chanh 6kg	Bột giặt Lix Extra hương hoa 2.4kg	Bột giặt Lix Extra Đậm đặc 6kg				
Đơn giá tháng 5	139.000	97.000	125.000	69.000	165.000				
Đơn giá tháng 6	141.000	100.000	124.000	69.000	166.000				
Bảng: Aba									
Mã hàng	A11	A21	A31	A41	A51				
Tên Hàng	Bột giặt nhiệt Aba sạch tinh thơm 800g	Bột giặt nhiệt Aba sạch tinh thơm 6kg	Bột giặt Aba hương nước hoa 4.1kg	Bột giặt nhiệt Aba sạch tinh thơm 1.5kg	Bột giặt nhiệt Aba hương nước hoa 360g				
Đơn giá tháng 5	28.000	190.000	152.000	65.000	17.500				
Đơn giá tháng 6	29.000	189.000	151.000	66.000	18.000				
Bảng: Net									
Mã hàng	N11	N21	N31	N41					
Tên Hàng	Bột giặt NET Extra hoa thiên nhiên 6kg	Bột giặt NET hương hoa sứ 6kg	Bột giặt NET hương hoa sứ 2.4kg	Bột giặt NET hương hoa sứ 600g					
Đơn giá tháng 5	119.000	117.000	68.000	18.000					
Đơn giá tháng 6	120.000	117.500	67.500	18.500					

Yêu cầu:

1. Xác định Tên hàng dựa vào 03 ký tự đầu của Mã hóa đơn, Tên hãng sản xuất và các bảng tham chiếu.

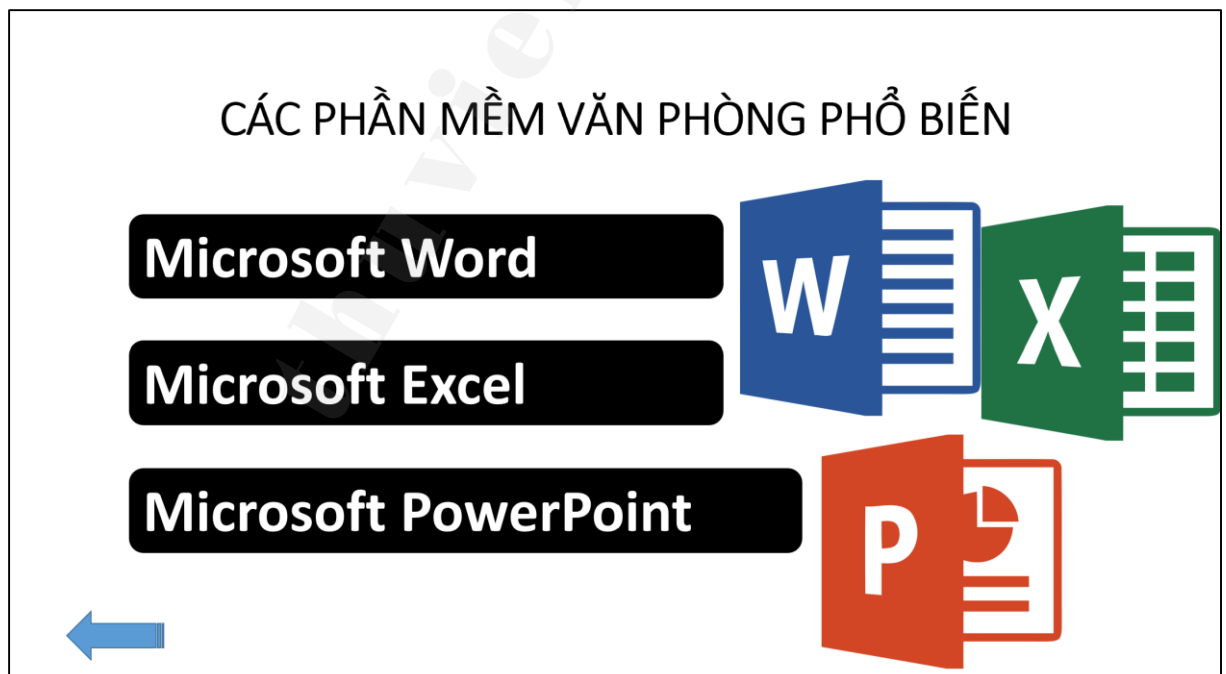
2. Tính Số lượng (dạng số) là các ký tự còn lại của Mã hóa đơn trừ đi 03 ký tự bên trái.
3. Xác định Đơn giá dựa vào 03 ký tự đầu của Mã hóa đơn, Tên hãng sản xuất và các bảng tham chiếu, biết rằng nếu Ngày bán trong tháng 5 thì lấy từ các bảng phụ tại cột Đơn giá tháng 5, nếu Ngày bán trong tháng 6 thì lấy từ các bảng phụ tại cột Đơn giá tháng 6.
4. Tính Khuyến mãi, biết rằng nếu các mặt hàng là Aba hoặc Tide, có số lượng từ 3500 trở lên thì tiền khuyến mãi bằng $2\% * \text{số lượng} * \text{đơn giá}$, nếu mặt hàng là Omo, được bán vào ngày chủ nhật thì tiền khuyến mãi bằng $1.5\% * \text{số lượng} * \text{đơn giá}$, các trường hợp còn lại không khuyến mãi.
5. Tính Giảm giá, biết rằng nếu khách hàng mua các sản phẩm Net với số lượng từ 2000 trở lên sẽ được giảm giá là $1.25\% * \text{số lượng} * \text{đơn giá}$. Nếu khách hàng mua các sản phẩm của Lix trong tháng 5 sẽ được giảm giá $1.5\% * \text{số lượng} * \text{đơn giá}$. Các trường hợp còn lại không giảm giá.
6. Tính Thành tiền = Số lượng * Đơn giá - Khuyến mãi - Giảm giá. Định dạng đơn vị tiền tệ là VND.
7. Trích lọc các sản phẩm có số lượng lớn hơn 3000 và được bán trong tháng 5.
8. Trích lọc các sản phẩm có khuyến mãi hoặc giảm giá
9. Sử dụng hàm Index, Match tìm mã hóa đơn có thành tiền cao nhất
10. Sử dụng hàm Index, Match tìm Tên hàng có số lượng bán ít nhất.
11. Sử dụng hàm Dsum tính tổng thành tiền của hãng Lix bán trong tháng 5.
12. Tìm số lượng lớn thứ 2 của hãng Omo
13. Tính tổng thành tiền của hãng Net và Tide.
14. Tìm số lượng lớn nhất của hãng Aba bán trong tháng 5.

❖ MODULE IU5: SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Câu 1: Tạo 3 slide có nội dung như sau



Slide 01



Slide 02

CÁC PHẦN MỀM THIẾT KẾ ĐỒ HỌA PHỔ BIẾN



Slide 03

Yêu cầu:

1. Chọn themes cho nội dung trình chiếu là **Dividend**. Sau đó tạo **Background** cho slide 2 là hình **Nen 1.JPG**, slide 3 là hình **Nen 2.JPG**.



Nền 1



Nền 2

2. Thiết lập liên kết trang:

a. Từ các chủ đề trên trang tiêu đề (slide 1) liên kết đến các trang con (slide 2; slide 3 tương ứng. Ví dụ: khi click vào ô chứa từ **Phần mềm thiết kế Đồ họa** trên trang tiêu đề thì chuyển đến trang con **Các Phần mềm Thiết kế đồ họa phổ biến**.

b. Từ dấu mũi tên trên các slide 2, slide 3 liên kết về trang tiêu đề.

3. Thiết lập hiệu ứng hoạt hình (**Animations**) cho các slide 2;3 như sau: tên phần mềm xuất hiện rồi đến logo minh họa phần mềm tương ứng xuất hiện, chú ý áp dụng cho từng hiệu ứng bằng sự kiện click chuột.

Ví dụ: Từ “**PhotoShop**” xuất hiện rồi đến logo minh họa phần mềm **Photoshop** xuất hiện. Áp dụng lần lượt cho tất cả các ứng dụng còn lại (tự chọn hiệu ứng xuất hiện).

4. Thiết lập hiệu ứng chuyển slide (**Transitions**) cho toàn bộ trình chiếu là **Clock**.

Câu 2: Tạo 3 slide có nội dung như sau

Tìm hiểu ứng dụng CNTT cơ bản

CHỌN CÂU HỎI

Câu hỏi 1

Câu hỏi 2

Kết thúc

Slide 01

Word **Câu 1** Word

Trong Word, để thêm văn bản nền mờ (watermark) ta vào:

A. Design > Watermark

B. Home > Watermark

Đáp án

A. Design > Watermark

Slide 02

Excel

Câu 2

Excel

Cho biết kết quả của công thức sau: =VALUE (MID (UPPER (“Excel 2016 nâng cao”), 7, 4))

- A. 2016 (dạng số)
- B. 2016 (dạng chuỗi số)

A. 2016 (dạng số)

Đáp án



Slide 03

Yêu cầu:

1. Chọn **themes** cho trình chiếu là **Retrospect**.
2. Hiệu chỉnh các hiệu ứng hoạt hình (**Animations**) cho **slide 1** như sau:
Text “**Tìm hiểu ứng dụng CNTT cơ bản**” chọn hiệu ứng **Grow/Shrink** trong nhóm **Emphasis**, hiệu ứng lặp lại đến khi chuyển slide.
3. Hiệu chỉnh các hiệu ứng hoạt hình (**Animations**) cho **slide 1** như sau:
 - **Tạo các liên kết** cho các câu hỏi:
 - o Câu hỏi 1 liên kết đến slide 2.
 - o Câu hỏi 2 liên kết đến slide 3.
 - o **Tạo action**: khi click chọn nút kết thúc sẽ thoát khỏi trình chiếu.
 - **Tạo các trigger**: khi click chọn câu hỏi thì các **câu hỏi** biến mất với hiệu ứng **Split** trong nhóm **Exit**.
4. Hiệu chỉnh các hiệu ứng hoạt hình (**Animations**) cho **slide 2,3** như sau:
 - Các Text “**Word**”, “**Excel**”, trên các slide 2, 3 xuất hiện cùng lúc bằng hiệu ứng **Basic Swivel**, được lặp lại đến khi chuyển sang slide khác.
 - Tạo liên kết: khi **click vào hình ngôi nhà** sẽ liên kết về slide 1

- **Tạo trigger:** Khi click chọn khung “**Câu 1**” hoặc “**Câu 2**” thì nội dung câu hỏi xuất hiện bằng hiệu ứng **Whip**

- **Tạo trigger:** khi click chọn nút “**Đáp án**” câu trả lời xuất hiện bằng hiệu ứng **Spinner**.

Câu 3: Tạo 4 slide có nội dung như sau:



Slide 01



Slide 02

Câu hỏi 2: Đây là cầu thủ bóng đá nổi tiếng nào của Việt Nam?

Hết giờ

Bắt đầu



Nguyễn Quang Hải (sinh ngày 12 tháng 4 năm 1997) là cầu thủ bóng đá hiện đang chơi cho Câu lạc bộ bóng đá Hà Nội và Đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam. Sinh ra tại huyện Đông Anh, Hà Nội, Quang Hải tham gia đội trẻ của CLB Hà Nội T&T từ năm 9 tuổi. Ở tuổi 16, anh đã giành chức vô địch Giải bóng đá U21 quốc gia 2013. Năm 2014, Quang Hải cùng đội trẻ của Hà Nội T&T giành á quân Giải bóng đá U17 quốc gia. Kể từ năm 2014, anh cùng Hà Nội T&T và sau đó là CLB Hà Nội vô địch liên tiếp Giải bóng đá U19 quốc gia các năm 2014, 2015, và 2016. Cùng năm 2016, anh cũng vô địch Giải bóng đá U21 quốc gia.

A. TIÊN DŨNG **B. QUANG HẢI** **C. VĂN HẠ**




Slide 03

Bạn đã trả lời đúng

0 Câu hỏi

1 Câu hỏi

2 Câu hỏi

Chúc mừng bạn đã hoàn thành xuất sắc trò chơi

Chúc mừng bạn đã hoàn thành trò chơi

Chúc bạn may mắn lần sau

Exit

Slide 04

Yêu cầu:

1. Chọn themes cho nội dung trình chiếu là **Slice**.
2. Hiệu chỉnh cho slide 1 như sau:
 - a. Thiết lập các hiệu ứng hoạt hình:

- Dòng chữ “Trò chơi” chọn hiệu ứng **Brush Color** trong nhóm **Emphasis** và lặp lại cho đến khi chuyển slide.

- Các Khung: Câu hỏi, Câu hỏi 1, Câu hỏi 2 lần lượt xuất hiện bằng hiệu ứng **Fly In**.

Sau đó nhấn mạnh lần lượt các khung bằng hiệu ứng **Pulse** trong nhóm **Emphasis**.

b) Tạo các liên kết như sau:

- Câu 1 liên kết đến slide 2.
- Câu 2 liên kết đến slide 3.

c) Xóa background cho hình em bé.

3. Thiết lập các hiệu ứng cho slide 2 như sau:

- Sử dụng hiệu ứng xuất hiện Fly in theo thứ tự: Hình ca sỹ, câu hỏi, các đáp án và khung “Bắt đầu”.

- Tạo hiệu ứng đồng hồ chạy trên slide 2 và 3 với hiệu ứng xuất hiện của mỗi đối tượng số 1, 2, 3, 4, 5 và hết giờ là **wheel**, thời gian mỗi đối tượng xuất hiện là 1 giây. Khi chọn ô Bắt đầu thì đồng hồ sẽ tính giờ.

- Khi click chọn các đáp án sai: **Phi Nhung** hoặc **Lê Quyên** lần lượt các hiệu ứng sau xuất hiện: Dấu X xuất hiện bằng hiệu ứng **Fly in**, Dấu X biến mất bằng hiệu ứng **Float out**, đáp án sai biến mất bằng hiệu ứng **Disappear**.

- Khi chọn đáp án đúng (Cẩm Ly) lần lượt xuất hiện các hiệu ứng: Các đáp án sai biến mất bằng hiệu ứng **Disappear**, dấu xuất hiện bằng hiệu ứng **Fly in**, đoạn giới thiệu ca sỹ xuất hiện bằng hiệu ứng **Random Bars**, sau cùng là hiệu ứng nhấn mạnh cho đáp án đúng **Fulse**, lặp lại đến khi kết thúc slide.

4. Thiết lập các hiệu ứng cho slide 3 như sau:

- Sử dụng hiệu ứng xuất hiện Fly in theo thứ tự: Hình ca sỹ, câu hỏi, các đáp án và khung “Bắt đầu”.

- Tạo hiệu ứng đồng hồ chạy trên slide 2 và 3 với hiệu ứng xuất hiện của mỗi đối tượng số 1, 2, 3, 4, 5 và hết giờ là **wheel**, thời gian mỗi đối tượng xuất hiện là 1 giây. Khi Chọn ô Bắt đầu thì đồng hồ sẽ tính giờ. - Khi click chọn các đáp án sai: Tiến Dũng hoặc Văn Hậu lần lượt các hiệu ứng sau xuất hiện: Dấu X xuất hiện

bằng hiệu ứng **Fly in**, Dấu X biến mất bằng hiệu ứng **Float out**, đáp án sai biến mất bằng hiệu ứng **Disappear**.

- Khi chọn đáp án đúng (Quang Hải) lần lượt xuất hiện các hiệu ứng: Các đáp án sai biến mất bằng hiệu ứng **Disappear**, dấu xuất hiện bằng hiệu ứng **Fly in**, đoạn giới thiệu ca sỹ xuất hiện bằng hiệu ứng **Random Bars**, sau cùng là hiệu ứng nhấn mạnh cho đáp án đúng **Fulse**, lặp lại đến khi kết thúc slide. 3

5. Thiết lập các hiệu ứng slide 4 như sau:

a. Sử dụng hiệu ứng Fly in để hiển thị lần lượt: Dòng chữ “bạn đã trả lời đúng”, đến các khung thể hiện số câu trả lời đúng.

b. Tạo các trigger khi click vào số câu trả lời đúng sẽ xuất hiện các dòng chữ tương ứng bằng hiệu ứng Fly In như sau:

- 0 câu hỏi: Chúc bạn may mắn lần sau.

- 1 câu hỏi: Chúc mừng bạn đã hoàn thành trò chơi.

- 2 câu hỏi: Chúc mừng bạn đã hoàn thành xuất sắc trò chơi.

c. Tạo action cho khung Exit để thoát khỏi trình chiếu

6. Thiết lập hiệu ứng chuyển slide (**Transitions**) cho toàn bộ trình chiếu là **Airplane**.

7. Ấn định thời gian trình bày slide, nếu không kích chuột để chuyển sang slide khác sau 10 giây thì sẽ tự động chuyển sang slide khác. Áp dụng cho tất cả các slide.

Câu 4: Soạn một vài Slide giới thiệu bản thân nội dung theo yêu cầu như sau:

- *Slide 01:* Giới thiệu bản thân và lớp, khoa đang theo học.

- *Slide 02:* Giới thiệu tổng quan về thông tin cá nhân, sở thích, thành tích học tập và công việc hiện tại.

- *Slide 03:* Trình bày các thông tin cá nhân.

- *Slide 04:* Trình bày sở thích cá nhân.

- *Slide 05:* Trình bày kết quả học tập.

- *Slide 06:* Trình bày năng khiếu, công việc muốn theo đuổi.

- *Slide 07:* Nói lời cảm ơn và kết thúc việc thuyết trình.



Slide 01



Slide 02

THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Tác giả: Nguyễn Văn A
- Lớp: K80C
- Khoa: Công nghệ thông tin
- Quê quán: Ba Vì – Hà Nội



Slide 03

SỞ THÍCH

- ❖ Thích ăn kem
- ❖ Thích nghe nhạc



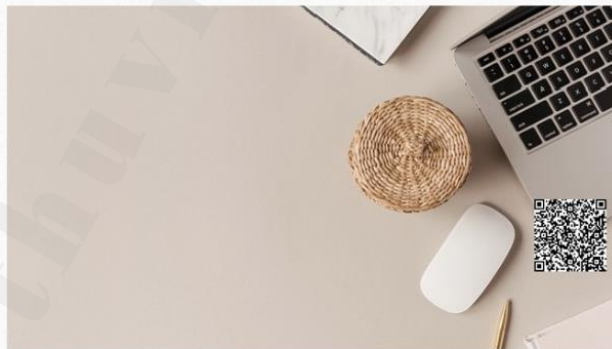
Slide 04

KẾT QUẢ HỌC TẬP

STT	Môn học	Điểm ĐK	Điểm Cuối kì	Điểm TB
1	Toán	7	8	7.7
2	Văn	8	9	8.7
3	Anh	9	9	9.0

Slide 05

CÔNG VIỆC



Silde 06



Slide 07

Câu 5: Đồng chí dùng chương trình Microsoft Office PowerPoint để tạo ra một tiết bài giảng của giảng viên trên lớp (khoảng 10 - 12 slide).

Câu 6: Đồng chí dùng chương trình PowerPoint tạo một bài thuyết trình về quê hương, nơi sinh ra và lớn lên hoặc đặc sản vùng quê của mình.

❖ MODULE IU6: SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Câu 1: Bạn muốn tìm kiếm thông tin về một sự kiện lịch sử. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web tìm kiếm như Google.
- Nhập từ khóa "Chiến tranh thế giới thứ hai" vào ô tìm kiếm.
- Xem các kết quả tìm kiếm và chọn một trang web uy tín để đọc thêm thông tin.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tìm kiếm thông tin về một sự kiện lịch sử cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào để kết quả tìm kiếm chính xác hơn?
- b) Khi chọn một trang web uy tín, bạn sẽ dựa vào những tiêu chí nào?
- c) Nếu bạn muốn tìm kiếm thông tin từ một nguồn cụ thể, bạn sẽ làm gì?
- d) Nếu bạn muốn lưu lại thông tin tìm được để đọc sau, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 2: Bạn muốn tạo một tài khoản email mới để sử dụng cho công việc. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập trang web của Gmail hoặc Outlook.
- Nhấp vào nút "Tạo tài khoản" hoặc "Sign Up".
- Điền vào các thông tin cần thiết như tên, email, mật khẩu, và câu hỏi bảo mật.
- Xác nhận tài khoản qua email xác minh.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tạo một tài khoản email với tên miền cá nhân, bạn sẽ làm gì?
- b) Khi điền vào các thông tin, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào?
- c) Nếu bạn không nhận được email xác minh, bạn sẽ kiểm tra những gì?
- d) Nếu bạn muốn thay đổi thông tin cá nhân sau khi tạo tài khoản, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 3: Bạn muốn tải xuống một bộ phim từ trang web chia sẻ tài nguyên. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào một trang web chia sẻ tài nguyên hợp pháp như YouTube hoặc Netflix.

- Tìm kiếm bộ phim bạn muốn tải xuống.
- Chọn chất lượng video và định dạng tệp phù hợp.
- Tải xuống bộ phim và kiểm tra xem tệp có hoạt động đúng không.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tải xuống bộ phim với chất lượng cao nhất, bạn sẽ làm gì?
- b) Khi tải xuống tệp, nếu gặp lỗi "Download failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?
- c) Nếu bạn muốn tải xuống một bộ phim từ một trang web không hợp pháp, bạn sẽ đối mặt với những rủi ro nào?
- d) Nếu bạn muốn xem phim trực tuyến mà không cần tải xuống, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 4: Bạn muốn gửi một email bao gồm tệp đính kèm cho đồng nghiệp. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở tài khoản email của bạn.
- Nhấp vào nút "Viết email" hoặc "Compose".
- Nhập địa chỉ email của người nhận, tiêu đề và nội dung email.
- Thêm tệp đính kèm bằng cách nhấp vào biểu tượng kẹp giấy hoặc "Attach".
- Gửi email và kiểm tra lại xem email đã được gửi thành công chưa.

Câu hỏi:

- a) Muốn gửi email cho nhiều người nhận cùng lúc, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi thêm tệp đính kèm, nếu không thấy biểu tượng kẹp giấy, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn thêm một hình ảnh vào nội dung email thay vì đính kèm, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu email không gửi được, bạn sẽ kiểm tra những gì?

Câu 5: Bạn muốn tìm kiếm một công thức nấu ăn trên internet. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web tìm kiếm như Google.

- Nhập từ khóa "Công thức nấu phở bò" vào ô tìm kiếm.
- Xem qua các kết quả tìm kiếm và chọn một công thức phù hợp với nhu cầu của bạn.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm công thức nấu ăn với các thành phần cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào?

b) Khi chọn một công thức, bạn sẽ dựa vào những tiêu chí nào để đảm bảo công thức đó chất lượng?

c) Nếu bạn muốn lưu lại công thức để sử dụng sau, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn chia sẻ công thức với bạn bè qua mạng xã hội, bạn sẽ làm gì?

Câu 6: Bạn muốn sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây để chia sẻ tài liệu với đồng nghiệp. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của Google Drive hoặc Dropbox.
- Tạo một thư mục mới và đặt tên cho nó.
- Tải lên các tài liệu bạn muốn chia sẻ vào thư mục đó.
- Chia sẻ thư mục với đồng nghiệp bằng cách nhập địa chỉ email của họ và cấu hình quyền truy cập.

Câu hỏi:

a) Nếu muốn chia sẻ tài liệu với nhiều người cùng lúc, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi tải lên tài liệu, nếu bạn gặp lỗi "Upload failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn thay đổi quyền truy cập của người nhận sau khi đã chia sẻ, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn chia sẻ một liên kết công khai thay vì email, bạn sẽ làm gì?

Câu 7: Bạn muốn đăng ký một khóa học trực tuyến để nâng cao kỹ năng. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của Coursera hoặc Udemy.
- Tìm kiếm khóa học bạn muốn theo học.
- Đăng ký khóa học và thanh toán phí nếu cần thiết.
- Truy cập vào khóa học và bắt đầu học.

Câu hỏi:

- a) Nếu muốn tìm kiếm khóa học với giá cả phải chăng, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi đăng ký khóa học, nếu gặp lỗi "Payment failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?
- c) Nếu bạn muốn xem lại bài giảng đã học, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn muốn hủy đăng ký khóa học, bạn sẽ làm gì?

Câu 8: Bạn muốn tìm kiếm một nhà hàng gần nơi bạn sống để đặt bàn. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào Google Maps.
- Nhập tên nhà hàng hoặc loại ẩm thực bạn muốn tìm kiếm.
- Xem qua các kết quả và chọn nhà hàng phù hợp.
- Sử dụng tính năng "Đặt bàn" nếu có để đặt chỗ.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tìm kiếm nhà hàng với đánh giá cao, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi chọn nhà hàng, nếu bạn không thấy tính năng "Đặt bàn", bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn xem thêm thông tin chi tiết về nhà hàng như giờ mở cửa và menu, bạn sẽ làm gì?
- d) Nếu muốn lưu lại vị trí của nhà hàng để sử dụng sau, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 9: Bạn muốn tìm kiếm một sản phẩm để mua sắm trực tuyến. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của Amazon hoặc Lazada.
- Nhập tên sản phẩm bạn muốn mua vào ô tìm kiếm.
- Xem qua các kết quả tìm kiếm và chọn sản phẩm phù hợp.
- Thêm sản phẩm vào giỏ hàng và tiến hành thanh toán.

Câu hỏi:

- a) Nếu muốn tìm kiếm sản phẩm với giá cả phải chăng, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi thanh toán, nếu bạn gặp lỗi "Payment failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn theo dõi trạng thái đơn hàng sau khi đã đặt hàng, bạn sẽ làm gì?

d) Nếu bạn muốn hủy đơn hàng, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 10: Bạn muốn sử dụng một dịch vụ chat trực tuyến để liên lạc với bạn bè. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của Skype hoặc WhatsApp Web.
- Đăng nhập vào tài khoản của bạn hoặc tạo tài khoản mới nếu chưa có.
- Thêm bạn bè vào danh sách liên lạc.
- Bắt đầu cuộc trò chuyện hoặc gọi video với bạn bè.

Câu hỏi:

a) Nếu muốn thêm bạn bè từ danh bạ điện thoại vào Skype, bạn sẽ làm gì?

b) Khi đăng nhập vào tài khoản, nếu bạn quên mật khẩu, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn gửi tệp đính kèm trong cuộc trò chuyện, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn thay đổi cài đặt bảo mật của tài khoản, bạn sẽ làm gì?

Câu 11: Bạn muốn tìm kiếm thông tin về một công ty để xem xét cơ hội việc làm. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào LinkedIn.
- Nhập tên công ty vào ô tìm kiếm.
- Xem qua trang công ty để tìm hiểu về lĩnh vực hoạt động, văn hóa và các vị trí tuyển dụng.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm thông tin về một công ty cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào để kết quả tìm kiếm chính xác hơn?

b) Khi xem qua trang công ty, nếu bạn không thấy thông tin về vị trí tuyển dụng, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn kết nối với nhân viên của công ty đó, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn lưu lại thông tin của công ty để xem xét sau, bạn sẽ làm gì?

Câu 12: Bạn muốn tạo một blog cá nhân để chia sẻ kinh nghiệm sống. Hãy thực hiện các bước sau:

- Chọn một nền tảng blog như WordPress hoặc Blogger.
- Đăng ký tài khoản và tạo blog mới.
- Thiết lập giao diện và tùy chỉnh blog theo sở thích của bạn.
- Viết bài đầu tiên và xuất bản.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tạo một blog với tên miền riêng, bạn sẽ làm gì?
- b) Khi thiết lập giao diện, nếu bạn muốn thay đổi màu sắc và phong cách, bạn sẽ làm như thế nào?
- c) Nếu bạn muốn thêm widget hoặc plugin vào blog, bạn sẽ làm gì?
- d) Nếu muốn chia sẻ bài viết của bạn lên mạng xã hội, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 13: Bạn muốn tìm kiếm một bài báo khoa học để tham khảo cho nghiên cứu của mình. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào Google Scholar.
- Nhập từ khóa liên quan đến chủ đề nghiên cứu của bạn.
- Xem qua các kết quả tìm kiếm và chọn một bài báo phù hợp.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tìm kiếm bài báo khoa học với từ khóa cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào để kết quả tìm kiếm chính xác hơn?
- b) Khi chọn bài báo, nếu bạn không thấy toàn bộ nội dung, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn tìm bài báo từ một tạp chí cụ thể, bạn sẽ làm gì?
- d) Nếu bạn muốn lưu lại bài báo để đọc sau, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 14: Bạn muốn đăng ký một tài khoản ngân hàng trực tuyến để quản lý tài chính. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của ngân hàng bạn muốn đăng ký.
- Nhấp vào nút "Đăng ký" hoặc "Sign Up".
- Điền vào các thông tin cá nhân và xác minh danh tính nếu cần thiết.

- Tạo tài khoản và thiết lập mật khẩu.

Câu hỏi: a) Nếu bạn muốn đăng ký tài khoản ngân hàng trực tuyến mà không cần đến chi nhánh, bạn sẽ làm gì? b) Khi điền vào các thông tin, nếu bạn muốn tạo một mật khẩu mạnh, bạn sẽ lưu ý những yếu tố nào? c) Nếu bạn không nhận được email xác minh sau khi đăng ký, bạn sẽ kiểm tra những gì? d) Nếu bạn muốn thay đổi thông tin cá nhân sau khi đăng ký, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 15: Bạn muốn tìm kiếm một sự kiện sắp diễn ra ở thành phố của bạn. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web sự kiện như Eventbrite hoặc Meetup.
- Nhập tên thành phố hoặc khu vực bạn muốn tìm kiếm sự kiện.
- Xem qua các kết quả tìm kiếm và chọn sự kiện phù hợp.

Câu hỏi:

a) Nếu muốn tìm kiếm sự kiện với chủ đề cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào?

b) Khi chọn sự kiện, nếu bạn muốn kiểm tra sự kiện có miễn phí hay không, bạn sẽ làm gì?

c) Nếu bạn muốn đăng ký tham gia sự kiện, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn lưu lại thông tin sự kiện để xem xét sau, bạn sẽ làm gì?

Câu 16: Bạn muốn tạo một danh sách phát trên YouTube để chia sẻ với bạn bè. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của YouTube.
- Đăng nhập vào tài khoản của bạn.
- Tạo một danh sách phát mới.
- Thêm các video bạn muốn vào danh sách phát.
- Chia sẻ danh sách phát với bạn bè qua email hoặc liên kết công khai.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn thêm video từ nhiều kênh khác nhau vào một danh sách phát, bạn sẽ làm như thế nào?

- b) Khi chia sẻ danh sách phát, nếu muốn giới hạn quyền truy cập, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu muốn thay đổi thứ tự video trong danh sách phát, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn muốn xóa một video khỏi danh sách phát, bạn sẽ làm gì?

Câu 17: Bạn muốn tìm kiếm một địa chỉ email của một người bạn cũ. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào Google.
- Nhập tên của người bạn và từ khóa "email" vào ô tìm kiếm.
- Xem qua các kết quả tìm kiếm và tìm kiếm các trang web có thể chứa địa chỉ email của người đó.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn tìm kiếm email của một người cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào để kết quả tìm kiếm chính xác hơn?
- b) Khi xem qua các kết quả tìm kiếm, nếu bạn không thấy email, bạn sẽ làm gì?
- c) Nếu bạn muốn tìm kiếm email từ một nguồn cụ thể, bạn sẽ làm gì?
- d) Nếu bạn muốn lưu lại địa chỉ email để sử dụng sau, bạn sẽ làm như thế nào?

Câu 18: Bạn muốn học một ngôn ngữ mới thông qua các ứng dụng học ngôn ngữ trực tuyến. Hãy thực hiện các bước sau:

- Truy cập vào trang web của Duolingo hoặc Babbel.
- Đăng ký tài khoản và chọn ngôn ngữ bạn muốn học.
- Bắt đầu học với các bài học cơ bản.
- Theo dõi tiến trình học tập của bạn và tham gia vào các bài kiểm tra.

Câu hỏi:

- a) Nếu bạn muốn học ngôn ngữ với giá cả phải chăng, bạn sẽ làm như thế nào?
- b) Khi đăng ký tài khoản, nếu bạn gặp lỗi "Registration failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?
- c) Nếu bạn muốn xem lại các bài học đã học, bạn sẽ làm như thế nào?
- d) Nếu bạn muốn thay đổi ngôn ngữ học, bạn sẽ làm gì?

Câu 19: Bạn muốn tìm kiếm một công thức nấu ăn để làm món ăn cho bữa tối. Hãy thực hiện các bước sau:

- Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web tìm kiếm như Google.
- Nhập từ khóa "Công thức nấu phở bò" vào ô tìm kiếm.
- Xem các kết quả tìm kiếm và chọn một công thức phù hợp với nhu cầu của bạn.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm công thức nấu ăn với các thành phần cụ thể, bạn sẽ nhập từ khóa như thế nào?

b) Khi chọn một công thức, bạn sẽ dựa vào những tiêu chí nào để đảm bảo công thức đó chất lượng?

c) Nếu bạn muốn lưu lại công thức để sử dụng sau, bạn sẽ làm như thế nào?

d) Nếu bạn muốn chia sẻ công thức với bạn bè qua mạng xã hội, bạn sẽ làm gì?

Câu 20: Bạn muốn tìm kiếm một bài hát để nghe trực tuyến. Hãy thực hiện các bước sau:

• Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web nghe nhạc như Spotify hoặc YouTube Music.

• Nhập tên bài hát hoặc nghệ sĩ bạn muốn nghe vào ô tìm kiếm.

• Chọn bài hát và bắt đầu nghe.

Câu hỏi:

a) Nếu bạn muốn tìm kiếm bài hát với chất lượng âm thanh cao, bạn sẽ làm như thế nào?

b) Khi nghe nhạc, nếu bạn gặp lỗi "Playback failed", bạn sẽ kiểm tra những gì?

c) Nếu bạn muốn tạo một danh sách phát cá nhân, bạn sẽ làm gì? d) Nếu bạn muốn tải xuống bài hát để nghe ngoại tuyến, bạn sẽ làm như thế nào?

PHẦN 2. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THEO MODULE

❖ MODULE IU1: HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Câu 1. Hệ điều hành là phần mềm?

- A. Luôn luôn phải có để máy tính hoạt động
- B. Điều khiển thiết bị phần cứng
- C. Quản lý và phân phối tài nguyên máy tính phục vụ cho các ứng dụng
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 2. Kỹ thuật nhập xuất nào sau đây làm CPU ít bận rộn nhất?

- A. Busy - Waitting
- B. Interrup
- C. DMA

Câu 3. Việc truyền thông số từ chương trình ứng dụng đến Hệ điều hành có thể thực hiện bằng cách lưu thông số trong?

- A. Các thanh ghi
- B. Stack
- C. Vùng nhớ trong bộ nhớ chính
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 4. Ưu điểm chính của time-sharing system so với multiprogrammed system?

- A. Chi phí quản lý các process nhỏ hơn
- B. Tăng hiệu suất của CPU
- C. Thời gian đáp ứng (response time) nhỏ hơn
- D. Giảm thời gian khởi động của tiến trình (burst time process)

Câu 5. Khi bộ nhớ có hiện tượng phân mảnh (fragmentation) quá nhiều thì Hệ điều hành sẽ?

- A. Tiến hành thu gom những lỗ hổng (Hole) nhỏ thành lỗ hổng lớn hơn
- B. Loại bỏ bớt một số tiến trình
- C. Treo máy

Câu 6. Với một hệ thống đa chương trình thì bộ nhớ sẽ?

- A. Hệ điều hành được nạp
- B. Hệ điều hành và một chương trình
- C. Hệ điều hành và nhiều chương trình

Câu 7. Một trang bộ nhớ được quản lý bởi?

- A. Một phần tử trong bản trang
- B. PR (present bit)
- C. PF (page frame number)

Câu 8. Trong kỹ thuật phân trang (Paging) khi bộ nhớ thực đầy thì Hệ điều hành sẽ?

- A. Tiến hành nạp lại các trang
- B. Thực hiện chiến lược thay thế trang
- C. Loại bỏ các trang bị lỗi

Câu 9. Process là gì?

- A. Một chương trình lưu trên đĩa
- B. Một chương trình nạp vào bộ nhớ và đang được CPU thực thi
- C. Một chương trình được nạp vào bộ nhớ

Câu 10. Hành động nào thì Hệ điều hành sẽ thực thi một process mới sinh ra?

- A. Cấp CPU ngay cho process
- B. Giao ngay các tài nguyên mà process cần
- C. Tạo ngay khối điều khiển tiến trình để quản lý process

Câu 11. Độ ưu tiên của các process cho biết?

- A. Process sử dụng CPU nhiều hay ít
- B. Process chiếm nhiều hay ít vùng nhớ
- C. Tầm quan trọng của process

Câu 12. Hàng đợi dành cho các process xếp hàng chờ nhập xuất được gọi là?

- A. Busy-Waitting buffer

B. Ready queue

C. Waitting queue

Câu 13. Hệ điều hành thiết kế theo kiểu microkernel có tất cả các đặc trưng sau ngoại trừ?

A. Việc mở rộng chức năng sẽ dễ dàng

B. Chỉ những chức năng cơ bản mới được hiện thực trong kernel

C. Phần lớn các dịch vụ được hiện thực trong user space

D. Giao tiếp giữa client và service provider được thực hiện thông qua cơ chế shared memory

Câu 14. Trong Linux muốn ngưng lệnh ping ta phải nhấn phím nào?

A. Ctrl+Break

B. Ctrl+D

C. Ctrl+C

Câu 15. Trong Linux lệnh ps -aux cho kết quả tương đương với thao tác nào sau đây trong MS-Windows?

A. Start/Shutdown

B. Start/Run rồi gõ cmd

C. Mở chương trình Task Manager

Câu 16. Hệ điều hành là?

A. Là phần mềm chỉ để quản lý các phần cứng

B. Phần mềm trung gian giữa các chương trình ứng dụng và các phần cứng máy tính

C. Cả 2 câu trên đều đúng

Câu 17. Hãy chọn các đặc điểm đúng khi nói về khái niệm hệ điều hành đa nhiệm (multitasking operating system)?

A. Hệ thống quản lý tiến trình theo lô

B. Hệ thống quản lý làm việc phân tán

C. Hệ thống quản lý nhiều người dùng (multi user)

D. Hệ thống điều phối bộ vi xử lý theo kiểm time - sharing

Câu 18. Bộ nhớ trong bao gồm?

A. Thanh ghi và Rom

B. Rom và Ram

C. Cache và Rom

D. Thanh ghi và Ram

Câu 19. Chọn câu đúng trong các câu dưới đây?

A. Chuột là công cụ duy nhất giúp người dùng giao tiếp với hệ thống

B. Hệ điều hành Windows không cung cấp khả năng làm việc trong môi trường mạng

C. Windows là hệ điều hành đơn nhiệm

D. Hệ điều hành Windows có giao diện đồ họa

Câu 20. Unix và Linux là?

A. Vừa là hệ điều hành đa nhiệm vừa là hệ điều hành đơn nhiệm

B. Hệ điều hành đơn nhiệm

C. Hệ điều hành đa nhiệm nhiều người dùng

D. Hệ điều hành đa nhiệm một người dùng

Câu 21. Tìm câu sai trong các câu dưới đây?

A. Để chỉ một tệp ở thư mục nào người ta thường lấy tên thư mục đó làm phần tên của tệp và bổ sung thêm phần mở rộng

B. Thư mục có thể chứa tệp cùng tên với thư mục đó

C. Trong cùng một thư mục có thể lưu trữ 2 tệp cùng phần tên nhưng có phần mở rộng khác nhau

D. Hai thư mục cùng tên phải ở trong hai thư mục mẹ khác nhau

Câu 22. Phát biểu nào sai khi nói về chức năng cơ bản của Hệ điều hành?

A. Cung cấp môi trường giao tiếp người - máy

B. Quản lý thông tin trên bộ nhớ ngoài

C. Quản lý giao tiếp với các máy tính khác trên mạng

D. Quản lí (phân phối, thu hồi) các tài nguyên của máy cho các chương trình

Câu 23. Những mục nào có dãy thao tác hợp lí tạo một thư mục mới trong một thư mục của đĩa C?

A. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;

A. Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter

B. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;

B. Chọn File trên thanh bảng chọn, rồi chọn lần lượt New, Folder;

C. Nhấn phím Enter khi xuất hiện New Folder trong khung đặt tên thư mục mới;

D. Gõ tên thư mục mới vào New Folder

C. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;

E. Nháy chuột phải tại vùng trống trong cửa sổ thư mục đó;

F. Chọn New trong bảng chọn vừa xuất hiện, rồi chọn Folder;

G. Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter

D. Chọn File trên thanh bảng chọn, rồi chọn lần lượt New, Folder;

H. Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter

Câu 24. Hệ điều hành nào dưới đây không phải là hệ điều hành đa nhiệm nhiều người dùng?

A. LINUX

B. MS - DOS

C. UNIX

D. Windows 2000

Câu 25. Trình ứng dụng nào dưới đây là trình ứng dụng chuẩn được tích hợp sẵn của Windows?

A. Microsoft Excel

B. Microsoft Word

C. Paint

D. Cả A và B đúng

Câu 26. Bộ nhớ RAM và ROM là bộ nhớ gì?

A. Secondary memory

B. Receive memory

C. Primary memory

D. Random access memory

Câu 27. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Đơn vị điều khiển (Control Unit) chứa CPU, điều khiển tất cả các hoạt động của máy tính

B. CPU là bộ nhớ xử lý trung ương, thực hiện việc xử lý thông tin lưu trữ trong bộ nhớ

C. ALU là đơn vị số học và luận lý và các thanh ghi cũng nằm trong CPU

D. Memory Cell là tập hợp các ô nhớ

Câu 28. Dữ liệu là gì?

A. Là các số liệu hoặc là tài liệu cho trước chưa được xử lý

B. Là khái niệm có thể được phát sinh, lưu trữ, tìm kiếm, sao chép, biến đổi...

C. Là các thông tin được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau

D. Tất cả đều đúng

Câu 29. Bit là gì?

A. Là đơn vị nhỏ nhất của thông tin được sử dụng trong máy tính

B. Là một phần tử nhỏ mang một trong 2 giá trị 0 và 1

C. Là một đơn vị đo thông tin

D. Tất cả đều đúng

Câu 30. Hexa là hệ đếm?

A. Hệ nhị phân

B. Hệ bát phân

- C. Hệ thập phân
- D. Hệ thập lục phân

Câu 31. Các thành phần: bộ nhớ trong, bộ xử lý trung tâm, bộ phận nhập xuất là?

- A. Phần cứng
- B. Phần mềm
- C. Thiết bị lưu trữ
- D. Tất cả đều sai

Câu 32. Hệ thống các chương trình đảm nhận chức năng làm môi trường trung gian giữa người sử dụng và phần cứng của máy tính được gọi là?

- A. Phần mềm
- B. Hệ điều hành
- C. Các loại trình dịch trung gian
- D. Tất cả đều đúng

Câu 33. Các loại hệ điều hành Windows đều có khả năng tự động nhận biết các thiết bị phần cứng và tự động cài đặt cấu hình của các thiết bị này là chức năng?

- A. Plug and Play
- B. Windows Explorer
- C. Desktop
- D. Multimedia

Câu 34. Danh sách các mục chọn trong thực đơn gọi là?

- A. Menu bar
- B. Menu pad
- C. Menu options
- D. Tất cả đều sai

Câu 35. Hộp điều khiển việc phóng to, thu nhỏ, đóng cửa sổ gọi là?

- A. Dialog box
- B. List box

C. Control box

D. Text box

Câu 36. Bổ sung thành phần còn lại của Windows Explorer: Explorer bar, Explorer view, Tool bar, Menu bar,...?

A. Status bar

B. Menu bar

C. Task bar

D. Tất cả đều sai

Câu 37. Shortcut là biểu tượng đại diện cho một chương trình hay một tập tin để khởi động một chương trình hay một tập tin. Có mấy loại shortcut?

A. 1 loại

B. 3 loại

C. 2 loại

D. 4 loại

Câu 38. Chương trình cho phép định lại cấu hình hệ thống thay đổi môi trường làm việc cho phù hợp?

A. Display

B. Sreen Saver

C. Control panel

D. Tất cả đều có thể

Câu 39. 1 byte bằng?

A. 2 bit

B. 8 bit

C. 10 bit

D. 16 bit

Câu 40. Định nghĩa nào đúng khi nói về Hệ điều hành máy tính cá nhân?

A. Là phần mềm phải có để máy tính cá nhân có thể hoạt động

B. Là phần mềm cài sẵn trong mọi máy tính cá nhân

- C. Là phần mềm không được thay đổi trong máy tính cá nhân
- D. Là phần mềm do công ty Microsoft độc quyền xây dựng và phát triển

Câu 41. Đọc các thông số cấu hình của một máy tính thông thường: 2GHz - 20GB - 256MB, bạn cho biết con số 256MB chỉ điều gì?

- A. Chỉ tốc độ của bộ vi xử lý
- B. Chỉ dung lượng của đĩa cứng
- C. Chỉ dung lượng của bộ nhớ chỉ đọc ROM
- D. Chỉ dung lượng của bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên RAM

Câu 42. Mục đích chủ yếu của chính sách an ninh thông tin của một tổ chức là gì?

- A. Quản lý việc đầu tư của công ty
- B. Theo dõi và kiểm soát thông tin, dữ liệu nhạy cảm
- C. Mô tả hoạt động kinh doanh
- D. Thu nhập thông tin thị trường

Câu 43. Ổ cứng là gì?

- A. Thiết bị lưu trữ trong vì nó ở bên trong vỏ máy
- B. Thiết bị lưu trữ ngoài
- C. Là thiết bị nhập/xuất dữ liệu
- D. Thiết bị đọc dữ liệu

Câu 44. Điều gì nên làm để bảo vệ mật khẩu được an toàn?

- A. Đặt mật khẩu có ít hơn 6 ký tự
- B. Đặt mật khẩu giống lý lịch người sử dụng (ví dụ : ngày, tháng, năm sinh; quê quán)
- C. Không bao giờ cho người khác biết mật khẩu của bạn
- D. Chỉ thay đổi mật khẩu sau một thời gian dài

Câu 45. Phần mềm máy tính bao gồm?

- A. Đĩa mềm

B. Hệ điều hành

C. Đĩa CD

D. Cả 3 ý trên

Câu 46. Kết quả nào có thể xảy ra khi bạn cài đặt một bộ xử lý mới có tốc độ đồng hồ cao hơn vào máy của bạn?

A. Máy tính của bạn sẽ chạy nhanh hơn

B. ROM (Read Only Memory) sẽ có dung lượng lớn hơn

C. RAM (Random Access Memory) sẽ có dung lượng lớn hơn

D. Đĩa cứng máy tính sẽ lưu trữ dữ liệu nhiều hơn

Câu 47. Câu nào chưa đúng trong số các câu sau?

A. Phần mềm thương mại - Commercial software: có đăng ký bản quyền, không cho phép sao chép dưới bất kỳ hình thức nào

B. Phần mềm chia sẻ - Shareware: có bản quyền, dùng thử trước khi mua. Nếu muốn tiếp tục sử dụng chương trình thì được khuyến khích trả tiền cho tác giả

C. Phần mềm miễn phí - Freeware: cho phép người khác tự do sử dụng hoàn toàn hoặc theo một số yêu cầu bắt buộc.

D. Phần mềm nguồn mở - Open source software: công bố một phần mã nguồn để mọi người tham gia phát triển

Câu 48. Chọn đáp án đúng?

A. Phần mềm ứng dụng cần nhiều không gian trong đĩa cứng hơn phần mềm hệ điều hành để chạy

B. Phần mềm hệ điều hành cần phần mềm ứng dụng để chạy

C. Phần mềm hệ điều hành cần nhiều bộ nhớ phần mềm ứng dụng để chạy

D. Phần mềm ứng dụng cần phần mềm hệ điều hành để chạy

Câu 49. Đĩa cứng là?

A. Thiết bị lưu trữ trong

B. Thiết bị lưu trữ ngoài

C. Thiết bị lưu trữ nhanh

D. Thiết bị nhập/xuất dữ liệu

Câu 50. Loại máy tính nào thường có cấu hình cao nhất?

A. Máy tính cá nhân

B. Máy tính cầm tay

C. Máy chủ

D. Máy tính xách tay

Câu 51. Tại sao phải định kỳ sử dụng công cụ chống phân mảnh đĩa cứng?

A. Để ổ cứng máy tính lâu hỏng

B. Để tốc độ truy xuất dữ liệu từ đĩa cứng nhanh hơn

C. Để tạo ra nhiều không gian trống hơn trong đĩa cứng

D. Để nén dữ liệu trong đĩa cứng tốt hơn

Câu 52. CPU viết tắt của từ gì?

A. Case Processing Unit

B. Common Processing Unit

C. Control Processing Unit

D. Central Processing Unit

Câu 53. Câu nào dưới đây là sai?

A. Cài đặt phần mềm, trò chơi từ đĩa CD có bản quyền là không phạm vi Luật bản quyền

B. Cài đặt phần mềm, trò chơi bị bẻ khóa là vi phạm Luật bản quyền

C. Cài đặt phần mềm, trò chơi từ đĩa CD sao chép là vi phạm Luật bản quyền

D. Cài đặt phần mềm, trò chơi từ đĩa CD đi mượn là vi phạm Luật bản quyền

Câu 54. Khả năng xử lý của máy tính phụ thuộc vào các yếu tố nào?

A. Tốc độ CPU, dung lượng bộ nhớ RAM, dung lượng và tốc độ ổ cứng

B. Yếu tố đa nhiệm

C. Hiện tượng phân mảnh đĩa

D. Cả 3 phần trên

Câu 55. Khi một cơ quan mua một chương trình máy tính thì trong trường hợp nào chương trình này được cài đặt miễn phí?

- A. Khi cơ quan đó có dưới 10 nhân viên
- B. Khi có sự đồng ý bản quyền cho phép điều này
- C. Khi chương trình này trị giá dưới 100 nghìn đồng
- D. Khi nó được sử dụng tối đa cho 3 máy tính một lúc

Câu 56. Khi mua thiết bị ngoại vi cho máy tính, thường có các đĩa CD đi kèm chứa chương trình điều khiển thiết bị đó. Các chương trình điều khiển thiết bị thuộc loại phần mềm nào?

- A. Phần mềm hệ điều hành
- B. Phần mềm ứng dụng
- C. Phần mềm hệ thống
- D. Phần mềm chia sẻ

Câu 57. Lời khuyên nào đúng khi sử dụng mật khẩu máy tính?

- A. Nên đặt mật khẩu ngắn, đơn giản
- B. Nên đặt mật khẩu dễ nhớ (ví dụ: ngày sinh, quê quán)
- C. Không cần ghi lại mật khẩu dù hay quên
- D. Không bao giờ cho người khác biết mật khẩu của bạn

Câu 58. Lời khuyên nào sau đây là đúng?

- A. Mật khẩu ngắn, dễ nhớ tốt hơn mật khẩu dài, phức tạp khó nhớ
- B. Mật khẩu thay đổi thường xuyên tốt hơn mật khẩu cố định
- C. Mật khẩu dùng chung nhiều người tiện hơn mỗi người dùng riêng mật khẩu của mình
- D. Cả ba ý trên đều sai

Câu 59. Sắp xếp các thiết bị sau theo khả năng lưu trữ từ cao đến thấp?

- A. Đĩa cứng - đĩa DVD - đĩa CD - đĩa mềm
- B. Đĩa DVD - đĩa cứng - đĩa CD - đĩa mềm
- C. Đĩa cứng - đĩa mềm - đĩa CD - đĩa DVD

D. Đĩa cứng - đĩa mềm - đĩa DVD - đĩa CD

Câu 60. Nhìn vào các tham số cấu hình của một máy vi tính: 1.8GHz, 20GB, 256MB bạn có thể cho biết, con số 20GB chỉ điều gì?

A. Tốc độ xử lý của CPU

B. Dung lượng của ổ đĩa cứng

C. Tốc độ vòng quay của ổ đĩa cứng

D. Dung lượng của đĩa CD mà máy có thể đọc được

Câu 61. Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Có hai loại phần mềm, đó là phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng

B. Phần mềm ứng dụng bao gồm hệ điều hành, các chương trình điều khiển thiết bị

C. Có rất nhiều các phần mềm hệ điều hành, tiêu biểu như MS Windows, Linux, Unix

D. Đĩa CD phần mềm đi cùng thiết bị chứa phần mềm hệ thống cho phép thiết bị được nhận diện và làm việc tốt với hệ điều hành

Câu 62. Thiết bị nào dưới đây có thời gian truy xuất dữ liệu chậm nhất?

A. Đĩa mềm

B. DVD

C. ROM

D. CD- ROM

Câu 63. Phần mềm Windows, Linux và OS2 có đặc điểm gì chung?

A. Tất cả đều là phần mềm ứng dụng

B. Tất cả đều là dịch vụ dải tần rộng (Broadband Service)

C. Tất cả đều là phần mềm điều khiển thiết bị phần cứng

D. Tất cả đều là hệ điều hành

Câu 64. Sau một thời gian sử dụng, máy tính chạy chậm hơn nhiều. Nguyên nhân nào dưới đây có khả năng cao nhất dẫn đến tình trạng trên?

A. Tốc độ đồng hồ bộ vi xử lý bị chậm lại

B. Ổ cứng quay chậm lại

- C. Không gian trống trong đĩa cứng quá ít
- D. Không gian trống trong đĩa cứng quá nhiều

Câu 65. Sau một thời gian sử dụng, máy tính chạy chậm hơn nhiều. Nguyên nhân nào dưới đây có khả năng cao nhất dẫn đến tình trạng trên?

- A. Tốc độ đồng hồ bộ vi xử lý bị chậm lại
- B. Ổ cứng quay chậm lại
- C. Dung lượng RAM quá ít
- D. ROM quá cũ

Câu 66. Tốc độ của CPU không ảnh hưởng đến yếu tố nào sau đây?

- A. Khả năng lưu trữ của máy tính
- B. Tuổi thọ của ổ cứng
- C. Thời gian truy nhập để mở tệp tin
- D. Cả hai yếu tố A và B

Câu 67. Các phần mềm: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint, MS Access, MS Internet Explorer thuộc nhóm phần mềm nào?

- A. Nhóm phần mềm ứng dụng
- B. Nhóm phần mềm hệ thống
- C. Nhóm phần mềm cơ sở dữ liệu
- D. Nhóm phần mềm hệ điều hành

Câu 68. Để nhìn thấy các máy tính trong mạng nội bộ thì nhấn chuột chọn biểu tượng có tên?

- A. My Documents
- B. My Computer
- C. My Network Places
- D. My Network

Câu 69. Biểu tượng nào dưới đây là biểu tượng có sẵn của hệ thống MS-Windows?

- A. My Computer

- B. Internet Explorer
- C. DMy Documents
- D. Cả ba biểu tượng trên

Câu 70. Hệ điều hành là phần mềm?

- A. Phải được cài đặt trên máy tính cá nhân nếu muốn sử dụng máy tính cá nhân đó
- B. Không cần phải cài đặt nếu người sử dụng chỉ dùng máy tính cá nhân biên soạn văn bản
- C. Do công ty Microsoft độc quyền xây dựng và phát triển
- D. Luôn có sẵn trong mọi máy tính cá nhân

Câu 71. Hệ điều hành Windows đưa ra thông báo lỗi khi?

- A. Tên thư mục mới là tên do hệ điều hành cài sẵn (New Folder)
- B. Trên màn hình nền, tạo thư mục con mới trùng tên với tên của một thư mục con đã có
- C. Tên thư mục mới có chứa dấu chấm
- D. Tên thư mục có khoảng trống

Câu 72. Phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. MS-Windows là phần mềm thương mại. Người dùng muốn sử dụng phải có giấy phép sử dụng
- B. Linux là phần mềm mã nguồn mở và miễn phí. Người dùng không cần phải mua giấy phép sử dụng Linux
- C. MS Word là phần mềm ứng dụng tích hợp trong hệ điều hành MS Windows
- D. Phần mềm Calculator hỗ trợ chức năng tính toán

Câu 73. Phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Winzip là phần mềm để nén và giải nén tệp tin và thư mục
- B. MS Windows là phần cứng
- C. Hệ điều hành phải được cài đặt trước khi cài đặt phần mềm ứng dụng
- D. NotePad là phần mềm soạn thảo văn bản

Câu 74. Khả năng hỗ trợ những bàn phím bên thứ ba như SwiftKey được kích

hoạt từ phiên bản Android nào?

- A. Android 1.5
- B. Android 2.0
- C. DAndroid 2.3
- D. Android 4.0

Câu 75. Một trong những lý do chính khiến thiết bị Android ngày càng cần nhiều bộ nhớ RAM là bởi ...?

- A. Garbage Collector trong Java
- B. CNgười sử dụng thiết bị Android có nhu cầu khác biệt so với iPhone
- C. Để camera hoạt động hiệu quả hơn
- D. Để hỗ trợ những yêu cầu đồ họa game ngày càng tăng

Câu 76. Khả năng hỗ trợ ảnh động (live wallpaper) được kích hoạt từ phiên bản Android nào?

- A. Android 1.0
- B. Android 2.1
- C. Android 2.3
- D. Android 4.0

Câu 77. Máy tính bảng Android đầu tiên là ...?

- A. LG Optimus Pad
- B. CHTC Flyer
- C. Motorola Xoom
- D. Samsung Galaxy Tab

Câu 78. Nhiều người nói rằng, Android có nền tảng đa nhiệm "chuẩn" khác biệt so với các nền tảng hệ điều hành khác. Nhưng, bạn có biết ở phiên bản Android nào thì đa nhiệm mới thực sự được kích hoạt?

- A. Android 1.0
- B. Android 2.0
- C. Android 2.3

D. Android 4.0

Câu 79. Muốn để điện thoại bên cạnh khi ngủ làm báo thức, cần thực hiện thao tác nào để hạn chế ảnh hưởng sức khỏe?

A. Để chế độ im lặng

B. Tắt kết nối Wi-Fi, Bluetooth, NFC

C. Bật chế độ máy bay (Airplane mode)

D. Tuyệt đối không được để điện thoại bên cạnh khi ngủ

Câu 80. iPad Air 2 được Apple làm mới về ngoại hình, đưa thiết bị trở thành máy tính bảng mỏng nhất thế giới. “Số đo” ấn tượng của sản phẩm là bao nhiêu?

A. 5.9 mm

B. 6.1 mm

C. 6.4 mm

Câu 81. Để có kiểu dáng mỏng hơn, Apple đã thay đổi thiết kế phím bấm trên iPad Air 2. Máy tính bảng mới của Apple có bao nhiêu phím bấm vật lý?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 82. Giấy phép mã nguồn mở là tập hợp các quy tắc đòi hỏi ai là người phải tuân theo?

A. Người sáng chế ra phần mềm mã nguồn mở

B. Nhà bảo hành phần mềm mã nguồn mở

C. Người sử dụng phần mềm mã nguồn mở

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 83. Tổ chức OSI - Open Source Initiative là một tổ chức như thế nào?

A. Là một tổ chức phần mềm nguồn mở, trực tiếp phát triển các dự án phần mềm nguồn mở

B. Là một tổ chức phi lợi nhuận mà mục đích của nó là thúc đẩy sự phát triển phần

mềm nguồn mở

C. Hoạt động quan trọng nhất của tổ chức này là xem xét phê duyệt giấy phép mã nguồn mở

D. Tất cả đều đúng

Câu 84. Tổ chức FSF là tổ chức?

A. Phần mềm mã nguồn mở

B. Phần mềm tự do

C. Quỹ phần mềm nguồn mở

D. Phần mềm miễn phí

Câu 85. Phát biểu nào sau đây không phải là phát biểu đúng?

A. Phần mềm mã nguồn mở là phần mềm tự do

B. Phần mềm mã nguồn mở cho phép người dùng được sửa mã nguồn

C. Phần mềm mã nguồn mở là phần mềm miễn phí

D. Phần mềm mã nguồn mở cho phép người dùng được tự do chia sẻ cho người khác

Câu 86. Câu nào sau đây không phải là ưu điểm của mã nguồn mở?

A. Phần mềm mã nguồn mở cung cấp kèm mã nguồn

B. Phần mềm mã nguồn mở giúp cân bằng giá, chống độc quyền

C. Phần mềm mã nguồn mở không phải mất tiền mua

D. Phần mềm mã nguồn mở có độ ổn định cao

Câu 87. Câu nào sau đây là đúng?

A. Phần mềm mã nguồn mở không mang lại lợi nhuận

B. Phần mềm mã nguồn mở không cho phép phân phối lại

C. Phần mềm mã nguồn mở không có bản quyền

D. Phần mềm mã nguồn mở không có bảo hành

Câu 88. Điều nào sau đây không đúng với các giấy phép mã nguồn mở?

A. Các loại giấy phép đều có cơ chế bảo vệ quyền của tác giả ban đầu

B. Các loại giấy phép đều yêu cầu không được thay đổi nội dung giấy phép

- C. Có giấy phép yêu cầu phải sử dụng cùng loại giấy phép với sản phẩm phát sinh
- D. Không giấy phép nào cấm người dùng sửa đổi chương trình

Câu 89. Thành phần nào của kỹ thuật tiến trình nghiệp vụ là trách nhiệm của kỹ sư phần mềm?

- A. Phân tích phạm vi nghiệp vụ
- B. Thiết kế hệ thống nghiệp vụ
- C. Kế hoạch sản phẩm
- D. Kế hoạch chiến lược thông tin

Câu 90. Mục nào không phải là một phần của kiến trúc phần mềm?

- A. Chi tiết giải thuật
- B. Cơ sở dữ liệu
- C. Thiết kế dữ liệu
- D. Cấu trúc chương trình

Câu 91. Thủ tục phần mềm tập trung vào?

- A. Thủ tục phần mềm tập trung vào
- B. Xử lý chi tiết của mỗi module riêng biệt
- C. Xử lý chi tiết của mỗi tập module
- D. Quan hệ giữa điều khiển và thủ tục

Câu 92. Máy tính là gì?

- A. Là công cụ cho phép xử lý thông tin một cách tự động.
- B. Là công cụ chỉ dùng để tính toán các phép tính thông thường.
- C. Là công cụ cho phép xử lý thông tin một cách thủ công.
- D. Là công cụ không dùng để tính toán.

Câu 93. Loại máy tính nào thường có cấu hình cao nhất?

- A. Máy tính cá nhân.
- B. Máy chủ.
- C. Máy tính cầm tay.

D. Máy tính xách tay.

Câu 94. Muốn để điện thoại bên cạnh khi ngủ làm báo thức, cần thực hiện thao tác nào để hạn chế ảnh hưởng sức khỏe?

A. Để chế độ im lặng

B. Tắt kết nối Wi-Fi, Bluetooth, NFC

C. Bật chế độ máy bay (Airplane mode)

D. Tuyệt đối không được để điện thoại bên cạnh khi ngủ.

Câu 95. Bộ nhớ chính (bộ nhớ trong) bao gồm?

A. Rom và Ram

B. Thanh ghi và Rom

C. Cache và Rom

D. Thanh ghi và Ram.

Câu 96. Ổ cứng là gì?

A. Thiết bị lưu trữ trong vì nó ở bên trong vỏ máy

B. Thiết bị lưu trữ ngoài

C. Là thiết bị nhập/xuất dữ liệu

D. Thiết bị đọc dữ liệu.

Câu 97. Bộ nhớ RAM và ROM là bộ nhớ gì?

A. Secondary memory

B. Receive memory

C. Primary memory

D. Random access memory

Câu 98. Các thành phần: bộ nhớ chính, bộ xử lý trung ương, bộ phận nhập xuất, các loại hệ điều hành là?

A. Phần mềm

B. Thiết bị lưu trữ

C. Tất cả đều sai.

D. Phần cứng

Câu 99. Phần mềm máy tính bao gồm?

A. Hệ điều hành

B. Đĩa mềm

C. Đĩa CD

D. Cả 3 ý còn lại.

Câu 100. Đọc các thông số cấu hình của một máy tính thông thường: 2GHz - 20GB - 256MB, bạn cho biết con số 256MB chỉ điều gì?

A. Chỉ tốc độ của bộ vi xử lý

B. Chỉ dung lượng của bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên RAM

C. Chỉ dung lượng của đĩa cứng

D. Chỉ dung lượng của bộ nhớ chỉ đọc ROM

❖ MODULE IU2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Câu 1. Để chia sẻ một thư mục của máy tính trong hệ thống mạng nội bộ (LAN), ta làm theo các bước nào sau đây?

- A. Click chuột phải vào thư mục chia sẻ → Properties → chọn Sharing
- B. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Properties → chọn Sharing
- C. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Personalize → chọn Sharing
- D. Click chuột phải vào thư mục → Properties → chọn General

Câu 2. Để cài đặt mới một máy in trên máy tính, ta làm theo các bước nào sau đây?

- A. Vào biểu tượng Start → Devices and Printers → Add a device
- B. Vào biểu tượng Start → Printers and Faxes → Add a device
- C. Vào biểu tượng Start → Devices and Printers → Add a printer
- D. Vào biểu tượng Start → Printers and Faxes → Add a printer

Câu 3. Để tạo một Shortcut trên màn hình Desktop, ta làm theo các bước nào sau đây?

- A. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → New → Folder
- B. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → New → Shortcut
- C. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → View → Shortcut
- D. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Sort by → Shortcut

Câu 4. Để kiểm tra thông tin về cấu hình phần cứng và phiên bản, bản quyền hệ điều hành của máy tính, ta làm các bước nào sau đây?

- A. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Properties
- B. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Personalize
- C. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Computer → Manage
- D. Click chuột phải vào biểu tượng Computer → Properties

Câu 5. Để tắt một cửa sổ đang làm việc, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Ctrl + F4
- B. Alt + X
- C. Shift + X

D. Alt + F4

Câu 6. Để thay đổi độ phân giải màn hình ta phải làm các bước nào sau đây?

A. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Properties → Settings → thay đổi Screen resolution

B. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Properties → Appearance → thay đổi Screen resolution

C. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Screen resolution thay đổi Resolution

D. Click chuột phải vào vùng trống trên màn hình Desktop → Personalize → thay đổi Resolution.

Câu 7. Để kiểm tra thông tin dung lượng của một thư mục hay ổ đĩa, ta thực hiện các thao tác nào?

A. Mở thư mục/ổ đĩa đó ra → Chọn thực đơn File → Chọn Properties

B. Click chuột phải vào thư mục/ổ đĩa → Chọn Properties

C. Click chuột phải vào thư mục/ổ đĩa → Chọn Informations

D. Mở thư mục/ổ đĩa đó ra → Chọn thực đơn File → Chọn Informations

Câu 8. Các ký tự nào sau đây không được dùng để đặt tên tập tin, thư mục?

A. @ 1 % & B. + - ()

C. * / \ < >

D. ~ # \$ ^

Câu 9. Để mở một cửa sổ folder hoặc một mục chương trình, ta thực hiện những bước nào?

A. Chọn biểu tượng → chọn Edit → chọn Open.

B. Chọn biểu tượng → chọn Open.

C. D. Click nút phải chuột trên biểu tượng → nhấn Enter.

Double Click tại biểu tượng tương ứng.

Câu 10. Trong Windows Explorer, để chọn một lúc nhiều tập tin, thư mục không liên tục ta thực hiện:

A. Giữ phím Shift và kích chuột vào các tập tin, thư mục cần chọn.

- B. Giữ phím Alt và kích chuột vào các tập tin, thư mục cần chọn.
- C. Giữ phím Ctrl và kích chuột vào các tập tin, thư mục cần chọn.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 11. Trong Windows Explorer, để copy một tập tin vào bộ nhớ đệm, sau khi chọn tập tin ta thực hiện tiếp:

- A. Chọn File→Copy.
- B. Chọn View→chọn Copy.
- C. Nhấn Ctrl + V.
- D. Chọn Organize→Copy.

Câu 12. Trong Windows, tổ hợp phím tắt nào giúp bạn truy cập nhanh menu Start?

- A. Ctrl + Alt + Esc
- B. Ctrl + Esc
- C. Alt + Esc
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 13. Câu 13: Muốn đổi tên 1 thư mục trong Windows Explorer, sau khi chọn thư mục, ta thực hiện tiếp lệnh nào sau đây?

- A. File→Rename
- B. View→Rename
- C. Format→Rename
- D. Organize→Rename

Câu 14. Để xoá một biểu tượng trên Desktop, ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Nhấn đúp chuột→ chọn Delete
- B. Nhấn phải chuột→ chọn Edit →Delete
- C. Chọn biểu tượng→nhấn phím Delete
- D. Nhấn phải chuột→ chọn Delete

Câu 15. Trong Windows, để phục hồi tập tin đã xoá trong Recycle Bin, ta chọn tập tin đó và thực hiện tiếp bước nào sau đây?

- A. Organize→Delete.
- B. Empty the Recycle Bin.
- C. Restore
- D. Tất cả đều sai.

Câu 16. Trên màn hình Desktop của Windows, để sắp xếp các biểu tượng tự động, thực hiện bằng cách:

- A. Nhấn chuột phải→View→Auto arrange icons.
- B. Nhấn chuột phải→New.
- C. Nhấn chuột phải→Properties.
- D. Nhấn chuột phải→View→Medium icons.

Câu 17. Muốn đổi tên cho thư mục/tệp tin trong hệ điều hành Windows, ta chọn thư mục/tệp tin cần đổi tên và thực hiện tiếp thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Organize→ edit→ nhập tên mới→nhấn Enter.
- B. CNhấn phím F12→ nhập tên mới→nhấn Enter.
- C. Nhấn phải chuột→rename→nhập tên mới→nhấn Enter.
- D. Chọn File→rename→nhập tên mới→nhấn Enter.

Câu 18. Để có thể tạo một thư mục trên desktop, ta nhấn nút phải chuột lên desktop và chọn lệnh

- A. New→Folder
- B. New→Shortcut
- C. Paste
- D. Paste Shortcut

Câu 19. Để xóa hẳn một thư mục hoặc tập tin, sau khi chọn thư mục hoặc tập tin, ta thực hiện?

- A. Nhấn Shift + Delete
- B. Nhấp phải chuột→chọn Delete
- C. Chọn File→Delete
- D. Nhấn phím Delete

Câu 20. Muốn tạo một Shortcut trong Windows, ta thực hiện nhấn phải chuột trên Desktop, sau đó chọn:

- A. Create Shortcut
- B. New→Shortcut
- C. View→Shortcut
- D. Cả A, B đều đúng

Câu 21. Để thay đổi cấu hình hệ thống ta sử dụng?

- A. Shortcut
- B. MS Word
- C. Bảng điều khiển Control Panel
- D. Recycle Bin

Câu 22. Phát biểu nào sau đây là sai khi muốn khởi chạy một ứng dụng trong Windows?

- A. Nhấp đúp vào biểu tượng của ứng dụng
- B. CVào Start→All Programs→Chọn chương trình ứng dụng
- C. Nhấn phím phải chuột trên biểu tượng ứng dụng→chọn Open
- D. Tất cả A, B, C đều sai

Câu 23. Trong Windows Explorer, để hiển thị các thông tin về kích thước, ngày giờ tạo của các tập tin, ta chọn chức năng nào trên thanh menu?

- A. View→Details
- B. CMore options→List
- C. File→Rename
- D. View→Properties

Câu 24. Recycle Bin trong Windows là:

- A. Một chương trình tiện ích để quản lý File và Folder
- B. Nơi lưu trữ tạm thời File hay Folder bị xoá, có thể phục hồi lại
- C. Một chương trình dùng để sắp xếp, chỉnh sửa đĩa
- D. Một chương trình soạn thảo đơn giản, không cần thiết phải định dạng

Câu 25. Trong Windows, để xóa một biểu tượng trên desktop, bước nào sau đây là sai?

- A. Dùng chuột kéo thả biểu tượng đó vào Recycle Bin
- B. Nháy nút phải chuột lên biểu tượng và chọn lệnh Delete
- C. Nháy nút trái chuột lên biểu tượng và bấm phím Delete
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 26. Trong Windows, để có thể sắp xếp thứ tự hiển thị các file và thư mục trong ổ đĩa theo tên, ta chọn chức năng nào trên thanh menu?

- A. View→Sort by→Date modified
- B. View→Sort by→Size
- C. View→Sort by→Name
- D. Edit→Sort by→Name

Câu 27. Nháy nút phải chuột vào tên file và chọn lệnh Properties nhằm:

- A. Sao chép file
- B. Đổi tên file
- C. Xóa file
- D. Xem thuộc tính của file

Câu 28. Để có thể gỡ cài đặt một chương trình ứng dụng trong Windows, ta mở Control Panel và chọn:

- A. Programs→Programs and Features
- B. Hardware and Sound
- C. Appearance and Personalization
- D. System and Security

Câu 29. Để có thể đổi tên một file trong một thư mục đang mở, ta nháy nút phải chuột lên file đó và chọn lệnh:

- A. Copy
- B. Rename
- C. Paste

D. Cut

Câu 30. Trong Windows, để có thể nhóm các file thành từng nhóm theo kiểu file, ta chọn chức năng nào trên thanh menu:

A. Edit→Group by→Type

B. View→Group by→Name

C. DEdit→Group by→Name

D. View→Group by→Type

Câu 31. Trong Windows, để đóng một chương trình ứng dụng, ta bấm tổ hợp phím nào?

A. Ctrl + F5

B. Ctrl + F4

C. Shift + F4

D. Alt + F5

Câu 32. Trong Windows, để chọn nhiều file nằm cách nhau trong một thư mục đang mở, ta nhấn và giữ phím nào trong suốt quá trình bấm chuột chọn file?

A. Alt

B. Shift

C. Ctrl

D. Tab

Câu 33. Trong Windows, muốn xóa một file trong một thư mục đang mở, ta nháy chuột chọn file đó và bấm phím?

A. Backspace

B. Spacebar

C. Delete

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 34. Trong Windows, giả sử ta đã sao chép một file vào Clipboard. Để dán file đó từ Clipboard ra một thư mục đang mở, ta chọn chức năng nào trên thanh menu?

- A. Edit→Copy
- B. Edit→Paste
- C. Edit→Copy to Folder
- D. Edit→Move to Folder

Câu 35. Trong Windows, muốn khôi phục lại đối tượng đã bị xóa trong Recycle Bin, ta mở Recycle Bin, nháy chuột chọn đối tượng muốn khôi phục và thực hiện?

- A. File→Copy
- B. File→Open
- C. File→Restore
- D. File →Move to folder

Câu 36. Muốn xóa một thư mục trong một ổ đĩa đang mở, ta chọn chức năng nào trên thanh menu?

- A. Edit→Copy
- B. File→Delete
- C. D. Edit→Paste
- Edit→Cut

Câu 37. Trong Windows, muốn sao chép một file hoặc thư mục vào Clipboard, ta chọn file hoặc thư mục đó và chọn chức năng nào trên thanh menu?

- A. Edit→Copy
- B. Edit→Paste
- C. Edit→Copy to Folder
- D. Edit→Move to Folder

Câu 38. Trong hệ điều hành Windows, sau khi bấm phải chuột vào thư mục hoặc tệp tin, chọn lệnh Rename có tác dụng?

- A. Đổi tên thư mục/tên tệp tin
- B. Sao chép một thư mục/tệp tin thành một thư mục/tệp tin mới
- C. Nối nhiều tệp tin được chọn thành một tệp tin
- D. Thay đổi thuộc tính thư mục/tên tệp tin

Câu 39. Để thay đổi ảnh nền của màn hình desktop ta phải vào các mục nào sau đây?

- A. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Properties □ Desktop
- B. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Properties → Appearance
- C. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Personalize → Desktop Background
- D. Click chuột phải giữa màn hình Desktop → Gadgets → Desktop Background

Câu 40. Các ký tự sau đây ký tự nào không được sử dụng để đặt tên của tập tin, thư mục?

- A. @, 1, %
- B. - (,)
- C. ~, “, ? , @, #, \$
- D. *, /, , <, >

Câu 41. Bạn nhận được một bức thư điện tử chứa tệp tin đính kèm mà không nhận biết được mức độ an toàn của bức thư, bạn sẽ xử lý thế nào trong tình huống này?

- A. Mở tệp tin này ra để kiểm tra loại tệp tin
- B. Chuyển thư này cho ai đó mà bạn nghĩ rằng bạn có thể nhận biết được
- C. Quét tệp tin này bằng chương trình chống virus
- D. Lưu bản sao tệp tin này vào đĩa cứng và mở bản sao này

Câu 42. Nếu một máy tính bị nghi ngờ là nhiễm virus thì cách thức tốt nhất để kiểm tra và diệt virus là?

- A. Cài đặt lại hệ điều hành, sau đó cài đặt lại tất cả các chương trình ứng dụng khác
- B. Cài đặt một chương trình chống virus, quét virus các ổ đĩa của máy tính và cho chương trình này loại bỏ virus
- C. Lưu trữ dự phòng các tệp tin của máy tính và khôi phục chúng bằng việc sử dụng những tệp tin dự phòng này.
- D. Khởi động lại máy tính và sau đó xóa tất cả những tệp tin bị nghi ngờ nhiễm virus

Câu 43. Điều nào dưới đây đúng khi nói về virus máy tính:

- A. Virus máy tính chỉ hoạt động khi phần mềm bị sao chép trái phép

- B. Virus máy tính là một chương trình máy tính
- C. Virus máy tính là phần cứng chỉ phá hoại các phần khác
- D. Virus máy tính là một loại nấm mốc trên bề mặt đĩa

Câu 44. Virus máy tính có khả năng?

- A. Xóa tất cả các tệp tin đã có trên đĩa CD
- B. Tự sao chép để lây nhiễm
- C. Lây lan qua màn hình
- D. Cả 3 ý trên

Câu 45. Virus máy tính có khả năng ?

- A. Lây lan qua máy quét (Scanner)
- B. Tự sao chép để lây nhiễm
- C. Lây lan qua màn hình
- D. Cả 3 mục trên

Câu 46. Câu 47: Để khởi động lại máy tính, phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Alt - Del, chọn mục Restart
- B. Từ cửa sổ màn hình nền nhấn Start - Shutdown, sau đó nhấn mục Restart
- C. Nhấn nút Power trên hộp máy
- D. Nhấn nút Reset trên hộp máy

Câu 47. Để mở rộng một cửa sổ chương trình phóng to hết màn hình ta thực hiện các bước nào dưới đây?

- A. Nhấn chuột vào biểu tượng Restore Down
- B. Nhấn chuột vào biểu tượng Maximize
- C. Nhấn đúp chuột vào thanh tiêu đề (Title Bar) khi cửa sổ đang thu vừa
- D. Cả hai đáp án B và C đều đúng

Câu 48. Để tắt máy tính đúng cách ta chọn?

- A. Nhấn nút Start ở góc dưới bên trái màn hình nền, chọn mục Shutdown
- B. Tắt nguồn điện

C. Nhấn nút Power trên hộp máy

D. Nhấn nút Reset trên hộp máy

Câu 49. Trường hợp nào có thể xảy ra khi các tệp tin được chọn và xóa bằng tổ hợp phím Shift - Delete?

A. Có thể phục hồi khi mở Recycle Bin

B. Có thể được hồi phục khi mở My Computer

C. Không thể hồi phục chúng được nữa

D. Chỉ có tệp văn bản. DOC là có thể hồi phục

Câu 50. Cách tổ chức thư mục và tệp tin theo hệ điều hành Windows không cho phép?

A. Trong một thư mục có cả tệp tin và thư mục con

B. Tạo một tệp tin có chứa thư mục con

C. Một ổ đĩa cứng vật lý được phân chia thành nhiều ổ logic

D. Thư mục mẹ và thư mục con có tên trùng nhau

Câu 51. Có thể hồi phục (Restore) các tệp tin bị xóa sau khi nhấn phím Delete bằng cách?

A. Mở My Documents

B. Mở My Computer

C. Mở Internet Explorer

D. Mở Recycle Bin

Câu 52. Muốn chia sẻ một thư mục trên máy tính này để máy tính khác có thể kết nối và sử dụng thì ?

A. Chọn mục Explorer

B. Chọn mục Search...

C. Chọn mục Sharing...

D. Chọn mục Properties

Câu 53. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về các phím chức năng bàn phím?

- A. Khi bật phím Caps Lock (thường ở vị trí trên cùng, bên phải bàn phím) cùng sáng, báo hiệu chế độ nhập văn bản chữ hoa đã sẵn sàng
- B. Nhấn phím Enter khi muốn thực hiện lệnh hay kết thúc một đoạn văn bản và xuống dòng mới.
- C. DPhím Shift chứa mũi tên đi lên cho phép người dùng trong quá trình soạn thảo văn bản chuyển lên phần văn bản phía trên nhanh chóng hơn
- D. Phím Ctrl thường dùng kèm một phím khác để xác định một mệnh lệnh điều khiển (Ví dụ: Ctrl + C = Copy)

Câu 54. Phát biểu nào sau đây là đúng với phần mềm nén/giải nén tệp tin Winzip?

- A. Winzip có khả năng nén nhiều tệp tin, thư mục thành 1 tệp tin. Tệp tin sau khi nén thường có đuôi .zip và có kích thước nhỏ hơn tổng kích thước của các tệp tin ban đầu
- B. Winzip có khả năng nén nhiều thư mục, tệp tin vào một thư mục duy nhất có tên là Zip
- C. Các tệp tin sau khi được giải nén sẽ có kích thước nhỏ hơn kích thước ban đầu do mất mát thông tin trong quá trình nén trước đó
- C. Winzip có cả ba chức năng nêu trên

Câu 55. Phát biểu nào sau đây là đúng nhất?

- A. Hệ điều hành chỉ quản lý thư mục, không quản lý tệp tin
- B. Tệp tin có thể chứa thư mục
- C. Thư mục có thể chứa thư mục con và tệp tin
- D. Hệ điều hành chỉ quản lý thư mục gốc C:, D:,... không quản lý các thư mục con của C:, D:, ...

Câu 56. Thao tác nào phải dùng đến thực đơn lệnh Edit trong cửa sổ quản lý thư mục, tệp tin?

- A. Lựa chọn toàn bộ thư mục và tệp tin
- B. Đổi tên tệp tin
- C. Sao chép tệp tin
- D. Cả phương án A và C

Câu 57. Thao tác nào phải dùng đến thực đơn lệnh File?

- A. Tạo thư mục mới
- B. Xem các tệp tin theo thứ tự tăng dần về kích thước
- C. Xem phiên bản của hệ điều hành
- D. Khi cần sử dụng một trong 3 thao tác trên

Câu 58. Phương tiện truyền thông là gì?

- A. Là việc vận dụng các khả năng của cơ thể, sử dụng những phương tiện có sẵn trong tự nhiên, những công cụ nhân tạo để diễn tả và chuyển tải những thông tin, thông điệp từ bản thân đến người khác hay từ nơi này sang nơi khác
- B. Chuyển phát các nội dung trên mạng
- C. Di chuyển các thông tin từ vùng này sang vùng khác trên máy tính
- D. Tất cả đều sai

Câu 59. Các phương tiện truyền thông phổ biến hiện nay?

- A. Internet, Truyền hình
- B. Báo chí, sách, điện ảnh, phát thanh, quảng cáo, băng đĩa,...
- C. Internet, truyền hình, báo chí, sách, điện ảnh, phát thanh, quảng cáo, băng đĩa,...
- D. Truyền hình, báo chí

Câu 60. Phương tiện truyền thông hay nhất và phổ biến nhất hiện nay là?

- A. Internet
- B. Truyền hình
- C. Báo chí
- D. Sách

Câu 61. Để truyền đi một ảnh động, ta chiếu lần lượt nhiều ảnh tĩnh với tần số ảnh tương đối lớn. Tần số ảnh phải được lựa chọn để đáp ứng yêu cầu nào dưới đây?

- A. Tạo cảm giác về quá trình chuyển động liên tục của ảnh
- B. Ảnh động tái tạo trên màn hình không bị chớp

C. Tạo cảm giác chuyển động liên tục của ảnh động, đồng thời triệt tiêu cảm nhận về sự nhấp nháy của chuỗi ảnh

Câu 62. Để hiển thị ngôn ngữ của các quốc gia, máy tính sử dụng các bộ font chữ được xây dựng tương ứng với các bảng mã. Unicode được hỗ trợ những kiểu font chữ nào?

A. .VnTime, .VnTimeH, .VnArial,...

B. VNI-Time, VNI-Top, VNI-Book, ...

C. VNtimes New Roman, VNUmbrella, SVNTimes New Roman, SVNumbrella, ...

D. Times New Roman, Tahoma, Arial,...

Câu 63. Để hiển thị ngôn ngữ của các quốc gia, máy tính sử dụng các bộ font chữ được xây dựng tương ứng với các bảng mã. Bộ font TCVN3-ABC được hỗ trợ những kiểu font chữ nào?

A. .VnTime, .VnTimeH, .VnArial,...

B. VNI-Time, VNI-Top, VNI-Book, ...

C. VNtimes New Roman, VNUmbrella, SVN Times New Roman, SVNumbrella, ...

D. Times New Roman, Tahoma, Arial,...

Câu 64. Tập tin có phần mở rộng dạng .COM hoặc .EXE thuộc dạng?

A. Tập tin văn bản

B. Tập tin thực thi

C. Tập tin âm thanh

Câu 65. Trong một ổ đĩa tên một thư mục có thể?

A. Trùng với tên thư mục khác trong một ổ đĩa khác

B. CTrùng với phần tên của một tập tin trong cùng ổ đĩa

C. DTrùng với tên thư mục con

D. Tất cả đều đúng

Câu 66. Cách tổ chức thư mục và tập tin trong hệ điều hành Windows không cho phép?

A. Thư mục mẹ và thư mục con có tên trùng nhau

- B. Một đĩa cứng vật lý có thể phân chia thành nhiều phân vùng ổ đĩa logic
- C. Trong một thư mục có cả thư mục con và tập tin
- D. Tạo một tập tin có chứa thư mục con

Câu 67. Trong cửa sổ My Computer, để xem thông số ổ đĩa C, ta nhấn chuột phải tại ổ đĩa C và chọn:

- A. View
- B. Show
- C. Manage
- D. Properties

Câu 68. Nhấp chuột phải vào ổ đĩa D trong cửa sổ My Computer và chọn menu Format có mục đích gì:

- A. Xem các thông tin chi tiết về ổ đĩa D
- B. Thực hiện chức năng định dạng lại ổ đĩa D
- C. Thực hiện chức năng sao chép dữ liệu của ổ đĩa D
- D. Thực hiện chức năng phân vùng cho ổ đĩa D

Câu 69. Thao tác nhấp chuột phải vào biểu tượng của thư mục/tập tin và chọn Properties là để:

- A. Xem thuộc tính thư mục/tập tin
- B. CSao chép thư mục/tập tin
- C. Đổi tên thư mục/tập tin
- D. Xoá thư mục/tập tin

Câu 70. Trong Tin học, tệp tin (file) là khái niệm chỉ:

- A. Một văn bản chứa các thông tin do người dùng tạo ra
- B. Một đơn vị lưu trữ thông tin cơ bản
- C. Tập hợp các thông tin có cùng bản chất được lưu trữ trên đĩa từ
- D. Một gói tin chứa các thông tin có cùng bản chất

Câu 71. Trong Tin học, thư mục (folder) là một khái niệm chỉ:

- A. Tập tin đặc biệt không có phần mở rộng

- B. Tập hợp các tập tin và thư mục con
- C. Phần ổ đĩa chứa một tập hợp các tập tin
- D. Mục lục để tra cứu thông tin

Câu 72. Trong hệ điều hành Windows, để xem danh sách các tài liệu (tệp) vừa thao tác gần nhất, ta:

- A. Nháy Start→My Documents
- B. CNháy Start→My Recent Documents
- C. Nháy File→Open Near Documents
- D. Các ý trên đều sai

Câu 73. Trong hệ điều hành Windows, muốn thay đổi hình nền cho màn hình Desktop, ta nháy phải chuột tại vùng trống trên Desktop và:

- A. Chọn Properties→chọn thẻ lệnh Desktop→chọn hình ảnh làm nền màn hình→Apply→Ok
- B. Chọn Properties/chọn thẻ lệnh Settings/chọn hình ảnh làm nền màn hình→Apply→Ok
- C. Chọn Properties→chọn thẻ lệnh Screen save→chọn hình ảnh làm nền màn hình→Apply→Ok
- D. Tất cả các ý trên đều sai

Câu 74. Trong hệ điều hành Windows, muốn thay đổi hình nền cho màn hình Desktop, ta nháy Start→Control Panel sau đó:

- A. Chọn Display/DeskTop/chọn hình ảnh làm nền màn hình→Apply→Ok
- B. Chọn Change desktop background → chọn hình ảnh làm nền màn hình → Apply → Ok
- C. Chọn Choose a screen saver→ DeskTop→ chọn hình ảnh làm nền màn hình→Apply → Ok
- D. Các ý trên đều đúng

Câu 75. Trong hệ điều hành Windows, để tạo đường tắt (biểu tượng-shortcut) cho đối tượng lên màn hình Desktop ta:

- A. Nháy phải chuột tại đối tượng cần tạo shortcut, chọn Sent to→chọn Desktop

(create shortcut)

B. Nhấn giữ nút chuột phải tại đối tượng cần tạo shortcut, kéo thả ra ngoài màn hình

nền, khi bảng chọn tắt xuất hiện, chọn Create shortcuts here

C. Nháy phải chuột tại vùng trống bất kì trên nền màn hình desktop, chọn New → Shortcut → Browse → chỉ đường dẫn đến đối tượng cần tạo shortcut → Next → đặt tên cho shortcut → Finish

D. Các ý trên đều đúng

Câu 76. Muốn đổi tên cho thư mục/tệp tin trong hệ điều hành Windows, ta chọn thư mục/tệp tin cần đổi tên và thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Nháy File → chọn Rename → nhập tên mới → nhấn phím Enter

B. Nhấn phím F2 → nhập tên mới → nhấn phím Enter

C. Nháy phải chuột tại thư mục → tệp tin → nhập tên mới → nhấn phím Enter

D. Các ý trên đều đúng

Câu 77. Phát biểu nào không đúng trong các phát biểu sau?

A. Trong hệ điều hành Windows, thư mục có thể chứa các thư mục con khác

B. Trong hệ điều hành Windows, thư mục có thể chứa các tệp và thư mục con khác

C. Trong hệ điều hành Windows, tệp có thể chứa tệp

D. Trong hệ điều hành Windows, tệp có thể chứa các tệp và thư mục con khác

Câu 78. Trong hệ điều hành Windows, để xoá các tệp/thư mục đang chọn ta thực hiện như sau:

A. Vào bảng chọn Edit → Undo → Yes

B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Delete → Yes

C. Nhấn phím Delete → Yes

D. Các ý trên đều đúng

Câu 79. Thao tác nào sau đây không tạo được thư mục mới trong hệ điều hành Windows?

A. Nháy phải chuột tại vùng trống bên trong ổ đĩa, thư mục muốn tạo mới thư mục bên trong nó, vào bảng chọn New Folder, nhập tên cho thư mục mới, nhấn phím

Enter

B. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, vào bảng chọn File → New Folder, nhập tên cho thư mục mới à nhấn phím Enter

C. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, nháy chuột vào nút lệnh trên thanh công cụ chuẩn, nhập tên cho thư mục mới à nhấn phím Enter

D. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, nháy chuột vào nút lệnh trên thanh công cụ chuẩn, nhập tên cho thư mục mới à nhấn phím Enter

Câu 80. Thiết bị nào sau đây của máy tính không thuộc nhóm thiết bị xuất?

A. Màn hình (Monitor)

B. Máy in (Printer)

C. Loa (Speaker)

D. Máy quét (Scanner)

Câu 81. Trong hệ điều hành Windows, để dán các tệp/thư mục sau khi đã thực hiện lệnh copy, ta mở ổ đĩa, thư mục muốn chứa bản sao và:

A. Vào bảng chọn Edit à chọn Paste

B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + V

C. Nháy phải chuột tại vùng trống bên trong ổ đĩa, thư mục cha, chọn Paste

D. Các ý trên đều đúng

Câu 82. Trong hệ điều hành Windows, thuộc tính nào dưới đây dùng để hiển thị thanh công việc (Taskbar) trên các cửa sổ chương trình?

A. Lock the Taskbar

B. CAuto-Hide the Taskbar

C. DKeep the Taskbar on top of other Windows

D. Show the clock

Câu 83. Trong hệ điều hành Windows, để phục hồi tất cả các đối tượng trong Recycle Bin (thùng rác) ta nháy phải chuột tại Recycle Bin và chọn lệnh:

A. Delete

B. Restore

C. Redo

D. Undo Delete

Câu 84. Trong hệ điều hành Windows, muốn đóng (thoát) cửa sổ chương trình ứng dụng đang làm việc ta:

A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + F3

B. Vào bảng chọn Edit à Office Clipboard...

C. Nhấn tổ hợp phím Alt + F4

D. Các ý trên đều đúng

Câu 85. Trong hệ điều hành Windows, muốn đóng tệp hiện hành nhưng không thoát khỏi chương trình ta:

A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + F4

B. Vào bảng chọn File à chọn Exit

C. Nhấn tổ hợp phím Alt + F4

D. Nháy chuột vào biểu tượng của tệp trên thanh công việc (Task bar)

Câu 86. Tìm câu sai trong các câu dưới đây:

A. Hệ điều hành đảm bảo giao tiếp giữa người dùng và máy tính

B. Chức năng chính của hệ điều hành là thực hiện tìm kiếm thông tin trên Internet

C. Hệ điều hành cung cấp các phương tiện và dịch vụ để người sử dụng dễ dàng thực hiện chương trình, quản lý chặt chẽ, khai thác các tài nguyên của máy tính một cách tối ưu

D. Hệ điều hành Windows là hệ điều hành dùng cho máy tính cá nhân của hãng Microsoft

Câu 87. Trong hệ điều hành Windows, để quản lý tệp, thư mục ta thường dùng chương trình nào?

A. Internet Explorer

B. Windows Explorer

C. Microsoft Word

D. Microsoft Excel

Câu 88. Trong hệ điều hành Windows, muốn hiển thị thực đơn tắt (Shortcut Menu) của đối tượng đang chọn ta:

- A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + S
- B. Nhấn tổ hợp phím Alt + R
- C. Nháy chuột vào vùng trống bên phải đối tượng đó
- D. Nháy phải chuột vào đối tượng đó

Câu 89. Control Panel trong hệ điều hành Windows là gì?

- A. Là tập hợp các chương trình dùng để cài đặt các tham số hệ thống như phong chữ, máy in, ...
- B. Là tập hợp các chương trình dùng để quản lý các phần mềm ứng dụng
- C. Là tập hợp các chương trình dùng để thay đổi các tham số của các thiết bị phần cứng như chuột, bàn phím, màn hình, ...
- D. Các ý trên đều đúng

Câu 90. Muốn thay đổi các thông số khu vực trong hệ điều hành Windows như múi giờ, đơn vị tiền tệ, cách viết số, ... ta sử dụng chương trình nào trong các chương trình sau?

- A. Microsoft Paint
- B. Control Panel
- C. System Tools
- D. Calculator

Câu 91. Trong hệ điều hành Windows, muốn chọn tất cả các đối tượng trong cửa sổ thư mục hiện tại, ta dùng phím (tổ hợp phím) nào sau đây?

- A. Shift + F4
- B. Ctrl + A
- C. Alt + H
- D. F11

Câu 92. Trong cửa sổ Windows Explorer, nếu ta vào bảng chọn View, chọn lệnh List, có nghĩa là ta đã chọn kiểu hiển thị nội dung của cửa sổ bên phải chương trình dưới dạng:

- A. Các biểu tượng lớn
- B. Các biểu tượng nhỏ
- C. Danh sách
- D. Danh sách liệt kê chi tiết

Câu 93. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào không chính xác?

- A. Di chuột (Mouse move): Di chuyển con trỏ chuột đến một vị trí nào đó trên màn hình
- B. Nháy chuột (Click): Nhấn một lần nút trái chuột (nút ngầm định) rồi thả ngón tay, còn gọi là kích chuột
- C. Nháy phải chuột (Mouse right): Nhấn một lần nút phải chuột và thả tay
- D. Nháy đúp chuột (Double click): Nháy nhanh hai lần liên tiếp nút trái chuột

Câu 94. Trong hệ điều hành Windows, thanh hiển thị tên chương trình và nằm trên cùng của một cửa sổ được gọi là:

- A. Thanh công cụ chuẩn (Standard Bar)
- B. Thanh tiêu đề (Title Bar)
- C. Thanh trạng thái (Status Bar)
- D. Thanh cuộn (Scroll Bar)

Câu 95. Trong hệ điều hành Windows, thao tác Drag and Drop (kéo thả chuột) được sử dụng khi ta:

- A. Mở thư mục
- B. Thay đổi màu nền cho cửa sổ hiện hành
- C. Di chuyển đối tượng đến vị trí mới
- D. Xem thuộc tính của tệp hiện tại

Câu 96. Trong hệ điều hành Windows, muốn mở bảng chọn tắt (Shortcut menu) của một đối tượng nào đó, ta sử dụng thao tác nào sau đây với chuột máy tính?

- A. Click
- B. Double Click
- C. Right Click

D. Drag and Drop

Câu 97. Đường tắt (Shortcut) là gì?

- A. Là chương trình được cài đặt vào máy tính giúp người dùng khởi động máy tính nhanh chóng
- B. Là biểu tượng giúp người dùng truy cập nhanh vào đối tượng thường sử dụng
- C. Là biểu tượng để mở cửa sổ My Computer
- D. Là chương trình được cài đặt vào máy tính với mục đích hỗ trợ người sử dụng soạn thảo các văn bản tiếng Việt

Câu 98. Muốn thay đổi các thông số của hệ thống máy tính sao cho dữ liệu ngày được hiển thị dưới dạng “Tuesday, November 17, 2009” ta khai báo tại thẻ lệnh Date của hộp thoại Customize Regional Options như sau:

- A. Tại Short date format hay Long date format nhập: dddd, MMMM dd, yyyy
- B. Tại Short date format hay Long date format nhập: MMMM dd, yyyy
- C. Tại Short date format hay Long date format nhập: dddd, dd MMMM, yyyy
- D. Tại Short date format hay Long date format nhập: dd MMMM, yyyy

Câu 99. Tên thư mục trong hệ điều hành Windows cần thoả điều kiện sau:

- A. Không quá 255 ký tự; không được trùng tên nếu trong cùng một cấp thư mục (cùng thư mục cha) và không chứa các ký tự đặc biệt (/ \ “ * ! < > ?)
- B. Tối đa 8 ký tự, không có khoảng trắng và các ký tự đặc biệt (/ \ “ * ! < > ?)
- C. Tối đa 255 ký tự, không bắt đầu bằng chữ số, không chứa khoảng trắng
- D. Tối đa 256 ký tự

Câu 100. Trên màn hình Desktop, để có thể sắp xếp tự do các biểu tượng, ta có thể dùng cách nào sau đây?

- A. Nháy chuột phải, bỏ mục chọn trong Arrange Icons By → Auto Arrange.
- B. Nháy chuột phải, bỏ mục chọn trong Arrange Icons By → Align to Grid
- C. Nháy chuột phải, bỏ mục chọn trong Arrange Icons By → Show in Groups
- D. Nháy chuột phải, bỏ mục chọn trong Arrange Icons By → Show Desktop Icon

❖ MODULE IU3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Câu 1. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, muốn phục hồi thao tác vừa thực hiện thì bấm tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl - Z
- B. Ctrl - X
- C. Ctrl - V
- D. Ctrl - Y

Câu 2. Khi làm việc với Microsoft Word, tổ hợp phím tắt nào cho phép chọn tất cả văn bản đang soạn thảo?

- A. Ctrl + A
- B. Alt + A
- C. Alt + F
- D. Ctrl + F

Câu 3. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl - H là có nghĩa gì?

- A. Tạo tệp văn bản mới
- B. Chức năng thay thế trong soạn thảo
- C. Định dạng chữ hoa
- D. Lưu tệp văn bản vào đĩa

Câu 4. Trong soạn thảo văn bản Microsoft Word, ký hiệu điểm Tab  có ý nghĩa gì?

- A. Canh văn bản ở bên trái văn bản
- B. Canh văn bản ở mép bên phải tại vị trí TAB
- C. Canh văn bản ở mép bên trái tại vị trí TAB
- D. Canh văn bản ở lề 2 bên của khổ giấy

Câu 5. Khi đang soạn thảo văn bản Microsoft Word, để xác định tổng số trang của văn bản hiện hành ta quan sát ở

- A. Thanh công cụ

- B. Thanh trạng thái
- C. Trong trang Backstage của thực đơn File
- D. Thanh thước

Câu 6. Khi đang soạn thảo văn bản Microsoft Word, để di chuyển con trỏ chuột về cuối tài liệu nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Page Down
- B. Ctrl + Page Down
- C. End
- D. Ctrl + End

Câu 7. Một văn bản được soạn thảo trong chương trình Microsoft Word gọi là gì?

- A. WorkBook
- B. WorkSheet
- C. Document
- D. Text Document

Câu 8. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, để xóa bỏ toàn bộ định dạng kiểu chữ của văn bản đang chọn, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl - Space
- B. Ctrl - Delete
- C. Ctrl - Enter
- D. Shift - Space

Câu 9. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, tổ hợp phím nào được dùng để lưu văn bản?

- A. Ctrl - O
- B. Ctrl - P
- C. Ctrl - N
- D. Ctrl - S

Câu 10. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, nếu nhấn phím số 1 khi có một khối văn bản đang được chọn thì?

- A. Khối văn bản đó biến mất
- B. Khối văn bản đó biến mất và thay thế vào đó là số 1
- C. Số 1 sẽ chèn vào khối văn bản đang chọn
- D. Số 1 sẽ chèn vào sau khối văn bản đang chọn

Câu 11. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, chọn bộ gõ Unicode theo kiểu gõ Texlex, những Font chữ nào sau đây có thể hiển thị rõ tiếng Việt?

- A. Tahoma, Verdana, Times New Roman
- B. .Vn Times, . Vn Arial, .Vn Courier
- C. .Vn Times, Times New Roman, Arial
- D. . VNI Times, Arial, .Vn Avant

Câu 12. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, sau khi bôi đen toàn bộ bảng, nếu nhấn phím Delete thì điều gì xảy ra?

- A. Không có tác dụng gì
- B. Xóa toàn bộ nội dung và bảng biểu
- C. Xóa bảng, không xóa nội dung
- D. Xóa toàn bộ nội dung trong bảng, không xóa bảng

Câu 13. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, khi cần gõ các chỉ số dưới (như X₂, H₂O) thì sử dụng phím tắt nào?

- A. Ctrl - =
- B. Ctrl - Shift - =
- C. Ctrl - Alt - Shift - =
- D. Shift - =

Câu 14. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl - C là gì?

- A. Sao chép các nội dung đang lựa chọn vào trong bộ đệm
- B. Phục hồi lại các thao tác đã làm trước đó
- C. Dán tất cả các nội dung đã được sao chép trước đó vào vị trí cần trở
- D. Thực hiện canh lề giữa đoạn văn bản đó

Câu 15. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, tổ hợp phím nào dùng để tăng, giảm cỡ chữ cho nội dung văn bản?

- A. Ctrl - 1 hay Ctrl - 2
- B. Ctrl - [hay Ctrl -]
- C. Ctrl - < hay Ctrl - >
- D. Shift - [hay Shift -]

Câu 16. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, thao tác giữ phím Ctrl và nhấp chuột vào một vị trí nào đó trong đoạn văn bản sẽ có tác dụng gì?

- A. Chọn đoạn văn bản
- B. Chọn toàn bộ văn bản
- C. Chọn một câu tại vị trí con trỏ
- D. Chọn một từ


Câu 17. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để chọn khối văn bản từ con trỏ về đầu tài liệu nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl - Home
- B. Ctrl - End
- C. Ctrl - Page Up
- D. Ctrl - Shift - Home


Câu 18. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, tổ hợp phím nào được sử dụng để thay thế cho thao tác Click vào nút B trên thanh công cụ?

- A. Ctrl - B
- B. Alt - C
- C. Shift - B
- D. Ctrl - Shift - B

Câu 19. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để tạo khoảng cách giữa 2 dòng là 1,5 dòng ta thực hiện lệnh nào sau đây?

- A. Nhấp biểu tượng  trên thẻ Home
- B. Nhấn Ctrl - 5

C. Nhấn chuột phải lên đoạn đang chọn, chọn 1,5 lines

D. Tại thẻ Page Layout, nhấn nút  và chọn 1,5

Câu 20. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, thao tác nhập chuột trái 3 lần vào lề trái của văn bản sẽ có tác dụng gì?

- A. Chọn toàn bộ văn bản
- B. Chọn một dòng văn bản
- C. Chọn đoạn văn bản hiện hành
- D. Mở cửa sổ Page Setup

Câu 21. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, phím nào sau đây đưa con trỏ về đầu dòng hiện hành?

Home

- A. Ctrl - Home
- B. End
- C. Ctrl - Page Up

Câu 22. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, khi nhấn tổ hợp phím nào sẽ thực hiện đóng văn bản đang mở?

- A. Ctrl - V
- B. Ctrl - W
- C. Alt - W
- D. Shift - W

Câu 23. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, để di chuyển con trỏ về đầu tài liệu nhấn tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Ctrl - Page Up
- B. Ctrl - End
- C. Home
- D. Ctrl - Home

Câu 24. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, chương trình nào sau đây cho phép gõ được tiếng Việt?

- A. Unikey
- B. Vietkey 2000
- C. Unicode
- D. Unikey và Vietkey 2000

Câu 25. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, thao tác nào dưới đây được dùng để chọn một từ trong đoạn văn bản?

- A. Giữ phím Ctrl và nhấp chuột từ câu cần chọn
- B. Giữ phím Shift và nhấp chuột từ câu cần chọn
- C. Nhấp chuột 3 lần vào lề trái của văn bản
- D. Nhấp đôi chuột lên từ cần chọn

Câu 26. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, có rất nhiều hình vẽ được tạo ra. Để chọn được nhiều hình thì ta phải nhấn giữ thêm phím nào?

- A. Enter
- B. Shift
- C. Alt
- D. Tab

Câu 27. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, sử dụng kiểu gõ nào để khi nhập hai chữ A sẽ cho ra chữ Â, hai chữ E sẽ cho ra chữ Ê?

- A. Telex
- B. Select
- C. VNI
- D. Latex

Câu 28. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, phím nào để xóa ký tự đứng trước con trỏ?

- A. Page Down
- B. Delete
- C. Page Up
- D. Backspace

Câu 29. Standard là một ... của chương trình soạn thảo văn bản Microsoft Word:

- A. Thanh công cụ
- B. Menu
- C. Hộp thoại
- D. Trang giấy

Câu 30. Có mấy cách tạo mới một văn bản trong Microsoft Word?

- A. 2 cách
- B. 3 cách
- C. 4 cách
- D. 5 cách

Câu 31. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, thao tác Shift + Enter có chức năng gì?

- A. Xuống hàng chưa kết thúc đoạn văn bản
- B. Xuống một trang màn hình
- C. Nhập dữ liệu theo hàng dọc
- D. Tất cả đều sai

Câu 32. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, muốn xác định khoảng cách và vị trí ký tự ta thực hiện như thế nào?

- A. Format/Paragragh
- B. Format/Stye
- C. Format/Font
- D. Format/Objet

Câu 33. Khi soạn thảo văn bản Microsoft Word, tổ hợp phím Ctrl + Shift + = có chức năng gì?

- A. Bật hoặc tắt gạch dưới nét đôi
- B. Bật hoặc tắt chỉ số dưới
- C. Bật hoặc tắt chỉ số trên
- D. Trả về dạng mặc định

Câu 34. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để gạch chân dưới mỗi từ một nét đơn ta dùng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Shift + D
- B. Ctrl + Shift + W
- C. Ctrl + Shift + A
- D. Ctrl + Shift + K

Câu 35. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, hộp thoại Format/Paragraph ngoài việc có thể hiệu chỉnh lề cho đoạn, khoảng cách các đoạn, các dòng, còn dùng làm chức năng nào sau đây?

- A. Định dạng cột
- B. Canh chỉnh Tab
- C. Thay đổi font chữ
- D. Tất cả đều sai

Câu 36. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, vào File/Page Setup mục Gutter có chức năng gì?

- A. Quy định khoảng cách từ mép đến trang in
- B. Chia văn bản thành số đoạn theo ý muốn
- C. Phân chừa trống để đóng thành tập
- D. Quy định lề của trang in

Câu 37. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để thay đổi đơn vị đo của thước, ta chọn?

- A. Format/Tabs
- B. Tools/Option/General
- C. Format/Object
- D. Tools/Option/View

Câu 38. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, ký hiệu  trên thanh thước có nghĩa là gì?

- A. Bar tab

- B. Frist line indent
- C. Decinal Tab
- D. Hanging indent

Câu 39. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, vào Format/Bullets and Numbering, nếu muốn chọn thông số khác ta vào mục Customize. Trong này, phần Number Format dùng để làm gì?

- A. Hiệu chỉnh ký hiệu của Number
- B. Hiệu chỉnh ký hiệu của Bullets
- C. Thêm văn bản ở trước, sau dấu hoa thị
- D. Thay đổi font chữ

Câu 40. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, vào Format/Drop Cap, phần Distance form text dùng để xác định khoảng cách

- A. Giữa ký tự Drop Cap với lề trái
- B. Giữa ký tự Drop Cap với lề phải
- C. Giữa ký tự Drop Cap với ký tự tiếp theo
- D. Giữa ký tự Drop Cap với toàn văn bản

Câu 41. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, vào File/Page Setup ở mục Margins, tích chọn mục Mirror Margins để làm gì?

- A. Đặt lề cho văn bản cân xứng
- B. Đặt cho tiêu đề cân xứng với văn bản
- C. Đặt lề cho các trang chẵn và lẻ đối xứng
- D. Đặt lề cho các section đối xứng nhau

Câu 42. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, có thể chú thích các thuật ngữ cho 1 từ , 1 câu bằng Footnote. Như vậy Footnote có nghĩa là:

- A. Chú thích được trình bày ở cuối từ cần chú thích
- B. Chú thích được trình bày ở cuối trang
- C. Chú thích được trình bày ở cuối văn bản
- D. Chú thích được trình bày ở cuối toàn bộ

Câu 43. Để di chuyển con trỏ trong bảng Table, ta dùng phím nóng. Vậy phím nóng Shift + Tab dùng để:

- A. Di chuyển con trỏ đến ô liền trước
- B. Di chuyển con trỏ đến hàng trên
- C. Thêm một tab vào ô
- D. Phím nóng trên không có chức năng gì

Câu 44. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn chọn cả bảng Table ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Alt + Shift + 5 (5 trên bàn phím số)
- B. Alt + 5 (5 trên phím số và tắt numlock)
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 45. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, ví dụ ta gõ chữ n và nhấn phím spacebar, máy sẽ hiện ra cụm từ thông tin. Đây là chức năng gì?

- A. Auto correct
- B. Auto text
- C. Auto Format
- D. Tất cả đều sai

Câu 46. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, vào Format/Tabs, mục Tab Stop position dùng để xác định khoảng cách nào?

- A. Từ lề trái đến vị trí Tab đã nhập
- B. Từ lề phải đến vị trí Tab đã nhập
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 47. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để xem tài liệu trước khi in, ta vào File/Print Preview hoặc nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Alt + P
- B. Ctrl + Alt + B

- C. Ctrl + F2
- D. Ctrl + Alt + 1

Câu 48. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, nếu muốn in phong bì, vào Tools/Envelopes and Label, chọn mục Clockwise rotation có chức năng gì sau đây?

- A. Quay ngược phong bì 180 độ
- B. Quay theo chiều của phong bì
- C. Quay theo chiều máy in
- D. Tất cả đều sai

Câu 49. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để chia cột cho một đoạn văn bản đang được chọn, ta thực hiện như thế nào?

- A. Insert→Columns...
- B. View→Columns...
- C. Format→Columns...
- D. Table→Columns...

Câu 50. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để có thể tách một ô đang được chọn thành nhiều ô khi đang làm việc với bảng biểu, ta thực hiện như thế nào?

- A. Table→Cells...
- B. Table→Merge Cells...
- C. Tools→Split Cells...
- D. Table→Split Cells...

Câu 51. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để có thể chèn các kí tự đặc biệt vào văn bản, ta thực hiện như thế nào?

- A. View→Symbol...
- B. Format→Symbol...
- C. Tools→Symbol...
- D. Insert→Symbol...

Câu 52. Khi soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để thoát khỏi chương trình, ta thực hiện:

- A. View→Exit
- B. Edit→Exit
- C. Window→Exit
- D. File→Exit

Câu 53. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn phục hồi thao tác đã thực hiện trước đó, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Z
- B. Ctrl + X
- C. Ctrl + V
- D. Ctrl + P

Câu 54. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, muốn chọn các ký tự kể từ vị trí con trỏ đến cuối từ, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Shift + □
- B. Ctrl + Shift + End
- C. Alt + Shift + End
- D. Alt + Shift + □

Câu 55. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, muốn tắt đánh dấu (chọn) khối văn bản, ta thực hiện.

- A. Bấm phím Enter
- B. Bấm phím Space
- C. Bấm phím mũi tên di chuyển con trỏ
- D. Bấm phím Tab

Câu 56. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl + O có nghĩa gì?

- A. Mở một file văn bản mới
- B. Đóng một file văn bản đang mở
- C. Mở một file văn bản đã có
- D. Lưu một file văn bản vào đĩa

Câu 57. Trong Microsoft Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl + H có nghĩa gì?

- A. Tạo tệp văn bản mới
- B. Mở cửa sổ tìm kiếm và thay thế
- C. Định dạng chữ hoa
- D. Lưu tệp văn bản vào đĩa

Câu 58. Trong Microsoft Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl + S có nghĩa gì?

- A. Xóa file văn bản
- B. Chèn kí hiệu đặc biệt
- C. Lưu file văn bản vào đĩa
- D. Tạo file văn bản mới

Câu 59. Trong Microsoft Word để có thể chèn tiêu đề trang (đầu trang và chân trang), ta thực hiện như thế nào?

- A. Insert→Header and Footer
- B. Tools→Header and Footer
- C. View→Header and Footer
- D. Format→Header and Footer

Câu 60. Trong Microsoft Word, để có thể tạo một bảng biểu, ta thực hiện như thế nào?

- A. Tools→Insert→Table...
- B. Insert→Insert→Table...
- C. Format→Insert→Table...
- D. Table→Insert→Table...

Câu 61. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể quy định độ rộng lề cho trang giấy in, ta thực hiện như thế nào?

- A. File→Properties
- B. File→Page Setup...
- C. File→Print
- D. Format→Page Setup...

Câu 62. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để đếm số lượng từ có trong văn bản đang mở, ta thực hiện như thế nào?

- A. Tool→Word Count...
- B. Tool→AutoSummarize...
- C. Format→Word Count...
- D. Table→Formular...

Câu 63. Trong Microsoft Word, để có thể đánh số trang tự động cho văn bản, ta thực hiện như thế nào?

- A. Insert→Page Numbers...
- B. View→Page Numbers...
- C. Tools→Page Numbers...
- D. Format→Page Numbers...

Câu 64. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để sử dụng chức năng sửa lỗi và gỡ tắt, ta thực hiện như thế nào?

- A. Edit→AutoCorrect Options...
- B. View→AutoCorrect Options...
- C. Tools→AutoCorrect Options...
- D. File→AutoCorrect Options...

Câu 65. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để chọn tất cả văn bản đang soạn thảo, ta bấm tổ hợp phím nào?

- A. Alt + A
- B. Ctrl + A
- C. Alt + F
- D. Shift + A

Câu 66. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, công dụng của tổ hợp Ctrl+F có nghĩa gì?

- A. Tạo file mới
- B. Lưu văn bản vào đĩa

- C. Định dạng trang
- D. Mở cửa sổ tìm kiếm

Câu 67. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, muốn chuyển đổi giữa chế độ gõ chèn và chế độ gõ đè, ta bấm phím nào?

- A. Insert
- B. Tab
- C. Del
- D. Caps Lock

Câu 68. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để đưa ngay con trỏ về cuối văn bản, ta bấm tổ hợp phím nào?

- A. Shift + End
- B. Alt + End
- C. Ctrl + End
- D. Ctrl + Alt + End

Câu 69. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể lưu file sang một tên khác, ta thực hiện như thế nào?

- A. File→Save
- B. File→Save As...
- C. Window→Save
- D. Window→Save As...

Câu 70. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể mở một file văn bản đã có trên đĩa, ta thực hiện như thế nào?

- A. File→Open...
- B. File→Exit
- C. File→New...
- D. File→Close

Câu 71. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, tổ hợp phím nào đưa ngay con trỏ về đầu văn bản?

- A. Shift + Home
- B. Atl + Home
- C. Ctrl + Home
- D. Ctrl + Alt + Home

Câu 72. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể in văn bản ra giấy, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Alt + P
- B. Ctrl + P
- C. Alt + I
- D. Ctrl + I

Câu 73. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, muốn trình bày văn bản trong khổ giấy A4 theo hướng ngang, trong cửa sổ Page setup, ta chọn mục nào?

- A. Gutter
- B. Right
- C. Left
- D. Landscape

Câu 74. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, thao tác Table→Merge Cells... có chức năng gì?

- A. Ghép nhiều bảng biểu thành một bảng biểu
- B. Tách một bảng biểu thành nhiều bảng biểu
- C. Ghép nhiều ô được chọn của một bảng biểu thành một ô
- D. Tách một ô được chọn của bảng biểu thành nhiều ô

Câu 75. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể tạo một file mới, ta thực hiện như thế nào?

- A. Insert→New...
- B. View→New...
- C. File→New...
- D. Edit→New...

Câu 76. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để xem văn bản trước khi in, ta thực hiện như thế nào?

- A. Edit→Print Preview
- B. Format→Print Preview
- C. View→Print Preview
- D. File→Print Preview

Câu 77. Khi soạn thảo trong Microsoft Word, muốn chọn một từ, ta thực hiện như thế nào?

- A. Nháy đúp chuột vào từ cần chọn
- B. Bấm tổ hợp phím Ctrl+A
- C. Nháy chuột vào từ cần chọn
- D. Bấm phím Enter

Câu 78. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để có thể chọn màu chữ và kiểu chữ cho vùng văn bản đã chọn, ta thực hiện như thế nào?

- A. Format→Font...
- B. Format→Paragraph...
- C. Format→Drop Caps...
- D. Format→Change Case...

Câu 79. Khi soạn thảo trong Microsoft Word, để chọn vùng văn bản từ vị trí con trỏ đến cuối một đoạn văn, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Shift + End
- B. Shift + Alt + End
- C. Ctrl + Alt + End
- D. Ctrl + Shift + ↓

Câu 80. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, tổ hợp phím Ctrl + D có công dụng gì?

- A. Canh văn bản ở giữa 2 lề
- B. Mở hộp thoại Font

- C. In đậm văn bản được chọn
- D. Gạch chân văn bản được chọn

Câu 81. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, muốn di chuyển con trỏ từ ô hiện tại sang ô kế tiếp (về bên phải), ta nhấn phím nào?

- A. ESC
- B. Ctrl
- C. CapsLock
- D. Tab

Câu 82. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để chèn biểu đồ ta di chuyển con trỏ đến vị trí cần chèn, sau đó chọn:

- A. Insert→Picture→Chart
- B. Insert→Chart
- C. Insert→Clip Art
- D. Insert→Picture→Clip Art

Câu 83. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để tạo số thứ tự tự động trong bảng biểu, ta thực hiện các bước như thế nào?

- A. Ô đầu tiên, nhập số 1→kéo rê chuột kết hợp phím Ctrl đến hết ô
- B. Chọn các ô cần đánh số →Format→Bullet and Numbering→Numbered
- C. Chọn các ô cần đánh số→Insert→Bullet and Numbering
- D. Nhập số 1 và 2 vào hai ô đầu tiên→kéo rê chuột đến hết ô

Câu 84. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, muốn tắt đánh dấu chọn khối văn bản (tô đen), ta nhấn phím nào?

- A. Enter
- B. Space
- C. Tab
- D. Phím mũi tên di chuyển

Câu 85. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để dẫn khoảng cách giữa các dòng là 1.5 line, chọn thao tác nào để có thể giải quyết trường hợp trên:

- A. Nhấn Ctrl + 5 tại dòng đó
- B. Format→Font→Line spacing
- C. Cả A và B đều sai
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 86. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, để thay đổi đường viền cho bảng ta thực hiện như thế nào?

- A. Format→Bullets and Numbering
- B. Tools→Borders and Shading
- C. Format→Theme
- D. Format→Borders and Shading

Câu 87. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để thuận tiện hơn khi lựa chọn kích thước lề trái, lề phải,... ta nên khai báo đơn vị đo nào?

- A. Đơn vị đo bắt buộc là Inches
- B. Centimeters
- C. Đơn vị đo bắt buộc là Points
- D. Đơn vị đo bắt buộc là Picas

Câu 88. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để thay đổi đơn vị đo của thanh thước, ta thực hiện như thế nào?

- B. Format→Tabs
- C. Format→Object
- D. Tools→Options→General
- E. Tools→Options→View

Câu 89. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, để chọn một dòng trong bảng biểu, ta thực hiện như thế nào?

- A. Nhấn đúp chuột vào vị trí bất kỳ của bảng đó
- B. Nhấn chuột 3 lần vào một vị trí bất kỳ trong bảng
- C. Nhấn chuột vào phía ngoài bên trái của dòng đó
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 90. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, nếu kết thúc một trang và muốn sang trang mới ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Shift + Enter
- B. Enter
- C. Ctrl + Enter
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 91. Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, để thực hiện di chuyển một đoạn văn bản, ta thực hiện các bước như thế nào?

- A. Chọn đoạn văn bản → Copy → Paste vào vị trí mới
- B. Chọn đoạn văn bản → Cut → Paste vào vị trí mới
- C. Chọn đoạn văn bản → Rename → Paste vào vị trí mới
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 92. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, thao tác nhấn tổ hợp phím Shift + Enter có chức năng gì?

- A. Xuống hàng nhưng chưa kết thúc paragraph
- B. Nhập dữ liệu theo hàng dọc
- C. Xuống một trang màn hình
- D. Tất cả đều sai.

Câu 93. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, trong mục Format → Drop Cap, phần “Distance from text” dùng để xác định khoảng cách giữa

- A. Giữa ký tự Drop Cap với lề phải
- B. Giữa ký tự Drop Cap với lề trái
- C. Giữa ký tự Drop Cap với ký tự tiếp theo
- D. Giữa ký tự Drop Cap với toàn văn bản

Câu 94. Trong soạn thảo văn bản, Microsoft Word hỗ trợ sao lưu văn bản đang soạn thành các định dạng nào?

- A. *.doc, *.txt và *.exe
- B. *.doc, *.htm và *.zip

- C. *.doc, *.dot, *.htm, *.txt
- D. *.doc, *.avi, *.mpeg và *.dat

Câu 95. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, để lựa chọn toàn bộ một ô trong bảng, ta thực hiện như thế nào?

- A. Nhấn đúp chuột vào ô đó
- B. Nhấn chuột 3 lần vào ô đó
- C. Nhấn chuột ở bên trên ô đó
- D. Nhấn chuột ở vị trí góc trái dưới ô đó

Câu 96. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, để soạn thảo một công thức toán học phức tạp, ta thường sử dụng công cụ nào?

- A. Microsoft Equation
- B. Organization Art
- C. Organization Chart
- D. Word Art

Câu 97. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, tổ hợp phím Ctrl+Shift+= có chức năng gì?

- A. Bật hoặc tắt gạch dưới nét đôi
- B. Bật hoặc tắt chỉ số trên
- C. Bật hoặc tắt chỉ số dưới
- D. Trả về dạng mặc định

Câu 98. Trong Microsoft Word, có thể tạo được loại biểu đồ nào sau đây?

- A. Chỉ tạo được biểu đồ đường thẳng
- B. Biểu đồ đường thẳng, cột và biểu đồ hình tròn,..
- C. Hai loại là biểu đồ thẳng và biểu đồ hình cột
- D. Microsoft Word không có chức năng biểu đồ.

Câu 99. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để tô màu nền cho đoạn văn bản, chọn đoạn văn bản cần tạo màu nền, vào Format chọn bước nào tiếp theo?

- A. Chọn Font
- B. Chọn Style
- C. Chọn Borders and Shading→Shading
- D. Tất cả A, B, C đều sai

Câu 100. Khi đang mở một văn bản trong Microsoft Word, nhấn phím F12 cho phép thực hiện chức năng nào sau đây?

- A. Xuất hiện hộp thoại copy vào Clipboard Xuất hiện hộp thoại lưu tên mới
- B. Copy nội dung vào Clipboard
- C. Lưu lại nội dung của văn bản

Câu 101. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn đổi đơn vị đo của thước từ inches sang centimeters, ta thực hiện:

- A. View→Ruler→Change Measurement
- B. Tools→Options→General...
- C. Format→Ruler→Change Measurement
- D. Edit→Ruler→Change Measurement

Câu 102. Trong chương trình soạn thảo Microsoft Word, khi đặt mật khẩu bảo vệ cho văn bản để người khác không xem và không sửa được thì ta cần nhập tất cả bao nhiêu lần mật khẩu?

- E. Có 1 lần nhập
- F. Có 2 lần nhập
- G. Có 3 lần nhập
- H. Có 4 lần nhập

Câu 103. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để lặp lại thao tác trước đó nhấn phím nào sau đây?

- A. Phím F3
- B. Phím F4
- C. Tổ hợp phím Ctrl + F4
- D. Tổ hợp phím Shift + F4

Câu 104. Khi làm việc với bảng biểu trong Microsoft Word, để thay đổi hướng văn

bản trong bảng biểu, ta chọn 1 hay nhiều ô cần thay đổi hướng và sử dụng thao tác nào sau đây?

- A. Nhấn tổ hợp phím Alt + O + X
- B. Vào menu Table→Text Direction
- C. Nhấn tổ hợp phím Alt + O + D
- D. Nhấn tổ hợp phím Alt + A + T

Câu 105. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, chọn một hay nhiều đoạn văn bản, nhấn các tổ hợp phím Ctrl + 2 và Ctrl + Q thì kết quả sẽ là:

- A. Tạo khoảng cách giãn dòng đơn giữa các đoạn
- B. Tạo khoảng cách giãn dòng đôi giữa các đoạn
- C. Tạo khoảng cách giãn dòng 1,5 giữa các đoạn
- D. Không có thay đổi gì về giãn dòng giữa các đoạn

Câu 106. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, nhấn tổ hợp phím Ctrl+T để:

- A. Đoạn văn bản không thay đổi
- B. Lùi những dòng không phải là dòng đầu của đoạn văn bản vào 1 tab
- C. Lùi đoạn văn bản vào 1 tab
- D. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 107. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để tăng cỡ chữ của đoạn văn bản đã chọn lên 2 cỡ chữ, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl +]
- B. Ctrl + [
- C. Ctrl + Shift + >
- D. Ctrl + Shift + <

Câu 108. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn xem nội dung trước khi in (Preview), ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + F2
- B. Ctrl + F12

C. Ctrl + F10

D. Ctrl + PrintScreen

Câu 109. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn định dạng khoảng cách giữa các đoạn trong văn bản ta cần thực hiện:

A. Format→Bullets and Numbering→Bulleted

B. Format→Paragraph→Indents and spacing

C. Insert→Paragraph→Indents and spacing

D. Format→Bullets and Numbering→Numbered

Câu 110. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để chia đoạn văn bản sau khi đã chọn thành hai cột ta thực hiện như thế nào?

A. Insert→Columns

B. Format→Columns

C. Tools→Columns

D. Table→Columns

Câu 111. Trong cửa sổ soạn thảo văn bản Microsoft Word, để bật/tắt sự hiển thị của các thanh công cụ (Standard, Formatting, Drawing,...) trên màn hình, ta thực hiện:

A. Edit→Toolbars→chọn thanh công cụ cần bật/tắt

B. View→Toolbars→chọn thanh công cụ cần bật/tắt

C. Insert→Toolbars→chọn thanh công cụ cần bật/tắt

D. Tools→Toolbars→chọn thanh công cụ cần bật/tắt

Câu 112. Khi chọn bộ gõ theo bảng mã Unicode, kiểu gõ Telex thì phông chữ phải sử dụng để gõ đúng tiếng Việt trong chương trình soạn thảo văn bản Microsoft là:

A. Times New Roman

B. VNI

C. Vntime

D. VNI-WIN

Câu 113. Trong chương trình soạn thảo Microsoft Word, nhấn tổ hợp phím Ctrl +


F10 cho phép thực hiện thao tác nào sau đây?

Xuất hiện hộp thoại lưu văn bản

- A. Đóng cửa sổ văn bản
- B. Phóng to, thu nhỏ cửa sổ văn bản
- C. Mở mới cửa sổ văn bản

Câu 114. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn căn lề đều hai bên của một đoạn văn bản ta dùng tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Ctrl + H
- B. Ctrl + L+R
- C. Ctrl + J
- D. Alt + Shift + J

Câu 115. Trong chương trình soạn thảo văn bản Microsoft Word, chức năng của nút  trên thanh công cụ chuẩn (Standard) dùng để:

- A. Tô nền cho đoạn văn bản được chọn
- B. Tô nền cho toàn bộ văn bản
- C. Xóa văn bản
- D. Sao chép định dạng văn bản

Câu 116. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, chọn đoạn văn bản và nhấn tổ hợp phím Ctrl-I thì:

- A. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ có gạch chân
- B. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ in đậm
- C. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ nghiêng
- D. Đoạn văn bản được canh đều về 2 bên

Câu 117. Chức năng nào dưới đây không thể thực hiện được trong chương trình soạn thảo văn bản Microsoft Word?

- A. Vẽ bảng biểu trong văn bản
- B. Chèn ảnh vào trang văn bản
- C. Sao chép một đoạn văn bản và thực hiện dán nhiều lần để tạo ra nhiều đoạn

văn bản mà không phải nhập lại

D. Kiểm tra lỗi chính tả tiếng Việt

Câu 118. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Microsoft Word giúp bạn có thể dễ dàng tạo một văn bản mới, chỉnh sửa và lưu trữ trong máy tính

B. Microsoft Word được tích hợp sẵn vào hệ điều hành Microsoft Windows nên bạn không cần phải cài đặt bổ sung phần mềm này

C. Microsoft Word nằm trong bộ cài đặt MS Office của hãng Microsoft

D. Microsoft Word hỗ trợ chức năng kiểm tra ngữ pháp và chính tả tiếng Anh

Câu 119. Với công việc nào sau đây bạn cần phải mở thực đơn menu “Format” trong khi soạn thảo văn bản Microsoft Word?

A. Khi muốn ghi lưu tệp văn bản vào ổ đĩa

B. Khi muốn tạo một bảng (table) mới

C. Khi muốn đổi phong chữ

D. Khi muốn cài đặt máy in

Câu 120. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, nhấn tổ hợp phím Ctrl + V để:

A. Cắt một đoạn văn bản

B. Dán một đoạn văn bản từ Clipboard

C. Sao chép một đoạn văn bản

D. Đánh dấu một đoạn văn bản

Câu 121. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, dưới chân những ký tự đang gõ xuất hiện các dấu xanh, đỏ là:

A. Dấu xanh là biểu hiện của vấn đề chính tả, dấu đỏ là biểu hiện của vấn đề ngữ pháp

B. Dấu xanh là do dùng sai từ tiếng Anh, dấu đỏ là do dùng sai quy tắc ngữ pháp

C. Dấu xanh là do gõ sai quy tắc ngữ pháp, dấu đỏ là do gõ sai từ tiếng Anh

D. Dấu xanh đỏ là do máy tính bị virus

Câu 122. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, nhấn tổ hợp phím Ctrl + U để:

- A. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ có gạch chân
- B. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ in đậm
- C. Đoạn văn bản đó được định dạng theo chữ nghiêng
- D. Đoạn văn bản đó được định dạng canh giữa

Câu 123. Muốn biết mình đang sử dụng chương trình soạn thảo văn bản Microsoft Word phiên bản nào, bạn sẽ

- A. Nhấn Help, chọn About Microsoft Office Word
- B. Nhấn Tools, chọn Options
- C. Nhấn Help, chọn Microsoft Office Word Help
- D. Nhấn File, chọn Properties

Câu 124. Trong soạn thảo văn bản Microsoft Word để chèn tiêu đề trang (Header and Footer), ta phải vào thực đơn menu nào?

- A. File
- B. Edit
- C. View
- D. Tools

Câu 125. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, nhấn tổ hợp phím Ctrl + X sử dụng cho chức năng nào?

- A. Cut
- B. Copy
- C. Paste
- D. Move

Câu 126. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, muốn mở một cửa sổ soạn thảo mới nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + N
- B. Ctrl + O

C. Ctrl + R

D. Ctrl + A

Câu 127. Khi đang soạn thảo văn bản trong Microsoft Word, để dẫn khoảng cách giữa các dòng là 1.5 line nhấn tổ hợp phím nào?

A. Nhấn tổ hợp phím “Ctrl” và “1.5” tại dòng đó

B. Nhấn tổ hợp phím “Ctrl” và “0.5” tại dòng đó

C. Nhấn tổ hợp phím “Ctrl” và “5” tại dòng đó

D. Cả ba cách A, B và C đều sai

Câu 128. Đang soạn văn bản, gõ bằng bộ gõ Unicode, nhưng các chữ cái tự động cách nhau một ký tự trắng. Để giải quyết trường hợp trên, ta chọn chức năng nào trên thanh menu?

A. Tools→chọn Options

B. Format→chọn Font

C. Edit→chọn Office Clipboard

D. View→chọn Markup

❖ MODULE IƯ4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

Câu 1. Để có thể kết hợp chọn nhiều vùng cùng lúc trên Microsoft Excel ta nhấn phím nào trong khi chọn?

- A. Alt
- B. Shift
- C. Ctrl
- D. Esc

Câu 2. Trong Microsoft Excel khi cần hiệu chỉnh dữ liệu trong ô đang chọn ta có thể nhấn phím nào?

- A. ESC
- B. Enter
- C. F2
- D. Delete

Câu 3. Trong Microsoft Excel, thao tác nhập chọn ô A2, giữ phím Shift và nhấp tiếp vào ô D7 có ý nghĩa gì?

- A. Bôi đen vùng A2:D7
- B. Bôi đen 2 ô A2 và D7
- C. Sao chép dữ liệu từ ô A2 sang ô D7
- D. Di chuyển dữ liệu từ ô A2 sang ô D7

Câu 4. Trong Microsoft Excel, sau khi nhập dữ liệu cho một ô, để chuyển con trỏ sang ô bên phải thì nhấn phím?

- A. Delete
- B. Enter
- C. Tab
- D. ESC

Câu 5. Trong Microsoft Excel, công thức nào sau đây sẽ cho lỗi #VALUE?

- A. =COUNTA("A";13;4)
- B. =MAX("A";13;4)

C. =COUNTIF(D7:D18;"A")

D. =COUNTA("A";13;4)

Câu 6. Trong Microsoft Excel , giả sử giá trị ĐƠN GIÁ nằm tại ô A3 của Sheet1, giá trị của cột SỐ LƯỢNG nằm tại ô F3 của Sheet2. Để tính giá trị THÀNH TIỀN theo công thức = SỐ LƯỢNG * ĐƠN GIÁ vào ô H3 của Sheet2 thì ta lập công thức như thế nào?

A. Sheet1!A3*F3

B. Sheet1!A3*Sheet1!F3

C. A3*F3

D. A3*Sheet2!F3

Câu 7. Trong Microsoft Excel, ô F8 có chứa nội dung "06KT5A0012". Để lấy ra từ nội dung trong ô F8 chữ "KT5A" ta sử dụng công thức nào?

A. RIGHT(F8;4)

B. MID(F8;4;2)

C. MID(F8;3;4)

D. LEFT(F8;6)

Câu 8. Trong Microsoft Excel, để xóa dữ liệu trong các ô đang chọn thì ta dùng cách nào?

A. Tại thẻ Home, nhấn nút Delete trong nhóm Cells

B. Nhấn phải chuột và chọn lệnh Clear contents

C. Nhấn chuột phía lên vùng đang chọn, chọn lệnh Delete

D. Nhấn phím BackSpace

Câu 9. Trong Microsoft Excel, để chọn toàn bộ nội dung thì nhấn tổ hợp phím nào?

A. Ctrl -Alt - A

B. Shift - A

C. Ctrl - A

D. Shift - Ctrl - A

Câu 10. Trong Microsoft Excel, khi dữ liệu trên một ô chuyển thành dãy các ký hiệu dấu ##### cho ta biết điều gì?

A. Tên hàm trong công thức bị sai

B. Xảy ra lỗi khi tham chiếu dữ liệu

- C. Độ rộng của một cột không đủ rộng để hiển thị
- D. Địa chỉ tham chiếu không có thực

Câu 11. Trong Microsoft Excel, giả sử vùng giá trị B4 đến B20 chứa cột Họ và tên sinh viên. Với yêu cầu bài toán “Tính tổng số lượng sinh viên trong danh sách” thì công thức như thế nào?

- A. =COUNTA(B4:B20)
- B. =COUNT(B4:B20)
- C. =SUM(B4:B20)
- D. Tất cả đều sai

Câu 12. Trong Microsoft Excel, thành phần thứ 3 trong hàm VLOOKUP là gì?

- A. Bảng dò
- B. Bảng trị dò
- C. Cột tham chiếu để lấy kết quả
- D. Dòng tham chiếu để lấy kết quả

Câu 13. Khi nhập giá trị ngày 21/08/2009 trong Microsoft Excel không tự động canh phải nội dung thì trường hợp này như thế nào?

- A. Máy tính thiết lập cách nhập ngày theo kiểu tháng/ngày/năm
- B. Tự động canh trái vì nó là kiểu số
- C. Đây là một giá trị ngày không hợp lệ
- D. Sử dụng sai ký hiệu phân cách ngày tháng

Câu 14. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Trong Microsoft Excel, để lập trình công thức tính toán thì phải bắt buộc nhập dấu = ở đầu.
- B. Tất cả các hàm trong Microsoft Excel đều có đối số
- C. Các tham số trong hàm được phân cách nhau bằng dấu phẩy hoặc dấu chấm phẩy tùy theo cách thiết lập
- D. Trong một công thức có thể sử dụng nhiều hàm

Câu 15. Trong Microsoft Excel, hàm nào sau đây được dùng để tính tổng các giá trị trong một vùng nào đó khi các giá trị trong một vùng tương ứng thỏa mãn điều kiện.

- A. COUNT
- B. SUM
- C. SUMIF
- D. COUNTIF

Câu 16. Trong Microsoft Excel, công thức LEFT(A3;3) cho ra kết quả là gì, biết rằng ô A3 chứa nội dung “Tin HỌC”?

- A. “Tin học”
- B. “TIN”
- C. “HỌC”
- D. Tất cả đều sai

Câu 17. Trong Microsoft Excel, những công thức nào sau đây cho kết quả là giá trị TRUE?

- A. =OR(3+2=6;5>3^2)
- B. =IF(6>5;FALSE;TRUE)
- C. =AND(MOD(4;2)=0;5>=3)
- D. Cả 3 công thức trên đều có giá trị TRUE

Câu 18. Trong Microsoft Excel, để đóng (tắt) bảng tính (workbook) đang mở, hãy cho biết cách nào trong các cách dưới đây không đáp ứng điều này?

- A. Vào thực đơn File, chọn Close
- B. Vào thực đơn File, chọn Exit
- C. Vào thực đơn File, chọn Quit
- D. Nhấn chuột vào biểu tượng đóng (X) ở góc phải trên cửa sổ

Câu 19. Chọn một hàng trong Microsoft Excel, lệnh nào trong số các lệnh sau cho phép chèn thêm một hàng vào vị trí phía trên hàng đang chọn:

- A. Vào thực đơn Insert, chọn Rows
- B. Vào thực đơn Insert, chọn Cells
- C. Vào thực đơn Insert, chọn Columns
- D. Vào thực đơn Insert, chọn Object

Câu 20. Nếu thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên, thí sinh đó được xếp loại Đạt, ngược

lại nếu dưới 5 điểm thì xếp loại không đạt. Theo bạn công thức nào dưới đây thể hiện đúng điều này (Giả sử ô G6 đang chứa điểm thi):

- A. =IF(G6>=5,“Đạt”) ELSE(“Không đạt”)
- B. =IF(G6<5,“Không đạt”,“Đạt”)
- C. = IF(G6=<5,“Đạt”,“Không đạt”)
- D. =IF(G6=>5,“Đạt”,“Không đạt”)

Câu 21. Trong Microsoft Excel, công thức nào dưới đây là đúng?

- A. =SUM(A1);SUM(A7)
- B. =SUM(A1):SUM(A7)
- C. = SUM(A1-A7)
- D. =SUM(A1:A7)

Câu 22. Trong Microsoft Excel, muốn tính trung bình của hàng hay cột, bạn sử dụng hàm nào trong số các hàm dưới đây?

- A. Hàm SUM(TOTAL)/TOTAL()
- B. Hàm TOAL(SUM)/SUM()
- C. Hàm Medium()
- D. Hàm Average()

Câu 23. Trong Microsoft Excel hỗ trợ vẽ những kiểu biểu đồ nào?

- A. Column, Bar, Pie, Line
- B. XY, Radar
- C. B&W Column
- D. Tất cả các kiểu biểu đồ trên

Câu 24. Trong Microsoft Excel,, để thực hiện công việc ghi lưu nội dung của bảng tính vào máy tính, bạn sử dụng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl - O
- B. Ctrl - A
- C. Ctrl - S
- D. Shift - S

Câu 25. Trong Microsoft Excel, địa chỉ B\$3 là địa chỉ:

- A. Tương đối

- B. Tuyệt đối
- C. Hỗn hợp
- D. Biểu diễn sai

Câu 26. Trong Microsoft Excel, để lưu một số bảng tính đang mở dưới một tên khác, vào File chọn lệnh:

- A. Open
- B. Save
- C. Saveas
- D. Send To

Câu 27. Microsoft Excel đưa ra bao nhiêu loại phép toán chính:

- A. 3 loại
- B. 4 loại
- C. 5 loại
- D. Tất cả đều sai

Câu 28. Khi gõ công thức xong nhấn Enter Microsoft Excel sẽ hiện ra #N/A có nghĩa là:

- E. Không tìm thấy tên hàm
- F. Giá trị tham chiếu không tồn tại
- G. Không tham chiếu đến được
- H. Tập hợp rỗng

Câu 29. Khi gõ công thức xong nhấn Enter Microsoft Excel sẽ hiện ra #REF! có nghĩa là:

- A. Không tìm thấy tên hàm
- B. Giá trị tham chiếu không tồn tại
- C. Không tham chiếu đến được
- D. Tập hợp rỗng.

Câu 30. Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, để có thể cuộn chữ thành nhiều dòng trong ô, ta dùng:

- A. Format Cells, chọn Wrap Text
- B. Format Cells, Chọn Shrink to fit
- C. Format Cells, chọn Orientation
- D. Alt + Enter

Câu 39: Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, kết quả của công thức sau: =INT (SORT (-4)) là :

- A. 2
- B. -2
- C. -4
- D. Tất cả đều sai

Câu 31. Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, khi ta nhập công thức sau: =COUNT(C31:C35) và COUNTA(C31:C35) kết quả là:

- A. 4 và 5
- B. 5 và 5
- C. 5 và 4
- D. Báo lỗi vì công thức sai

Câu 32. Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, khi ta nhập công thức sau: =SUMF(D31:D35, >= 50000, C31:C35), kết quả là:

- A. 17
- B. 25
- C. 13
- D. Báo lỗi vì công thức sai

Câu 33. Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, khi ta nhập công thức sau: =LEN(TRIM("ABCDEF")) kết quả là:

- A. 9
- B. 7
- C. 6
- D. 0

Câu 34. Trong chương trình bảng tính Microsoft Excel, để tính tuổi của một người sinh ngày 24/11/1983 biết ngày sinh name ở ô A2, ta sẽ gõ công thức:

- A. = YEAR(TIMEVALUE(A2))
- B. = YEAR(DAY0) - YEAR(A2)
- C. = YEAR(TODAY0) YEAR(A2)
- D. = YEAR(TODAY0)- YEAR(A2) +1

Câu 35. Trong Microsoft Excel khi chọn mục Edit/Paste Special chỉ mục Comments dùng để:

- A. Chép định dạng
- B. Chép giá trị trong ô
- C. Chép bề rộng ô
- D. Chép ghi chú

Câu 36. Trong Microsoft Excel chức năng Data/Consolidate, Reference dùng để xác định dữ liệu dùng để thống kê thông qua địa chỉ của nó, field đầu tiên của phạm vi này phải là:

- A. Là field mà ta dùng để phân nhóm thống kê.
- B. Là field mà ta cần tính
- C. Là field có chứa dữ liệu kết hợp
- D. Là field có phạm vi dữ liệu

Câu 37. Trong Microsoft Excel trước khi tạo bảng Pivot Table, ta phải kiểm tra lại xem bảng tính đã:

- A. Đã sort theo thứ tự chưa
- B. Đã có vùng tổng hợp chưa
- C. Đã là tiêu chuẩn của cơ sở dữ liệu chưa
- D. Không cần gì thêm

Câu 38. Trong Microsoft Excel, Auto Filter không thực hiện được điều gì sau đây:

- A. Trích theo tên bắt đầu
- B. Trích theo kiểu And giữa các kiểu logic
- C. Theo các mẫu tin của cơ sở dữ liệu
- D. Theo mệnh đề Or giữa các fieldname

Câu 39. Trong Microsoft Excel một hàm có thể chứa tối đa bao nhiêu đối số:

- A. 15
- B. 30
- C. 45
- D. 50

Câu 40. Trong khi làm việc với Microsoft Excel, muốn di chuyển con trỏ ô về ô A1, ta bấm tổ hợp phím:

- A. Shift + Home
- B. Tab + Home
- C. Ctrl + Home
- D. Alt + Home

Câu 41. Trong Microsoft Excel, nếu trong một ô tính có các kí hiệu #####, điều đó có nghĩa là:

- A. Ô đó có dữ liệu kiểu số nhưng được định dạng kiểu ký tự.
- B. Ô đó có dữ liệu vừa kiểu số vừa kiểu ký tự.
- C. Công thức nhập sai và Excel thông báo lỗi.
- D. Độ rộng của cột chứa ô đó quá hẹp nên không hiển thị hết chữ số.

Câu 42. Trong Microsoft Excel, giả sử tại ô D2 có công thức =B2*C2/100. Nếu sao chép công thức đến ô G6, ta sẽ có công thức sau đây?

- A. =E7*F7/100
- B. =E6*F6/100
- C. =B6*C6/100
- D. =E2*C2/100

Câu 43. Trong Microsoft Excel, giả sử tại ô A2 có sẵn giá trị số 0; tại ô B2 có sẵn giá trị số 2013; tại ô C2 ta nhập công thức = B2/A2. Có kết quả nào sau đây?

- A. 2013
- B. #####
- C. #VALUE!
- D. #DIV/0!

Câu 44. Trong Microsoft Excel, công thức nào dưới đây là sai:

- A. =MOD(5,8)
- B. =INT(5,8)

C. =AVERAGE(5,8,9)

D. =MIN(5,8,9)

Câu 45. Trong Microsoft Excel, địa chỉ nào là địa chỉ tuyệt đối:

A. B\$1:D\$10

B. \$B1:\$D10

C. \$B1:D\$10

D. \$B\$1:\$D\$10

Câu 58: Trong Microsoft Excel, công thức nào sau đây là đúng:

A. =IF(5<>8,"Khac","Bang")

B. =IF(5><8,"Khac","Bang")

C. =IF(5!8,"Khac","Bang")

D. =IF(5#8,"Khac","Bang")

Câu 46. Trong Microsoft Excel, giả sử tại ô A1 có sẵn giá trị số 2; tại ô B1 có sẵn giá trị số 5; tại ô C1 có sẵn giá trị số 2; tại ô D1 ta nhập công thức:

=IF(B1^2-4*A1*C1>0,"có 2 nghiệm",if(B1^2-4*A1*C1=0,"có 1 nghiệm","vô nghiệm")) kết quả là:

A. #VALUE!

B. Có 2 nghiệm

C. Có 1 nghiệm

D. Vô nghiệm

Câu 47. Trong Microsoft Excel, giả sử tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi "Tin hoc"; tại ô B2 có sẵn giá trị số 2013; tại ô C2 ta nhập công thức = A2 + B2. kết quả nào sau đây?

A. #VALUE!

B. Tin hoc + 2013

C. #####

D. Tin hoc2013

Câu 48. Trong Microsoft Excel, nếu nhập sai tên hàm trong công thức, Excel sẽ thông báo lỗi nào?

A. #N/A!

B. #VALUE!

C. #DIV/0!

D. #NAME!

Câu 49. Trong Microsoft Excel, muốn tính trung bình cộng của một dãy số, ta sử dụng hàm có tên là:

A. Sum()

B. Average()

C. Max()

D. Sqrt()

Câu 50. Trong Microsoft Excel, để có thể lọc dữ liệu của một vùng ô đã được chọn, ta thực hiện:

A. Data→Form...

B. Format→Form...

C. Data→Filter

D. Format→Filter

Câu 51. Trong Microsoft Excel, giả sử ta nhập vào ô A1 công thức:

=DAY("30/02/2013") kết quả là:

A. 30

B. 2013

C. 2

D. #Value!

Câu 52. Trong Microsoft Excel, để có thể sắp xếp cho vùng dữ liệu đã được chọn, ta thực hiện:

A. Data→Filter

B. Data→Sort...

C. Data→Form...

D. Data→Table...

Câu 53. Trong Microsoft Excel, muốn chèn thêm Sheet mới vào bảng tính đang mở, ta thực hiện:

- A. View→Worksheet
- B. Insert→Worksheet
- C. Format→Worksheet
- D. Edit→Worksheet

Câu 54. Trong Microsoft Excel giả sử trong ô A1, ta nhập công thức =Sum(4,6,-2,9,s). kết quả là:

- A. 5
- B. 17
- C. #Name?
- D. #Value!

Câu 55. Trong Microsoft Excel giả sử trong ô A1 có sẵn giá trị 5, tại ô A2 ta nhập công thức: =If(Sqrt(A1)>2,A1/2,A1*2) kết quả là:

- A. 10
- B. 5
- C. 2.5
- D. 20

Câu 56. Phát biểu nào sau đây là sai? Trong MicrosoftExcel, bạn có thể cho dòng chữ trong một ô hiển thị theo kiểu:

- A. Theo chiều nằm ngang
- B. Theo chiều thẳng đứng
- C. Theo chiều nghiêng
- D. Cả ba kiểu trên đều sai

Câu 57. Tại địa chỉ A1 chứa giá trị ngày tháng năm sinh là 15/10/1981, công thức nào sau đây cho kết quả là số tuổi?

- A. 2012-A1
- B. Now()-A1
- C. Today()-A1
- D. Year(Today())-YEAR(A1)

Câu 58. Trong cửa sổ bảng tính của Microsoft Excel, để đặt tiêu đề đầu và cuối trang (Header and Footer) cho bảng tính, ta chọn:

- A. View→Header and Footer
- B. Format→Header and Footer
- C. Edit→Header and Footer
- D. Table→Header and Footer

Câu 59. Trong Microsoft Excel khi nhập công thức =SUMIIF(C8:C11,C9) để tính toán, chương trình thông báo lỗi?

- A. #NAME!
- B. #VALUE!
- C. #N/A!
- D. #DIV/0!

Câu 60. Trong Microsoft Excel cho biết kết quả khi thực hiện công thức:

=ABS(-4)+1-SQRT(16) là:

- A. 9
- B. 11
- C. 1
- D. 10

Câu 61. Trong Microsoft Excel nhập vào ô C1 nội dung là 4, công thức

=IF(C1="4",True,False) sẽ cho kết quả:

- A. False
- B. True
- C. "4"
- D. #VALUE

Câu 62. Trong Microsoft Excel hàm nào sau đây cho phép chuyển đổi một chuỗi ký tự từ dạng chữ in hoa sang chữ thường:

- A. LEN
- B. UPPER
- C. PROPER
- D. LOWER

Câu 63. Trong Microsoft Excel biểu thức sau trả lại kết quả là bao nhiêu?

=ROUND(1257.879,1)

- A. 1260
- B. 1257.8
- C. 1260.0
- D. 1257.9

Câu 64. Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số không (0); Tại ô B2 gõ vào công thức =5/A2 thì nhận được kết quả:

- A. #DIV/0!
- B. 5
- C. #VALUE!
- D. 0

Câu 65. Trong bảng tính Excel, giả sử tại ô B5 ta có công thức:

= "DH," & MIN(2,5), kết quả trả về tại ô B5 là:

- A. FALSE
- B. DH,
- C. DH,2
- D. DH,5

Câu 66. Biểu thức sau trả lại kết quả là bao nhiêu? =Max(2,3,7,9,e)

- A. 2
- B. 9
- C. #VALUE!
- D. #NAME?

Câu 67. Biểu thức sau trả lại kết quả là bao nhiêu? =AND(7>5, 7<10, 5<4)

- A. FALSE
- B. TRUE
- C. #NAME?

D. #VALUE!

Câu 68. Biểu thức sau trả lại kết quả là bao nhiêu? =OR(7>5, 6>7, 4>5)

A. FALSE

B. TRUE

C. #NAME?

D. #VALUE!

Câu 69. Trong bảng tính Excel, để lọc dữ liệu tự động, sau khi chọn khối cần lọc, ta thực hiện:

A. Format => Filter => AutoFilter

B. Insert => Filter => AutoFilter

C. Data => Filter => AutoFilter

D. View => Filter => AutoFilter

Câu 70. Sau khi thực hiện lệnh sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần, thứ tự sắp xếp nào sau đây là đúng?

A. A010 - A100 - A011

B. A100 - A010 - A011

C. A010 - A011 - A100

D. A011 - A010 - A100

Câu 71. Trong Microsoft Excel khi nhập công thức:

=If(DTB>=5,"TB",If(DTB>=6.5,"Kha",If(DTB>= 8,"Gioi","Yeu))), biết DTB=9 kết quả là:

A. Gioi

B. Kha

C. Yeu

D. TB

Câu 72. Trong Microsoft Excel khi nhập công thức:=DAY("30/02/2002") cho kết quả nào sau đây?

A. 30

- B. 2002
- C. #VALUE!
- D. 2

Câu 73. Trong Microsoft Excel muốn chuyển đổi giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối trong công thức, ta sử dụng phím chức năng:

- A. F2
- B. F4
- C. F6
- D. F8

Câu 74. Trong Microsoft Excel, khi đang nhập liệu trong ô (Cell), phím tắt nào sau đây sẽ giúp bạn xuống một dòng ngay trong cùng một ô (1 Cell)?

- A. Alt+Enter
- B. Ctrl+Enter
- C. Shift+Alt
- D. Shift+Enter

Câu 75. Thao tác nào cho phép hiển thị các chức năng thay đổi cỡ chữ, dạng chữ, in đậm, in nghiêng, kiểu chữ... trong Microsoft Excel:

- A. Vào thực đơn Tools →Options→Font.
- B. Vào thực đơn File→Properties→Font.
- C. Vào thực đơn Format→Cells→Font.
- D. Vào thực đơn Table→Cells→Font.

Câu 76. Địa chỉ ô như thế nào sau đây là đúng trong MicrosoftExcel?

- A. 1A
- B. AA1
- C. \$1\$A
- D. Cả ba địa chỉ trên đều đúng

Câu 77. Để lựa chọn các vùng không liền kề nhau trong bảng tính, cần sử dụng chuột kết hợp với phím nào?

- A. Ctrl
- B. Shift

C. Alt

D. Tab

Câu 78. Trong Microsoft Excel, muốn kẻ khung và tô nền cho các ô trong bảng tính Excel, ta chọn các ô này và thực hiện lệnh:

A. Format → Borders and Shading

B. Insert → Cells → Border/Patterns

C. Format → Cells → Borders/Patterns

D. Sheet → Cells → Border/Patterns

Câu 79. Trong Microsoft Excel muốn cố định hàng hay cột khi cuộn trang ta thực hiện:

A. Tools → Freeze Panes

B. Windows → Freeze Panes

C. Format → Freeze Panes

D. Insert → Freeze Panes

Câu 80. Trong Microsoft Excel nhấn tổ hợp phím nào sau đây để thực hiện công việc ghi lưu nội dung của bảng tính vào máy tính?

A. Ctrl + A

B. Ctrl + S

C. Shift + A

D. Shift + S

Câu 81. Trong Microsoft Excel nhấn tổ hợp phím nào sau đây để thực hiện công việc mở nội dung của file trên máy tính?

A. Ctrl + A

B. Ctrl + B

C. Ctrl + C

D. Ctrl + O

Câu 82. Trong Microsoft Excel, hàm ROUND dùng để:

A. Làm tròn số

B. Tính tổng

C. Tìm giá trị nhỏ nhất

D. D.Tính giá trị trung bình

Câu 83. Một công thức trong Microsoft Excel luôn bắt đầu bằng dấu

A. ?

B. ~

C. =

D. #

Câu 84. Trong Microsoft Excel để chọn toàn bộ các ô trên bảng tính bằng tổ hợp phím nào?

A. Ctrl + Shift + A

B. Ctrl + Alt + Enter

C. Ctrl + Space

D. Ctrl + A

Câu 85. Nếu thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên, thí sinh đó được xếp loại Đạt, ngược lại nếu dưới 5 điểm, thì xếp loại Không đạt. Công thức nào dưới đây thể hiện đúng điều này ? (Giả sử ô G6 đang chứa điểm thi)

A.=IF(G6>5,"Đạt") ELSE ("Không đạt")

B. =IF(G6<5,"Không đạt","Đạt")

C.=IF(G6=<5,"Đạt", "Không đạt")

D.=IF(G6>=5,"Đạt","Không Đạt")

Câu 86. Trong Microsoft Excel sử dụng hàm nào trong số các hàm dưới đây khi muốn tính trung bình cho dòng hay cột?

A. SUM(TOTAL)/TOTAL()

B. TOTAL(SUM)/SUM()

C. Medium()

D. Average()

Câu 87. Trong Microsoft Excel công thức nào dưới đây là đúng?

A.=SUM(A1);SUM(A7)

B. =SUM(A1):SUM(A7)

C.=SUM(A1-A7)

D. SUM(A1:A7)

Câu 88. Một trong những thuật ngữ sau không phải dùng để chỉ một thành phần của Microsoft Excel?

- A. Workbook
- B. Worksheet
- C. Workdocument
- D. Workspace

Câu 89. Trong Microsoft Excel Để đóng (tắt) bảng tính (workbook) đang mở, cho biết cách nào dưới đây không đáp ứng được điều này?

- A. File/ Close
- B. File/ Exit
- C. File/ Quit
- D. Nhấn chuột vào biểu tượng đóng (X) ở góc phải trên của cửa sổ

Câu 90. Trong Microsoft Excel, giao của một hàng và một cột được gọi là?

- A. Dữ liệu
- B. Ô
- C. Trường
- D. Công thức

Câu 91. Trong Microsoft Excel, để sửa dữ liệu trong một ô tính mà không cần nhập lại, thực hiện lệnh nào sau đây?

- A. Nháy chuột chọn ô tính cần sửa, nhấn phím F2
- B. Nháy chuột chọn ô tính cần sửa, nhấn phím F4
- C. Nháy chuột chọn ô tính cần sửa, nhấn phím F10
- D. Nháy chuột chọn ô tính cần sửa, nhấn phím F12

Câu 92. Các kiểu dữ liệu thông dụng của Microsoft Excel là:

- A. Kiểu chuỗi, kiểu văn bản, kiểu ngày tháng
- B. Kiểu chuỗi, kiểu số, kiểu logic, kiểu ngày tháng, kiểu công thức
- C. Kiểu số, kiểu logic, kiểu ngày tháng
- D. Kiểu công thức, kiểu hàm, kiểu số, kiểu ngày tháng

Câu 93. Trong Microsoft Excel, hộp thoại Chart Wizard cho phép xác định các thông tin nào sau đây cho biểu đồ?

- A. Tiêu đề
- B. Có đường lưới hay không
- C. Chú giải cho các trục
- D. Cả 3 câu đều đúng

Câu 94. Để ẩn một cột bất kỳ trên bảng tính Microsoft Excel ta chọn cột cần ẩn sau đó?

- A. Kích chuột phải lên cột chọn làm ẩn, nhấn Hide
- B. Vào Format/Column, chọn Hide
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 95. Câu nào sau đây sai? Khi nhập dữ liệu vào bảng tính trong Microsoft Excel:

- A. Dữ liệu kiểu số sẽ mặc nhiên căn thẳng lề trái
- B. Dữ liệu kiểu ký tự sẽ mặc nhiên căn thẳng lề trái
- C. Dữ liệu kiểu thời gian sẽ mặc nhiên căn thẳng lề phải
- D. Dữ liệu kiểu ngày tháng sẽ mặc nhiên căn thẳng lề phải

Câu 96. Trong Microsoft Excel biểu thức =Sum(9,1,Max(3,5,7)) sẽ cho kết quả là bao nhiêu?

- A. 13
- B. 15
- C. 17
- D. 19

Câu 97. Trong Microsoft Excel biểu thức =Mid("A123B",3,2) sẽ cho kết quả là bao nhiêu?

- A. A1
- B. 23

C. 3B

D. A123B

Câu 98. Trong Microsoft Excel hàm dùng để chuyển chuỗi số sang số là hàm nào trong các hàm sau?

A. Left (chuỗi, n)

B. Right (chuỗi, n)

C. Mid (chuỗi, m, n)

D. Value (số)

Câu 99. Thuật ngữ nào dưới đây không phải dùng để chỉ một thành phần của Excel?

A. WorkSpace

B. WorkBook

C. WorkSheet

D. WorkDocument

Câu 100. Trong Excel, bạn có thể cho dòng chữ trong một ô hiển thị theo kiểu gì

A. Theo chiều nghiêng

B. Theo chiều nằm ngang

C. Theo chiều thẳng đứng

D. Cả 3 kiểu trên

❖ MODULE IUS: SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Câu 1. Trong Microsoft Powerpoint, dạng nào sau đây dùng để xem một slide duy nhất?

- A. Normal view
- B. Slide show
- C. Outline view
- D. Slide view

Câu 2. Trong Microsoft Powerpoint bạn có thể đổi màu nền của các slide theo cách nào sau đây?

- A. Chọn Format→Background
- B. Nhấp vào nút Fill color trên thanh Drawing
- C. Chọn Format/Slide design
- D. Chọn Format/Objects

Câu 3. Phần mở rộng của Microsoft Powerpoint là gì?

- A. PPP
- B. PPF
- C. POP
- D. POW

Câu 4. Trong Microsoft Powerpoint các slide của presentation có thể được xem dưới mấy dạng khác nhau?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 5. Trong Microsoft Powerpoint, Slide color scheme là gì?

- A. Bộ màu chuẩn của Powerpoint
- B. Chèn màu vào các Slide
- C. Màu nền

D. Tên của một slide mới

Câu 6. Trong Microsoft Powerpoint, sau khi đã thiết kế xong bài trình diễn, cách nào sau đây không phải để trình chiếu ngay bài trình diễn đó?

A. Chọn Slide Show/Custom Show

B. Chọn Slide Show/View Show

C. Chọn View/ Slide Show

D. Nhấn phím F5

Câu 7. Trong Microsoft Powerpoint, thao tác chọn File/Close dùng để?

A. Lưu tập tin hiện tại

B. Mở một tập tin

C. Đóng tập tin hiện tại

D. Thoát khỏi Powerpoint

Câu 8. Trong Microsoft Powerpoint, sau khi đã chọn một đoạn văn bản, cách nào sau đây không phải để làm mất đi đoạn văn bản đó?

A. Nhấn tổ hợp phím Alt + X

B. Nhấp chuột trái vào nút lệnh Cut (biểu tượng là cái kéo) trên thanh công cụ

C. Nhấn phím Delete

D. Chọn Edit -> Cut

Câu 9. Trong Microsoft Powerpoint, đang trình chiếu một bài trình diễn, muốn dừng trình diễn ta nhấn phím?

A. Tab

B. Esc

C. Home

D. End

Câu 10. Trong Microsoft Powerpoint, muốn mở một tập tin đã tồn tại trên đĩa, đầu tiên ta phải?

A. Chọn File/Open

B. Chọn File/New

- C. Chọn File/Save
- D. Chọn File/Save As

Câu 11. Trong Microsoft Powerpoint, để định dạng dòng chữ “Tin học” thành “Tin học” (kiểu chữ đậm, nghiêng, gạch dưới), toàn bộ các thao tác phải thực hiện là?

- A. Đưa con trỏ văn bản vào giữa dòng chữ đó, nhấn Ctrl + U, Ctrl + I và Ctrl + B
- B. Đưa con trỏ văn bản vào giữa dòng chữ đó, nhấn Ctrl + B, Ctrl + U và Ctrl + I
- C. Chọn dòng chữ đó, nhấn Ctrl + U, Ctrl + I và Ctrl + B
- D. Nhấn Ctrl + U, Ctrl + I và Ctrl + B

Câu 12. Trong Microsoft Powerpoint, để lưu tiếp tập tin Tinhoc.PPT đang mở, ta có thể?

- A. Chọn File→Save
- B. Chọn File→Save As
- C. Chọn File→Save hoặc File→ Save As đều được
- D. Chọn File→Close

Câu 13. Trong Microsoft Powerpoint, để hủy bỏ thao tác vừa thực hiện ta nhấn tổ hợp phím?

- A. Ctrl + X
- B. Ctrl + Z
- C. Ctrl + C
- D. Ctrl + V

Câu 14. Trong Microsoft Powerpoint, thực hiện thao tác chọn Insert/New Slide là để?

- A. Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide hiện hành
- B. Chèn thêm một slide mới vào ngay sau slide hiện hành
- C. Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide đầu tiên
- D. Chèn thêm một slide mới vào ngay sau slide cuối cùng

Câu 15. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo một slide giống hệt như slide hiện

hành mà không phải thiết kế lại, ta vào mục chọn?

- A. Insert/Duplicate B Insert/New Slide
- B. Insert -> Duplicate Slide
- C. Không thực hiện được

Câu 16. Trong Microsoft Powerpoint, để căn lề cho một đoạn văn bản nào đó trong bài thuyết trình đang thiết kế, trước tiên ta phải?

- A. Đưa con trỏ văn bản vào giữa đoạn văn bản cần căn lề
- B. Chọn cả đoạn văn bản cần căn lề
- C. Chọn một dòng bất kỳ trong đoạn văn bản cần căn lề
- D. Cả 3 cách nêu trong câu này đều đúng

Câu 17. Trong Microsoft Powerpoint, muốn xóa slide hiện thời khỏi bài thuyết trình, người thiết kế phải?

- A. Chọn tất cả các đối tượng trên slide và nhấn phím Delete
- B. Chọn tất cả các đối tượng trên slide và nhấn phím Backspace
- C. Chọn Edit -> Delete Slide
- D. Nhấn chuột phải lên slide và chọn Delete

Câu 18. Trong Microsoft Powerpoint, để lưu một đoạn văn bản đã được chọn vào vùng nhớ đệm (clipboard) mà không làm mất đi đoạn văn bản đó ta nhấn tổ hợp phím?

- A. Ctrl + X
- B. Ctrl + Z
- C. Ctrl + C
- D. Ctrl + V

Câu 19. Trong Microsoft Powerpoint, thao tác chọn Edit/Delete Slide là để?

- A. Xóa slide hiện hành
- B. Xóa tập tin có nội dung là bài trình diễn hiện hành
- C. Xóa tất cả các slide trong bài trình diễn đang thiết kế
- D. Xóa tất cả các đối tượng trong slide hiện hành

Câu 20. Trong Microsoft Powerpoint, khi thực hiện thao tác chọn Insert→Movies

and Sounds người sử dụng?

- A. Chỉ được phép chèn hình ảnh
- B. Chỉ được phép chèn âm thanh
- C. Chỉ được phép chèn phim vào giáo án
- D. Có thể chèn âm thanh hoặc phim

Câu 21. Trong Microsoft Powerpoint, để thiết lập các thông số trang in ta thực hiện?

- A. Chọn File→Page Setup
- B. Chọn File→Print
- C. Chọn File→Print Preview
- D. Chọn File→Properties

Câu 22. Trong Microsoft Powerpoint, để tô màu nền cho một slide trong bài trình diễn ta thực hiện?

- A. Chọn View/Background
- B. Chọn Format/Background
- C. Chọn Insert/Background
- D. Chọn Slide Show/Background

Câu 23. Muốn kẻ đường viền màu xanh cho một Text Box trong Microsoft Powerpoint, sau khi chọn Format/Text Box, chọn thẻ Color and Lines và?

- A. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Fill
- B. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line
- C. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line hoặc Fill đều đúng
- D. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line hoặc Fill đều sai

Câu 24. Trong Microsoft Powerpoint, để thực hiện việc chèn bảng biểu vào slide ta phải?

- A. Chọn Table→Insert Table
- B. Chọn Table→Insert
- C. Chọn Insert→Table

D. Chọn Format→Table

Câu 25. Trong Microsoft Powerpoint, sau khi đã chọn một số đối tượng trên slide hiện hành, nhấn tổ hợp phím nào sau đây sẽ làm mất đi các đối tượng đó?

- A. Alt + X
- B. Shift + X
- C. Ctrl + X
- D. Ctrl + Shift + X

Câu 26. Trong Microsoft Powerpoint, thực hiện thao tác chọn Slide Show/Custom Animation có chức năng gì?

- A. Tạo hiệu ứng động cho một đối tượng trong slide
- B. Tạo hiệu ứng chuyển trang cho các slide trong bài trình diễn
- C. Đưa hình ảnh hoặc âm thanh vào bài trình diễn
- D. Định dạng cách bố trí các khối văn bản, hình ảnh, đồ thị, ... cho một slide

Câu 27. Trong Microsoft Powerpoint cho phép người sử dụng thiết kế một slide chủ chứa các định dạng chung của toàn bộ các slide trong bài trình diễn. Người dùng cần thực hiện thao tác gì?

- A. Chọn Insert→Master Slide
- B. Chọn Insert→Slide Master
- C. Chọn View→Master→Slide Master
- D. Chọn View→Slide Master→Master

Câu 28. Trong Microsoft Powerpoint, để đưa thêm nút tác động (Action Buttons) vào slide hiện hành, thực hiện như thế nào?

- A. Chọn Slide Show/Action Buttons
- B. Chọn AutoShapes/Action Buttons
- C. Chọn Slide Show/Action Buttons hoặc AutoShapes/Action Buttons đều đúng
- D. Chọn Slide Show/Action Buttons hoặc AutoShapes/Action Buttons đều sai

Câu 29. Trong Microsoft Powerpoint, sau khi đã chèn một bảng biểu vào slide, muốn chia một ô nào đó thành 2 ô cần thực hiện thế nào?

- A. Kích chuột phải vào ô đó và chọn Split Cells
- B. Chọn ô đó rồi chọn Table/Split Cells
- C. Chọn ô đó và nhấp chuột trái vào nút lệnh Split Cells trên thanh công cụ Tables and Borders
- D. Các cách nêu trong câu này đều đúng

Câu 30. Chọn câu sai trong các câu sau. Trong Microsoft Powerpoint có thể thực hiện những chức năng gì?

- A. Ta có thể căn chỉnh đều hai bên cho một khối văn bản
- B. Khi chọn Format/ Background, ta có thể định dạng màu nền cho các slide
- C. Khi chọn Format/Replace Fonts sẽ thực hiện đổi font chữ cho tất cả các slide
- D. Không thể tạo hiệu ứng động cho các đối tượng trong slide chủ (slide master)

Câu 31. Chọn câu sai trong các câu sau. Trong khi thiết kế Microsoft Powerpoint?

- A. Không thể tạo chỉ số trên như trong MS-Word
- B. Có thể sao chép (copy/paste) một đoạn văn bản từ tập tin Word sang
- C. Có thể dùng WordArt để tạo chữ nghệ thuật trang trí trong khi thiết kế
- D. Có thể chèn các biểu đồ vào giáo án điện tử

Câu 32. Trong Microsoft Powerpoint, máy tính đang kết nối Internet sử dụng siêu liên kết (Hyperlink) sẽ cho phép người dùng liên kết đến các tập tin nào?

- A. Chỉ các tập tin có sẵn trong các ổ đĩa của máy tính đang soạn thảo
- B. Chỉ các slide đã có trong bài thiết kế đang soạn thảo
- C. Chỉ các trang Web có trên mạng
- D. Tất cả các tập tin, các slide đã có trong máy và các trang Web

Câu 33. Trong Microsoft Powerpoint, nếu chọn 3 ô liên tiếp trên cùng một cột của bảng biểu, đưa chuột vào vùng ô đó, nhấn chuột phải và chọn Insert Rows thì ta đã thực hiện thao tác gì?

- A. Thêm vào bảng 3 ô
- B. Thêm vào bảng 3 dòng
- C. Thêm vào bảng 3 cột
- D. Thêm vào bảng 1 dòng

Câu 34. Trong Microsoft Powerpoint, muốn mở một tập tin đã tồn tại trên đĩa, sau khi khởi động Powerpoint ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + O
- B. Ctrl + N
- C. Ctrl + S
- D. Ctrl + C

Câu 35. Trong Microsoft Powerpoint, muốn bật hoặc tắt thanh công cụ Drawing trên màn hình Powerpoint, ta phải làm thế nào?

- A. Chọn Insert/Drawing
- B. Chọn Insert/Toolbar/Drawing
- C. Chọn View/Drawing
- D. Chọn View/Toolbar/Drawing

Câu 36. Trong Microsoft Powerpoint, muốn dùng một hình ảnh nào đó đã có trong đĩa để làm nền cho các slide, ta thực hiện lần lượt các bước nào sau đây?

- A. Format→Background→Fill Effects→Picture
- B. Format→Background→Fill Effects→Texture
- C. Format→Background→Fill Effects→Pattern
- D. Format→Background→Fill Effects→Gradient

Câu 37. Trong Microsoft Powerpoint, khi đang trình chiếu (Slide Show) một bài trình diễn, muốn chuyển sang màn hình của một chương trình ứng dụng khác (đã mở trước) để minh họa mà không kết thúc việc trình chiếu, ta nhấn tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Tab
- B. Shift + Tab
- C. Alt + Tab
- D. Esc + Tab

Câu 38. Phát biểu nào dưới đây là sai trong khi sử dụng Microsoft Powerpoint?

- A. Khi tạo hiệu ứng động cho một khối văn bản ta có thể cho xuất hiện lần lượt từng từ trong khối văn bản khi trình chiếu

- B. Sau khi đã tạo hiệu ứng động cho một đối tượng nào đó ta không thể thay đổi kiểu hiệu ứng cho đối tượng đó
- C. Có thể thực hiện hiệu ứng chuyển trang cho 1 slide bất kỳ trong bài trình diễn
- D. Có thể thực hiện hiệu ứng chuyển trang cho tất cả các slide trong bài trình diễn

Câu 39. Âm thanh đưa vào bài trình diễn trong Microsoft Powerpoint

- A. Thực hiện được chỉ khi tạo hiệu ứng động cho đối tượng trong slide
- B. Thực hiện được chỉ khi tạo hiệu ứng chuyển trang giữa các slide
- C. Thực hiện được cả khi tạo hiệu ứng động và hiệu ứng chuyển trang
- D. Không thực hiện được cả khi tạo hiệu ứng động và hiệu ứng chuyển trang

Câu 40. Bấm chuột phải tại một đối tượng trong Microsoft Powerpoint có nghĩa là?

- A. Xoá đối tượng
- B. Mở menu tắt liệt kê các lệnh có thể thực hiện
- C. Chọn đối tượng
- D. Không làm gì cả

Câu 41. Trong Microsoft Powerpoint, cách nào sau đây không phải là cách tạo ra một bản trình diễn mới (Presentation)?

- A. Tạo một bản trình diễn trắng
- B. Dùng template
- C. Dùng chức năng Scan-In Slides
- D. Dùng chức năng AutoContent Wizard

Câu 42. Trong Microsoft Powerpoint, chế độ View nào sau đây không phải của PowerPoint?

- A. Normal View
- B. Slide Sorter
- C. Slide Show
- D. Current View

Câu 43. Khi khởi động chương trình, Microsoft Powerpoint tự động tạo ra?

- A. Một bản trình diễn trắng
- B. Một Template mới
- C. Một Auto Slide Wizard
- D. Một Slide đã mở trước đó

Câu 44. Thao tác nào sau đây không phải để di chuyển xung quanh một bản trình diễn trong Microsoft Powerpoint?

- A. Nhấn Ctrl + Home để di chuyển về slide đầu tiên
- B. Nhấn Page Down để di chuyển đến slide kế tiếp
- C. Chọn Edit → Move từ menu và chỉ định slide bạn muốn tới
- D. Dùng thanh cuộn đứng để di chuyển lên hoặc xuống

Câu 45. Trong Microsoft Powerpoint, để lưu một bản trình diễn, không thể sử dụng cách nào?

- A. Nhấn Ctrl + F5
- B. Chọn File → Save từ menu
- C. Bấm nút Save trên thanh công cụ chuẩn
- D. Bấm Save trên nút Windows Start

Câu 46. Trong Microsoft Powerpoint, chế độ View tốt nhất để duyệt qua một bản trình diễn là?

- A. Normal view
- B. Slide Sorter view
- C. Outline view
- D. Notes view

Câu 47. Trong Microsoft Powerpoint, phím nào sau đây để xoá văn bản trước con trỏ?

- A. Page Up
- B. Page Down
- C. Delete
- D. Backspace

Câu 48. Trong Microsoft Powerpoint, cách nào sau đây không phải để cắt (Cut) văn bản?

- A. Chọn văn bản và nhấn Alt+X
- B. Chọn văn bản và bấm nút cut trên thanh công cụ
- C. Chọn văn bản và nhấn phím delete
- D. Chọn văn bản và chọn Edit→Cut từ menu

Câu 49. Trong Microsoft Powerpoint, một khi khối văn bản đã được chọn, bạn có thể thay thế một đoạn văn bản bằng cách?

- A. Gõ văn bản mới
- B. Chọn File, sau đó Insert New Text từ menu
- C. Bạn không thể thay thế văn bản được chọn với văn bản mới
- D. Bấm nút Replace Text trên thanh công cụ chuẩn

Câu 50. Trong Microsoft Powerpoint, mục đích của Format Painter là gì ?

- A. Để tô màu các hình ảnh trong slide
- B. Để nhấn mạnh các văn bản quan trọng
- C. Sao chép định dạng từ một đối tượng hoặc một khối văn bản và sau đó áp đặt lên các đối tượng khác
- D. Để thay đổi màu nền của slide

Câu 51. Trong Microsoft Powerpoint, các hiệu ứng tô màu nào (Fill Effects) dùng cho nền slide?

- A. Gradient
- B. Brightness
- C. Picture
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 52. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo cho các slide một hình thức chuyên nghiệp hơn, ta có thể?

- A. Sử dụng sơ đồ màu (color scheme) với các màu chuẩn
- B. Sử dụng cấu trúc tự tạo lập màu
- C. Sử dụng công cụ Fill Effects để tạo ra các màu theo kiểu Gradient

D. Các phương án trên đều sai

Câu 53. Trong Microsoft Powerpoint, làm cách nào để thêm văn bản hoặc hình ảnh xuất hiện trên tất cả các slide?

A. Mở Slide Master bằng cách chọn View→Master→Slide Master và thêm văn bản hoặc hình ảnh

B. Bạn phải tự thêm văn bản hoặc hình ảnh trên mỗi slide

C. Bấm nút Add to All Slides trên thanh công cụ chuẩn để thêm văn bản hoặc hình ảnh

D. Dùng chức năng Format All Slides Wizard để thêm văn bản vào hình ảnh

Câu 54. Trong Microsoft Powerpoint, câu nào sau đây là không đúng?

A. Giữ phím Shift khi vẽ các đối tượng Elip và Rectangle sẽ tạo ra hình tròn, hình vuông

B. Thanh công cụ Drawing chứa các công cụ vẽ shapes, lines, arrows và nhiều thứ khác

C. Văn bản trong một textbox không thể định dạng được

D. Bạn có thể thay đổi kích thước của textbox bằng cách chọn và kéo các nút điều chỉnh kích thước (sizing handles)

Câu 55. Trong Microsoft Powerpoint, cách nào sau đây cho phép chọn nhiều đối tượng?

A. Bấm nút Object trên thanh công cụ chuẩn, bấm đối tượng bạn muốn chọn, và nhấn Enter khi kết thúc

B. Giữ phím Shift khi chọn mỗi đối tượng

C. Bạn chỉ có thể chọn một đối tượng một lần trong Powerpoint

D. A và B

Câu 56. Trong Microsoft Powerpoint, có thể định dạng các đối tượng vẽ bằng cách?

A. Chọn đối tượng và định dạng nó với thanh công cụ Drawing

B. Chọn đối tượng và chọn Format→AutoShape từ menu và chỉ định các tùy chọn định dạng từ hộp thoại Format AutoShape

C. A và B

D. Chọn đối tượng, nhấn phím Ctrl + F và chỉ định các tùy chọn định dạng từ hộp thoại Format AutoShape

Câu 57. Trong Microsoft Powerpoint, Block Arrows, Stars and Banners, và Callouts là các ví dụ nào?

A. Các kiểu trò chơi xây dựng của trẻ em

B. Các chủ đề Clip art trong bộ sưu tập Microsoft Clip Gallery

C. Các chủ đề AutoShape

D. Một thuật ngữ kỹ thuật chưa xác định

Câu 58. Trong Microsoft Powerpoint, cần đưa vào trong tài liệu nhiều hình ảnh minh họa. Khi tiếp tục hiệu chỉnh và dàn trang, các hình đó khó giữ được các vị trí tương đối ban đầu. Giải pháp nào sau đây giúp ta xử lý tình huống trên?

A. Xóa hình và chèn hình lại khi định dạng trang bị thay đổi

B. Chọn tất cả các hình, bấm nút phải và chọn lệnh Group

C. Chọn Edit → Select pictures từ menu mỗi khi di chuyển và làm việc với nhiều hình

D. Không phải các cách trên

Câu 59. Trong Microsoft Powerpoint, một số AutoShapes có hình thoi màu vàng. Hình thoi đó là gì và có tác dụng như thế nào?

A. Đó là nút kích cỡ, dùng để thay đổi kích thước của đối tượng AutoShapes

B. Đó là nút di chuyển, dùng để kéo đối tượng AutoShape tới một vị trí khác

C. Đó là nút điều chỉnh, dùng để thay đổi hình dạng của đối tượng AutoShapes

D. Cả ba tác dụng trên

Câu 60. Trong Microsoft Powerpoint, câu nào sau đây là không đúng?

A. Có thể tạo một slide với table bằng cách bấm nút Insert Slide trên Standard thanh công cụ và chọn Table layout

B. Thanh công cụ Tables và Borders dùng để làm việc với tables

C. Font chữ trong table là cố định và không thể định dạng

Câu 61. Câu nào sau đây mô tả chính xác nhất chức năng hoạt cảnh trong

Powerpoint presentations?

- A. Bạn có thể tạo chuyển động và chương trình Office Assistant sẽ hỗ trợ thực hiện
- B. Bạn có thể thêm các nhân vật hoạt hình vào slide để giúp vui mọi người
- C. Bạn có thể tạo chuyển động cho văn bản và các đối tượng sao cho chúng xuất hiện trên slide bằng nhiều cách định sẵn (special effects)
- D. Bạn có thể tạo chuyển động cho slide show và để nó tự chạy

Câu 62. Làm cách nào để chèn một đoạn phim vào slide của Microsoft Powerpoint?

- A. Cần một video camera và một đường cáp USB
- B. Cần phần mềm Microsoft Movie Maker
- C. Bấm nút Insert Movie trên thanh công cụ chuẩn
- D. Chọn Insert → Movies và Sounds → Movie from Gallery từ menu

Câu 63. Tập tin nào sau đây không thuộc dạng âm thanh khi chèn vào slide của Microsoft Powerpoint?

- A. Các tập tin có phần mở rộng là: AVI
- B. Các tập tin có phần mở rộng là: WAV
- C. Các tập tin có phần mở rộng là: MIDI
- D. Các tập tin có phần mở rộng là: LOG

Câu 64. Câu nào sau đây là không đúng trong Microsoft Powerpoint?

- A. Để lưu bản trình diễn Microsoft Powerpoint thành trang Web, chọn File → Save as Web Page từ menu và trả lời một số câu hỏi liên quan
- B. Chèn một siêu liên kết vào bản trình diễn giống như chèn một tệp liên kết (linked file)
- C. Microsoft Powerpoint lưu các trang Web thành một tệp duy nhất trong đó chứa tất cả các slide và hình ảnh
- D. Các nút hành động (Actions buttons) thực hiện các lệnh được gán sẵn khi bấm chuột

Câu 65. Microsoft Powerpoint có thể làm những gì?

- A. Tạo các bài trình diễn trên màn hình
- B. In các overhead màu hoặc trắng đen
- C. Tạo các handout cho khách dự hội thảo
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 66. Để khởi động Microsoft Powerpoint, ta thực hiện?

- A. Start → All Program → Microsoft Office → Microsoft Powerpoint
- B. Start → All Program → Accessories → Microsoft Powerpoint
- C. Nhấn đúp chuột vào biểu tượng Microsoft Powerpoint
- D. Cả A và C đều đúng

Câu 67. Trong Microsoft Powerpoint có thể tạo một bản trình diễn mới từ?

- A. Sử dụng một trình diễn trống (Use Blank)
- B. Sử dụng một trình diễn có sẵn (Design Template)
- C. Sử dụng một trình dựa trên một trình diễn có sẵn
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 68. Một trang trình diễn trong Microsoft Powerpoint được gọi là gì?

- A. Một Document
- B. Một Slide
- C. Một File
- D. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 69. Microsoft Powerpoint có chế độ hiển thị nào?

- A. Normal View
- B. Slide sorter view
- C. Slide show view
- D. Không có chế độ nào nêu trên

Câu 70. Trong Microsoft Powerpoint khi dùng chế độ hiển thị outline thì?

- A. Hiển thị bài trình diễn dưới dạng văn bản không có các hình ảnh
- B. Giúp ích cho việc nhập, hiệu chỉnh và tổ chức văn bản một cách nhanh chóng

C. Kéo và thả các slide hoặc các nút đầu dòng để sắp xếp lại các đoạn văn bản (dàn bài)

D. Tất cả các phương án trên

Câu 71. Trong Microsoft Powerpoint, muốn xóa một slide ta dùng lệnh nào sau đây?

A. Edit/Delete Slide

B. File/ Delete Slide

C. Câu A và B đều đúng

D. Câu A và C đều sai

Câu 72. Trong Microsoft Powerpoint, để thêm một Slide lên tệp trình diễn đang mở, ta cần thực hiện?

A. Nhấn Insert/New Slide

B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + M

C. Chọn một mẫu Slide sau đó nhấn Enter

D. Các câu trên đều đúng

Câu 73. Câu 74: Trong Microsoft Powerpoint, muốn đánh số cho từng Slide dùng lệnh nào sau đây?

A. Insert/ Bullets and Numbering

B. Insert/ Slide Number

C. Format/Bullets and Numbering

D. Các câu trên đều sai

Câu 74. Trong Microsoft Powerpoint, muốn tạo một sơ đồ tổ chức, dùng thao tác nào sau đây?

A. Insert/Picture Organization Chart

B. Chọn Slide Organization Chart

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 75. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn âm thanh vào Slide dùng lệnh

nào sau đây?

- A. Insert/Object
- B. Insert/Component
- C. Insert/Diagram
- D. Insert/Comment

Câu 76. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn Slide từ một tập tin khác vào tập tin đang mở, sử dụng thao tác nào sau đây?

- A. Insert/Slide from Files
- B. File/Import
- C. Insert/Duplicate Slide
- D. Insert/New Slide

Câu 77. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn một công thức toán học vào Slide, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Insert/Object
- B. Insert/Component
- C. Insert/Diagram
- D. Insert/Equation 3.0

Câu 78. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn một Table vào Slide, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Table→Insert Table
- B. Insert→Table
- C. Câu A và B đều sai
- D. Câu A và B đều đúng

Câu 79. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn Header và Footer vào các Slide, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Insert→Header and Footer
- B. View→Header and Footer
- C. View→Notes Page

D. Các câu trên đều sai

Câu 80. Trong Microsoft Powerpoint, muốn thêm một Slide mới giống với một Slide đã tạo, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Insert→New Slide
- B. File→New Slide
- C. Insert→Duplicate Slide
- D. Insert→Duplicate

Câu 81. Trong Microsoft Powerpoint, muốn đánh dấu số đầu đoạn, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Format→Bullets and Numbering
- B. Format→Border and Shading
- C. Insert→Bullets and Numbering
- D. Insert→Slide Number

Câu 82. Trong Microsoft Powerpoint, muốn chèn ký hiệu vào Slide, sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Insert/Diagram
- B. Insert/Component
- C. Insert/Comment
- D. Insert/Symbol

Câu 83. Trong Microsoft Powerpoint, muốn thêm một Slide ta sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Insert→New Slide
- B. File→New
- C. Insert→Duplicate Slide
- D. Các câu trên đều sai

Câu 84. Trong Microsoft Powerpoint, ngoài việc tạo hiệu ứng cho các đối tượng trên Slide ta có thể tạo hiệu ứng xuất hiện của từng Slide bằng lệnh nào?

- A. Slide Show→Action Button

B. Slide Show→Slide Transition

C. Câu A và B đều đúng

D. Câu A và B đều sai

Câu 85. Trong Microsoft Powerpoint, muốn tạo hiệu ứng cho các đối tượng trong một Slide, sử dụng lệnh nào sau đây?

A. Kích nút Custom Animation

B. Slide Show Custom Animation

C. Câu A và B đều đúng

D. Câu A và B đều sai

Câu 86. Trong Microsoft Powerpoint, muốn sắp xếp các Slide sử dụng lệnh nào sau đây?

A. Insert→New Slide

B. File→New

C. View→Slide Sorter

D. Các câu trên đều sai

Câu 87. Trong Microsoft Powerpoint, dạng nào dưới đây dùng để xem một Slide duy nhất?

A. Normal view

B. Slide show

C. Outline view

D. Slide view

Câu 88. Trong Microsoft Powerpoint, để in nội dung các Slide, ta thực hiện lệnh in bằng cách nào?

B. Nhấn chọn File→Print

C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + P

D. Nhấn chọn Insert→Print

E. Cả A và B đều đúng

Câu 89. Trong Microsoft Powerpoint, để định dạng một trang in, ta thực hiện lệnh

nào sau đây?

- A. File→Page Setup
- B. File→Print
- C. File→Print Preview
- D. Các câu trên đều sai

Câu 90. Trong Microsoft Powerpoint, để sử dụng những Slide đã định dạng sẵn ta thực hiện?

- A. File→New→From Design Template
- B. File→New→From Existing Presentation
- C. File→New→From AutoContent wizard
- D. File→New→Photo album

Câu 91. Trong Microsoft Powerpoint, để thiết lập một Slide Master, ta thực hiện?

- A. File→Master→Slide Master
- B. View→Master→Slide Master
- C. View→Master→Handout Master
- D. View→Master/Notes Master

Câu 92. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo hyperlink ta chọn text hay đối tượng mà ta muốn tạo hyperlink, sau đó thực hiện:

- A. Insert→Hyperlink
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl +K
- C. Insert/Object
- D. Câu A và B đều đúng

Câu 93. Trong Microsoft Powerpoint, để bắt đầu trình diễn một Slide Show ta thực hiện?

- A. Slide Show→Setup Show
- B. Slide Show/View Show
- C. Nhấn phím F5
- D. Câu B và C đều đúng

Câu 94. Sau khi đã thiết kế xong bài trình diễn, cách làm nào sau đây không phải để trình chiếu ngay bài trình diễn đó?

- A. Chọn Slide Show → Custom Show
- B. Chọn Slide Show → View Show
- C. Chọn View → Slide Show
- D. Nhấn phím F5

Câu 95. Đang thiết kế giáo án điện tử, trước khi thoát khỏi PowerPoint nếu người sử dụng chưa lưu lại tập tin thì máy sẽ hiện một thông báo. Để lưu lại tập tin này ta sẽ kích chuột trái vào nút nào trong bảng thông báo này?

- A. Nút Yes
- B. Nút No
- C. Nút Cancel
- D. Nút Save

Câu 96. Muốn sao chép một phần của đoạn văn bản trong một Text Box, ta phải làm gì?


- A. Chọn phần văn bản cần sao chép, nhấn Ctrl + C rồi đưa con trỏ văn bản đến vị trí cần sao chép, nhấn Ctrl + V
- B. Chọn phần văn bản cần sao chép, nhấn Ctrl + V rồi đưa con trỏ văn bản đến vị trí cần sao chép, nhấn Ctrl + C
- C. Chọn Text Box chứa đoạn văn bản đó, nhấn Ctrl + C rồi đưa con trỏ văn bản đến vị trí cần sao chép, nhấn Ctrl + V
- D. Chọn Text Box chứa đoạn văn bản đó, nhấn Ctrl + V rồi đưa con trỏ văn bản đến vị trí cần sao chép, nhấn Ctrl + C

Câu 97. Chọn câu sai trong các câu sau? Trong khi thiết kế giáo án điện tử bằng PowerPoint?

- A. Không thể tạo chỉ số trên (ví dụ số 2 trong X²) như trong MS-Word
- B. Có thể sao chép (copy/paste) một đoạn văn bản từ tập tin Word sang
- C. Có thể dùng WordArt để tạo chữ nghệ thuật trang trí cho giáo án
- D. Có thể chèn các biểu đồ vào giáo án điện tử

Câu 98. Khi tạo hiệu ứng động cho 2 đối tượng A và B trong một Slide, người thiết kế đã xác lập thời gian để B tự động xuất hiện sau A là 5 giây. Vậy khi trình chiếu, đáp án đúng là gì?

- A. Khi A đã xuất hiện, cứ 5 giây sau thì B Xuất hiện 1 lần
- B. Sau khi a xuất hiện nếu người sử dụng nhấp chuột thì B lập tức xuất hiện
- C. Luôn luôn xuất hiện sau A là 5 giây bất chấp người sử dụng có nhấp chuột hay không
- D. Khi A đã xuất hiện nếu người sử dụng nhấp chuột thì 5 giây sau B mới xuất hiện

Câu 99. Khi kích hoạt vào nút tác động có dạng  trên Slide đang trình chiếu, nó sẽ hoạt động như thế nào?

- A. Sẽ thực hiện vấn đề đã được liên kết đến
- B. Sẽ kết thúc phiên trình chiếu
- C. Sẽ chuyển Slide tiếp theo
- D. Sẽ chuyển slide trước đó

Câu 100. Muốn chữ “Powerpoint” trong một đoạn văn bản nằm giữa textbox ta thực hiện?

- A. Bôi đen riêng chữ “Powerpoint” và nhấn tổ hợp phím CTRL+E
- B. Nhấn tổ hợp phím CTRL+U
- C. Chỉ cần bôi đen Power nhấn tổ hợp phím CTRL+U
- D. Nhấn CTRL+U+I

Câu 101. Đang trình chiếu, muốn dừng trình diễn ta cần chọn biểu tượng hình chữ nhật phía dưới, bên trái màn hình và chọn:

- A. End Show
- B. Hapl
- C. Next
- D. Screen

Câu 102. Để chèn sơ đồ tổ chức vào Slide ta thực hiện các bước nào sau?

- A. Chọn Insert→Picture→Organization Chart→chọn kiểu thích hợp

- B. Chọn Insert→Table→Organization Chart→chọn kiểu thích hợp
- C. Chọn Format→Picture→Organization Chart→chọn kiểu thích hợp
- D. Chọn Format→Chart→Organization Chart→chọn kiểu thích hợp

thuvienso.dhcs.vn

❖ MODULE IU6: SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Câu 1. Lệnh nào sau đây cho biết địa chỉ IP của máy tính (Win2000,NT,WinXP)?

- A. TCP/IP
- B. IPCONFIG
- C. IP
- D. PING

Câu 2. Trong khi soạn thảo Email, nếu muốn gửi File đính kèm ta nhấn nút nào sau đây?

- A. Send
- B. Copy
- C. Attachment
- D. File→save

Câu 3. World Wide Web là gì?

- A. Là một hệ thống các máy chủ cung cấp thông tin đến bất kỳ các máy tính nào trên Internet có yêu cầu
- B. Là máy dùng để đặt các trang Web trên Internet
- C. Là một dịch vụ của Internet
- D. Câu A và C đúng

Câu 4. Điều kiện để kết nối vào Internet qua đường dây điện thoại cố định là?

- A. Phải có máy tính
- B. Phải có thuê bao điện thoại cố định
- C. Phải có Modem
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 5. Web Server là gì?

- A. Là máy chủ dùng để đặt các trang Web trên Internet
- B. Là máy tính đang được sử dụng để xem nội dung các trang Web
- C. Là một dịch vụ của Internet

D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 6. Mạng Intranet là gì?

- A. Là một mạng máy tính nối giữa 2 máy với nhau
- B. Là sự kết nối các máy tính trong một cơ quan
- C. Là sự kết nối các máy tính trên phạm vi toàn cầu
- D. Câu A và B đúng

Câu 7. IAP là gì?

- A. Là nhà cung cấp dịch vụ Internet
- B. Là nhà cung cấp cổng truy cập Internet cho các mạng
- C. Là nhà cung cấp thông tin trên Internet
- D. Tất cả đều đúng

Câu 8. ISP là gì?

- A. Là nhà cung cấp dịch vụ Internet
- B. Là nhà cung cấp cổng truy cập Internet cho các mạng
- C. Là nhà cung cấp thông tin trên Internet
- D. Tất cả đều đúng

Câu 9. Cách thức để mở 1 trang web sử dụng Internet Explorer?

- A. Nhập URL của trang web vào ô Address rồi nhấn Enter
- B. Chọn File/Open rồi nhập URL của trang web rồi nhấn Enter
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 10. Hyperlink là gì?

- A. Là một thành phần trong một trang Web liên kết đến vị trí khác trên cùng trang Web đó hoặc liên kết đến một trang Web khác
- B. Là nội dung được thể hiện trên Web Browser (văn bản, âm thanh, hình ảnh)
- C. Là địa chỉ của 1 trang Web
- D. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 11. Chọn phát biểu đúng về địa chỉ IP?

- A. Địa chỉ IP dùng để xác định đối tượng nhận và gửi thông tin trên Internet
- B. Địa chỉ IP bao gồm 32 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu chấm (.)

Câu 12. Có thể mở các file .html bằng?

- A. Trình duyệt web (Browser) Internet Explorer
- B. Trình duyệt web (Browser) Mozilla
- C. Các trình duyệt mail như Outlook Express, Microsoft Outlook, ...
- D. Câu A và B đều đúng

Câu 13. Để truy cập vào một trang Web chúng ta cần phải biết?

- A. Hệ điều hành đang sử dụng
- B. Tên miền của trang Web
- C. Trang Web đó của nước nào
- D. Tất cả đều sai

Câu 14. TCP/IP được viết tắt bởi?

- A. Transmission Control Protocol → Internet Protocol
- B. Transmission Control Panel → Internet Protocol
- C. Transaction Control Prototype → Internet Prototype
- D. Transmission Control Protocol → Internet Prototype

Câu 15. Chọn phát biểu đúng?

- A. Các trang Web được lưu trên các Web Server
- B. Khi có nhu cầu xem nội dung 1 trang Web máy Client sẽ gửi yêu cầu đến Web Server
- C. Sau khi nhận yêu cầu, Web Server sẽ gửi nội dung trang Web về máy
- D. Client và hiển thị trên Web Browser
- E. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 16. Để có được trang Web trên Internet cho người khác truy cập vào thì cần phải có?

- A. Một tên miền truy cập (hay domain) hoặc IP máy chủ
- B. Một máy chủ là nơi để chứa nội dung trang Web, hay còn gọi là Hosting
- C. Kết nối tên miền đến máy chủ hosting chứa trang Web
- D. Cả 3 điều kiện trên

Câu 17. Cấu trúc 1 địa chỉ Email là?

- A. <Tên_người_dùng>@<Tên_miền>
- B. <Tên_miền>@<Tên_người_dùng>
- C. <Tên_người_dùng>.<Tên_miền>
- D. <Tên_miền>.<Tên_người_dùng>

Câu 18. Nút "Home" trên trình duyệt web có nghĩa là?

- A. Quay về trang chủ
- B. Quay về trang trước
- C. Quay lên phía trên
- D. Quay xuống phía dưới

Câu 19. "www" trên địa chỉ trang web là có nghĩa là?

- A. Word Wed Wide
- B. World Wide Web
- C. Word Wide Web
- D. World Web Web

Câu 20. "www.vietnamnet.vn". "vn" trên địa chỉ trang web có nghĩa là?

- A. Một ký hiệu nào đó
- B. Ký hiệu tên nước Việt Nam
- C. Chữ viết tắt tiếng Anh
- D. Khác

Câu 21. "www.binhminh.com". "com" có nghĩa là?

- A. Đây là địa chỉ của các trang web thương mại, dịch vụ
- B. Đây là địa chỉ của các trang web giáo dục

- C. Đây là địa chỉ của các trang web giải trí
- D. Đây là địa chỉ của các trang web thông thường

Câu 22. "link" trên trang web có nghĩa là?

- A. Liên kết đến 1 trang web khác
- B. Liên kết đến 1 liên kết khác
- C. Liên kết
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 23. Những chương trình nào dùng để duyệt web?

- A. Internet Explorer
- B. Mozilla Firefox
- C. Google Chrome
- D. Tất cả đều đúng

Câu 24. Internet dùng giao thức nào?

- A. IPX/SPX
- B. TCP/IP
- C. Cả A, B đều sai
- D. Cả A, B đều đúng

Câu 25. Máy chủ chứa Web còn được gọi là?

- A. Web Server
- B. Server mail
- C. Server
- D. Work Station

Câu 26. Khi sử dụng trình duyệt Web để mở chính xác một trang thông tin điện tử (Websites), ta gõ địa chỉ trang Web vào vị trí nào?

- A. Thanh địa chỉ (Address bar)
- B. Ô tìm kiếm của trang Web Google
- C. Thanh công cụ (Tools bar)

D. Thanh trạng thái (Status bar)

Câu 27. Với công cụ tìm kiếm Google, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Tìm kiếm hình ảnh
- B. Nhập từ khóa tìm kiếm bằng bàn phím ảo
- C. Tìm kiếm bằng giọng nói
- D. Tất cả các phát biểu trên đều sai

Câu 28. Địa chỉ email nào sau đây không hợp lệ?

- A. congchuc@mail123.com
- B. cong chuc@gmail.com
- C. congchuc123@gmail.com
- D. cong.chuc@gmail.com

Câu 29. Địa chỉ website nào sau đây là không hợp lệ?

- A. www.quangbinh.com
- B. www.quangbinhportal/gov/vn
- C. quangbinh.gov.vn
- D. www.quangbinh.gov

Câu 30. Trong chương trình Email Yahoo hoặc Gmail nếu muốn gửi một bức thư đến cho nhiều người nhận thì ta phải dùng dấu nào sau đây để có thể ngăn cách giữa các địa chỉ email của người nhận:

- A. Dấu chấm phẩy (;)
- B. Dấu cộng (+)
- C. Dấu chấm (.)
- D. Dấu phẩy (,)

Câu 31. Nhìn vào địa chỉ các Website dưới đây, Website nào là của một tổ chức của chính phủ?

- A. www.quangbinhportal.gov.vn
- B. www.truongthinh.com.vn
- C. www.vnexpress.net

D. www.quangbinh.com

Câu 32. Để tải lại trang web đang mở trên màn hình (Refresh), ta sử dụng phím tắt nào?

A. F1

B. F3

C. F5

D. F7

Câu 33. Website nào sau đây không phải là một công cụ tìm kiếm trên Internet?

A. Google.com.vn

B. Bing.com

C. Yahoo.com.vn

D. Quangbinhportal.gov.vn

Câu 34. Để tìm kiếm một từ hay cụm từ trên một giao diện Website đang mở sẵn, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây?

A. Alt + F

B. Alt + H

C. Ctrl + H

D. Ctrl + F

Câu 35. Địa chỉ email nào sau đây là hợp lệ?

A. congchuc@gmail123.com

B. congchuc@gmail.com

C. cong!?chuc@gmail

D. ~**~@gmail.com

Câu 36. Sử dụng Webmail của Yahoo hoặc Gmail, khi nhận một bức thư điện tử mới (Ngôn ngữ tiếng Anh), thông thường bức thư đó sẽ nằm trong mục nào sau đây?

A. Drafts

B. Send

C. Inbox

D. Outbox

Câu 37. Trong mạng Internet, dịch vụ nào hỗ trợ truyền file với dữ liệu có dung lượng lớn từ nơi này đến nơi khác?

- A. FTP
- B. WWW
- C. Email
- D. Cả A, B, C sai

Câu 38. Trang Web tĩnh là trang web:

- A. Có nội dung cố định, không thể tùy biến theo yêu cầu từ phía máy khách (client)
- B. Chỉ có văn bản và các hình ảnh tĩnh
- C. Chỉ có văn bản và hình ảnh, không có các đoạn phim hoặc âm thanh
- D. Chỉ có các file âm thanh và video

Câu 39. Một người đang sử dụng dịch vụ thư điện tử miễn phí của Yahoo. Địa chỉ nào dưới đây được viết đúng:

- A. Alpha
- B. alpha2005@yahoo
- C. yahoo.com@alpha2005
- D. alpha2005@yahoo.com

Câu 40. Phát biểu nào dưới đây là sai:

- A. Người sử dụng có thể tự tạo cho mình 1 tài khoản sử dụng thư điện tử miễn phí qua dịch vụ thư điện tử trên Yahoo.
- B. Thư điện tử luôn có độ tin cậy, an toàn tuyệt đối.
- C. Các thư từ máy gửi đến máy nhận qua Internet luôn chuyển tiếp qua máy Server của nhà cung cấp dịch vụ.
- D. Có thể đính kèm tệp văn bản theo thư điện tử.

Câu 41. Phát biểu nào dưới đây là sai:

- A. Vừa mở cửa sổ duyệt Web, vừa soạn văn bản trong lúc chờ trang Web xuất hiện nội dung.

- B. Mở nhiều cửa sổ duyệt Web cho nhiều địa chỉ Web khác nhau.
- C. Nhấn nút BACK để đóng cửa sổ duyệt Web.
- D. Nhấn nút REFRESH là để bắt đầu lại quá trình tải lại trang Web.

Câu 42. Trang Web động là trang Web:

- A. Chỉ có văn bản còn các hình ảnh là động
- B. Nội dung có thể thay đổi, có thể tùy biến theo yêu cầu từ phía máy khách (client)
- C. Chỉ có văn bản, hình ảnh động và âm thanh
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 43. Để tìm kiếm thông tin trên Internet, ta có thể sử dụng các phép toán nào dưới đây:

- A. Có thể sử dụng một số phép toán: + , \,*/ , or, and, ..
- B. Có thể sử dụng một số phép toán: + , *,\= , or, and, ..
- C. Có thể sử dụng một số phép toán: + , - , or, and, ..
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 44. Phát biểu nào dưới đây là sai:

- A. Internet là dịch vụ do công ty Internet tại Mỹ điều hành và thu phí.
- B. WWW là từ viết tắt của World Wide Web
- C. Chúng ta có thể đăng ký để sử dụng thư miễn phí tại địa chỉ Mail.yahoo.com
- D. Google là một công cụ tìm kiếm trên Internet

Câu 45. Cookie được hình thành trong quá trình:

- A. Chia sẻ tài nguyên trên Internet
- B. Chia sẻ tài nguyên trong mạng LAN
- C. Cài đặt máy in qua mạng
- D. Sử dụng trình duyệt để duyệt qua các trang web động

Câu 46. Trong Internet Explorer, để có thể thiết lập ngầm định một trang web khi khởi động trình duyệt, trên thanh menu ta thực hiện:

- A. Tools → Internet Option...

- B. Favorites → Add to favorites...
- C. Tools → Windows Messenger
- D. View → Refresh

Câu 47. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. WWW là một trong những dịch vụ cơ bản trên Internet
- B. FTP và Email là 2 trong số các dịch vụ cơ bản trên Internet
- C. WWW chính là Internet vì WWW là trang thông tin toàn cầu (World Wide Web)
- D. Giao thức triển khai trên Internet là TCP/IP

Câu 48. Giao thức để máy tính nhận ra nhau trong mạng Internet là:

- A. HTTP
- B. TCP/IP
- C. FTP
- D. SMTP

Câu 49. Cookie là gì?

- A. Là chương trình nhỏ trong máy chủ và lưu trữ thông tin kết nối Internet của người dùng
- B. Là các tệp tin văn bản nhỏ lưu trữ thông tin về quá trình truy xuất Internet của người dùng hoặc các thông tin cá nhân mà người dùng đã từng khai báo
- C. Là một chức năng cho phép xem thông tin lịch sử máy tính
- D. Cookie là tất cả những gì đã nêu ở trên

Câu 50. Nút Home trên cửa sổ trình duyệt dùng để:

- A. Đưa bạn trở về trang chủ của Website mà bạn đang xem
- B. Đưa bạn trở về trang trắng không có nội dung
- C. Đưa bạn đến với trang khởi động mặc định
- D. Đưa bạn trở về trang Web có địa chỉ: www.msn.com

Câu 51. Trong Internet Explorer, để tải lại trang web đang được mở (refresh), ta bấm phím:

- A. F3
- B. F5
- C. F2
- D. F4

Câu 52. Khi sử dụng Google, nếu muốn tìm kiếm các văn bản có đuôi .doc mà có chứa từ e-learning thì trong ô tìm kiếm, ta gõ vào từ khóa nào sau đây:

- A. e-learning filetype:doc
- B. e-learning type:doc
- C. e-learning file:doc
- D. e-learning fileformat:doc

Câu 53. Trong Yahoo Mail, khi soạn một bức thư nhưng chưa muốn gửi đi thì ta sẽ lưu bức thư đó trong thư mục nào?

- A. Inbox
- B. Sent
- C. Deleted
- D. Drafts

Câu 54. Để khởi động trình duyệt web, ta nháy chuột vào biểu tượng:

- A. Internet Explorer
- B. Yahoo! Messenger
- C. My Computer
- D. Recycle Bin

Câu 55. Khi sử dụng Internet Explorer, để có thể xóa History, ta vào thẻ (mục) nào trong hộp thoại Internet Options:

- A. Advanced
- B. General
- C. Programs
- D. Content

Câu 56. Khi sử dụng Yahoo Mail, mục nào dưới đây chứa các thư đã gửi đi:

- A. Inbox
- B. Deleted
- C. Drafts
- D. Sent

Câu 57. Khi sử dụng Yahoo Mail, ô nào dưới đây được sử dụng để chứa thông tin về chủ đề của thư:

- A. To
- B. Subject
- C. Cc
- D. Bcc

Câu 58. Trong Yahoo Mail, địa chỉ email nào là đúng:

- A. thang251tranbk@yahoo.com
- B. 251thang_tran.bk@yahoo.com
- C. thang251.tran.bk@yahoo.com
- D. thang#tran#bk@yahoo.com

Câu 59. Trong số các chương trình gửi và nhận thư điện tử dưới đây, chương trình nào được phát triển bởi Microsoft?

- A. Yahoo! Mail
- B. Gmail
- C. Outlook
- D. Neo Mail

Câu 60. Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về trang chủ:

- A. Là một trang web đầu tiên của Website.
- B. Là tập hợp các trang web có liên quan đến nhau
- C. Là địa chỉ của Website
- D. Tất cả các phát biểu trên đều đúng

Câu 61. Có thể mở đúng định dạng các file .html bằng:

- A. Microsoft Excel
- B. Trình duyệt mail Outlook Express
- C. Microsoft Outlook
- D. Trình duyệt web Internet Explorer

Câu 62. Khi sử dụng Google, nếu muốn tìm kiếm các văn bản có đuôi .doc mà có chứa từ “CNTT” thì trong ô tìm kiếm ta gõ vào từ khóa nào sau đây?

- A. CNTT filetype:doc
- B. CNTT type:doc
- C. CNTT file:doc
- D. CNTT fileformat:doc

Câu 63. Trong Yahoo Mail, khi xóa một bức thư thì bức thư bị xóa sẽ nằm trong thư mục nào?

- A. Inbox
- B. Sent
- C. Deleted
- D. Drafts

Câu 64. Khi soạn một bức thư trong Yahoo Mail, để có thể đính kèm file bạn bấm vào nút nào sau đây?

- A. Add Files
- B. Show Files
- C. Get Files
- D. Attach Files

Câu 65. Chọn phát biểu đúng nhất về thư điện tử trong thao tác gửi thư:

- A. Dòng TO dùng để nhập địa chỉ người nhận.
- B. Dòng CC dùng để nhập địa chỉ của người cùng nhận với người có địa chỉ trong dòng TO.
- C. Dòng Subject dùng để nhập chủ đề của bức thư.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 66. Chương trình nào không phải là chương trình dùng để duyệt web?

- A. Internet Explorer
- B. Mozilla Firefox
- C. Google Chrome
- D. Outlook Express

Câu 67. Nút "Home" trên trình duyệt web có nghĩa là:

- A. Quay về trang chủ
- B. Quay về trang trước
- C. Quay lên phía trên
- D. Quay xuống phía dưới

Câu 68. Khi nhận được một bức thư điện tử (Email) trong chương trình Email Yahoo hoặc Gmail (ngôn ngữ tiếng anh) gửi tới cho mình, sau khi xem xong nội dung thư và muốn trả lời cho bức thư thì dùng chức năng nào sau đây để không phải nhập địa chỉ người nhận?

- A. Nhấn nút Reply
- B. Nhấn nút Reply
- C. Nhấn nút Replys
- D. Nhấn nút Forward

Câu 69. Khi mở một trang Internet để đọc báo, sau khi bạn đã bôi đen nội dung và muốn sao chép thông tin đó bạn thực hiện thao tác như thế nào?

- A. Vào thực đơn Edit→Copy
- B. Vào Tools→Favorites
- C. Vào thực đơn File→Copy
- D. Vào thực đơn View→Copy

Câu 70. Sử dụng Webmail của Yahoo hoặc Gmail, khi nhận một bức thư điện tử mới (Ngôn ngữ tiếng Anh), sau khi đọc xong muốn chuyển tiếp cho người khác thì dùng chức năng nào sau đây?

- A. Nhấn nút Forwards

- B. Nhấn nút Reply
- C. Nhấn nút Replys
- D. Nhấn nút Forward

Câu 71. Thao tác nào không thực hiện được với trang web?

- A. Sao chép 1 ảnh trên trang Web về máy cá nhân.
- B. Sao chép 1 đoạn nội dung trên trang Web về máy cá nhân.
- C. Xoá nội dung bằng cách chọn đoạn nội dung và nhấn nút Delete.
- D. Xem lại trang web đã xem mà không cần kết nối Internet

Câu 72. Nghi thức chuyển tập tin thông qua môi trường mạng là:

- A. http
- B. html
- C. www
- D. fpt

Câu 73. Phần history trong mạng Internet dùng để:

- A. Liệt kê các trang web đã dùng trong quá khứ
- B. Liệt kê các địa chỉ mail đã dùng
- C. Liệt kê tên các trang web
- D. Liệt kê số người đã sử dụng mạng Internet

Câu 74. Website là gì?

- A. Là một ngôn ngữ siêu văn bản
- B. Là hình thức trao đổi thông tin dưới dạng thư thông qua hệ thống mạng máy tính
- C. Là các file đã được tạo ra bởi Word, Excel, Powerpoint...rồi chuyển sang dạng HTML
- D. Tất cả các câu đều sai

Câu 75. Khi thấy tên zone trong địa chỉ mail là org thì có nghĩa?

- A. Thuộc lĩnh vực chính phủ

- B. Thuộc lĩnh vực giáo dục
- C. Thuộc lĩnh vực cung cấp thông tin
- D. Thuộc về các tổ chức khác

Câu 76. Các thông số cơ bản khi sử dụng internet mail là địa chỉ mail, địa chỉ hồi âm, server chuyển thư đi, tên truy cập hộp thư và:

- A. Server quản lý hộp thư
- B. Server tìm kiếm
- C. Server Browser
- D. Tất cả đều sai

Câu 77. Lợi thế của mua hàng trực tuyến so với mua hàng bình thường ở cửa hàng là gì?

- A. Việc thanh toán đảm bảo an ninh hơn
- B. Việc xác định tình trạng của hàng hóa dễ dàng hơn
- C. Có thể mua hàng trong suốt 24h trong một ngày
- D. Hàng hóa đã mua dễ trả lại hơn

Câu 78. Thuật ngữ “Thương mại điện tử” nghĩa là:

- A. Mua và bán các mặt hàng điện tử
- B. Dùng các thiết bị điện tử trong khi mua hàng
- C. Mua và bán hàng qua mạng máy tính Internet
- D. Bán các mặt hàng điện tử trên trên mạng

Câu 79. Thương mại điện tử là tất cả hoạt động trao đổi thông tin, sản phẩm, dịch vụ, thanh toán... thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, đường dây điện thoại, internet và các phương tiện khác. Đây là thương mại điện tử nhìn ở góc độ:

- A. Truyền thông
- B. Kinh doanh
- C. Dịch vụ
- D. Mạng Internet

Câu 80. Thương mại điện tử là việc ứng dụng các phương tiện điện tử và công

nghệ thông tin nhằm tự động hóa quá trình và các nghiệp vụ kinh doanh. Đây là thương mại điện tử ở góc độ nào?

- A. Truyền thông
- B. Kinh doanh
- C. Dịch vụ
- D. Mạng Internet

Câu 81. Thương mại điện tử là tất cả các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ và thông tin qua mạng Internet và các mạng khác. Đây là thương mại điện tử nhìn ở góc độ:

- A. Truyền thông
- B. Kinh doanh
- C. Dịch vụ
- D. Mạng Internet

Câu 82. Chỉ ra yếu tố không phải là lợi ích của thương mại điện tử:

- A. Giảm chi phí, tăng lợi nhuận
- B. Dịch vụ khách hàng tốt hơn
- C. Giao dịch an toàn hơn
- D. Tăng thêm cơ hội mua bán

Câu 83. Chỉ ra yếu tố không phải là lợi ích của thương mại điện tử:

- A. Khách hàng có nhiều sự lựa chọn
- B. Tăng phúc lợi xã hội
- C. Khung pháp lý mới, hoàn chỉnh hơn
- D. Tiếp cận nhiều thị trường mới hơn

Câu 84. Chỉ ra yếu tố không phải hạn chế của thương mại điện tử:

- A. Vấn đề an toàn
- B. Sự thống nhất về phần cứng, phần mềm
- C. Văn hóa của những người sử dụng Internet
- D. Thói quen mua sắm truyền thống

Câu 85. Chỉ ra yếu tố không thuộc hạ tầng công nghệ thông tin cho thương mại điện tử:

- A. Hệ thống máy tính được nối mạng và hệ thống phần mềm ứng dụng thương mại điện tử
- B. Ngành điện lực
- C. Hệ thống các đường truyền Internet trong nước và kết nối ra nước ngoài
- D. Tất cả các yếu tố trên

Câu 86. Thành phần nào không trực tiếp tác động đến sự phát triển thương mại điện tử:

- A. Chuyên gia tin học
- B. Dân chúng
- C. Người biết sử dụng Internet
- D. Nhà kinh doanh thương mại điện tử

Câu 87. Khi muốn lưu địa chỉ của một trang web yêu thích (Favorites), chọn mục nào trong thực đơn Favorites của trình duyệt web?

- A. Add Link
- B. Save Favorites
- C. Add to Favorites
- D. Organize Favorites

Câu 88. Khi muốn lưu một trang Web lên máy tính, bạn phải làm thế nào?

- A. Kích phải chuột trên trang Web và chọn Save
- B. Chọn Edit→Select All
- C. Chọn File→Save
- D. Chọn File→Save As

Câu 89. Để thay đổi địa chỉ trang nhà (home page), bạn chọn thẻ nào trong hộp thoại Internet Options?

- A. General
- B. Content

C. Connections

D. Advanced

Câu 90. Để tìm kiếm thông tin trên Internet, bạn cần làm gì?

A. Chọn Start→Search

B. Chọn View→Explorer Bar→Search

C. Chọn View→Toolbar→Search

D. Mở một trang tìm kiếm, nhập từ khóa tìm kiếm và chọn Search

Câu 91. Folder Outbox hoặc Unsent Message của thư điện tử chứa gì?

A. Các thư đã xoá đi

B. Các thư đã soạn hoặc chưa gửi đi

C. Các thư đã nhận được

D. Các thư đã đọc

Câu 92. Khi dòng chủ đề trong thư bạn nhận được bắt đầu bằng chữ RE:, thì thông thường thư đó là thư gì?

A. Thư rác, thư quảng cáo

B. Thư mới

C. Thư trả lời cho thư mà bạn đã gửi cho người đó

D. Thư của nhà cung cấp dịch vụ E-mail mà ta đang sử dụng

Câu 93. Nếu hòm thư của bạn có thư mang chủ đề “Mail undeliverable”, thì thư này thông báo điều gì?

A. Thư bạn gửi đã được gửi đi, nhưng không tới được người nhận

B. Thư bạn gửi đã được gửi đi, nhưng người nhận không đọc

C. Đó là thư của nhà cung cấp dịch vụ

D. Đó là thư của người nhận thông báo việc không mở được thư

Câu 94. Để có thể Chat bằng âm thanh (Voice), cả hai người tham gia phải có:

A. Một điện thoại

B. Phần mềm tương thích nhau, một Card âm thanh, Microphone, và các loa (hay headphone)

- C. Một máy quay Video (webcamera)
- D. Một bộ tăng âm

Câu 95. Đâu không phải là trình duyệt web?

- A. Netscape Navigator
- B. Internet Explorer
- C. Internet Browser
- D. Opera

Câu 96. Đâu là ứng dụng thư điện tử?

- A. Notepad
- B. Outlook Express
- C. Windows XP
- D. Google

Câu 97. Để bảo mật danh sách gửi Email thì tính năng nào được sử dụng?

- A. Bcc
- B. Cc
- C. Subject
- D. To

Câu 98. Mục đích của Folder History là gì?

- A. Để liệt kê tất cả các website đã viếng thăm
- B. Để liệt kê tất cả các website đã viếng thăm trong phiên làm việc hiện hành
- C. Để liệt kê tất cả các website được viếng thăm nhiều nhất
- D. Để liệt kê tất cả các website ưa thích

Câu 99. Ai là chủ của mạng Internet?

- A. Các chính phủ
- B. Nước Mỹ
- C. Các công ty và tập đoàn lớn
- D. Tất cả chúng ta

Câu 100. Trang Web nào sau đây không hỗ trợ máy tìm kiếm?

- A. www.google.com
- B. www.yahoo.com
- C. www.baamboo.com
- D. www.bbc.com.uk

Câu 101. Để tránh việc truy cập thông tin trái phép người ta thường làm gì?

- A. Giới hạn quyền truy cập với người dùng bằng tên và mật khẩu truy cập
- B. Mã hóa dữ liệu
- C. Cài đặt các phần mềm tường lửa
- D. Cả A, B, C

Câu 102. Thông tin nào sau đây liên quan tới mạng Internet?

- A. Mạng máy tính lớn nhất toàn cầu
- B. Sử dụng bộ giao thức TCP/IP
- C. Cung cấp lượng thông tin khổng lồ và nhiều dịch vụ mới
- D. Cả A, B, C

PHẦN 3. MỘT SỐ MẪU ĐỀ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Đề thi mẫu 1

Câu 1. (1.5 điểm)

1. Tạo thư mục có tên **Số báo danh_HoTen** trên màn hình Desktop để lưu toàn bộ bài làm (1 điểm).
2. Tải nội dung văn bản cho sẵn theo mã đề thi từ địa chỉ về thư mục đã được tạo ở câu 1 và đặt tên tệp tin thành Dulieuchosan (0.5 điểm).

Câu 2. (3 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần Word, đặt lại tên tệp là BaiWord và thực hiện định dạng tệp tin (file) văn bản: Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; căn lề văn bản đều; lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; Đánh số trang cho file văn bản, tiêu đề nằm giữa trang (1.5 điểm).
2. Định dạng file BaiWord như sau (1.5 điểm).

KỶ NIỆM NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2/9

Ngày 19/8/1945 đã đi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam như một mốc son chói lọi - Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước dân chủ công nông đầu tiên ở Đông Nam Á được thành lập, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ đây nhân dân ta thoát khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân phong kiến trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tinh thần yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Cuộc mít tinh phát động khởi nghĩa giành chính quyền do Mặt trận Việt Minh tổ chức tại

Nhà hát Lớn Hà Nội

Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ hai kết

thức. Theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, sau khi phát xít Nhật đầu hàng, quân đội Anh và Tưởng sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Trong khi đó, thực dân Pháp lăm le dựa vào Đồng minh hòng khôi phục địa vị thống trị của mình; đế quốc Mỹ đứng sau các thế lực này cũng sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương; những phần tử phản động, ngoan cố trong chính quyền tay sai Nhật đang âm mưu thay thầy đổi chủ, chống lại cách mạng. Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Hồng quân Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt phát xít Đức tại Béc-lin. Ngày 09/5/1945, phát xít Đức đầu

hàng vô điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 08/8/1945, Hồng quân Liên Xô tiến công như vũ bão vào quân đội Nhật.

Ở trong nước, trải qua các cuộc diễn tập, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, thay đổi các hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp. Tháng 3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Tháng 4/1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam. (còn nữa)


Câu 3. (2.5 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần PowerPoint, tạo file Powerpoint tên BaiPowerPoint, thiết kế 2 slide theo kiểu: Phong chữ Times New Roman và cỡ chữ Tiêu đề 32 đậm, phần còn lại của văn bản 18 đậm, chữ màu đỏ trên nền màu xanh nhạt, chèn ảnh và trình bày như định dạng dưới đây (1.5 điểm).

Slide 1

1 **Kỷ niệm 75 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2020)**

2 Những ngày này, cả nước ta từng bừng chào mừng ngày Quốc khánh 2/9. Cách đây 75 năm, trong mùa thu lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3 

4 Chủ tịch Hồ Chí Minh trang trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập

Slide 2

1 **Kỷ niệm 75 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2020)**

2 Ngày 02/9/1945, trên lễ đài lớn tại quảng trường Ba Đình lịch sử, trước cuộc mít tinh của đông đảo nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời, đã trang trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào cả nước và toàn thể nhân loại trên thế giới, bắt đầu từ nay Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời. Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập!.... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.”

3 Tuyên ngôn Độc lập bất hủ 02/9/1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới, lần đầu tiên người dân Việt Nam có quyền ngẩng cao đầu, tự hào mình đã trở thành công dân của một nước tự do và độc lập. 75 năm qua là cả một quá trình phấn đấu hy sinh đầy gian khổ, không tiếc của cải và cả xương máu của dân tộc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc để bảo vệ và xây dựng nên Tổ quốc Việt Nam hôm nay. Ngày nay đất nước ta đã lớn mạnh hơn gấp nhiều lần; Việt Nam đã trở thành một quốc gia có uy tín trên trường Quốc tế. Bản Tuyên ngôn Độc lập ngắn gọn nhưng chứa đựng những nội dung bất hủ, không chỉ có giá trị lịch sử đối với dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc.

2. Tạo hiệu ứng chuyển động cho từng đối tượng trên slide. Slide (1 điểm).

Câu 4. (3 điểm)

Từ dữ liệu cho sẵn phần Excel, đặt lại tên tệp là BaiExcel và thực hiện các yêu cầu như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG THEO DÕI NHẬP XUẤT HÀNG						
2	<i>ĐVT: VNĐ</i>						
3	STT	Mã hàng	Nhập	Xuất	Đơn giá	Tiền xuất	Tiền thuế
4	1	A001Y	1000	?	125000	?	?
5	2	B012N	2500	?	115000	?	?
6	3	B003Y	4580	?	125000	?	?
7	4	A011N	1400	?	130000	?	?
8	5	B054Y	1650	?	120000	?	?
9	6	A051N	1480	?	120500	?	?
10	7	A012C	3520	?	135000	?	?
11	8	B054N	2840	?	110500	?	?
12	Tiền thuế cao nhất						?
13	Tiền thuế thấp nhất						?

1. Trình bày bảng tính như trên bao gồm chữ đậm, nghiêng, căn lề, trộn ô, đường viền (0.5 điểm).
2. Viết công thức tính cột Xuất, nếu Mã hàng có ký tự đầu là A thì Xuất = 50% * Nhập, nếu Mã hàng có ký tự đầu là B thì Xuất = 60% * Nhập (0.5 điểm).
3. Viết công thức tính cột Tiền xuất: Tiền xuất = Xuất * Đơn giá (0.5 điểm).
4. Viết hàm tính cột Tiền thuế, nếu Xuất có số lượng > 1000 thì Tiền thuế = 8% của Tiền xuất; nếu Xuất có số lượng <=1000 thì Tiền thuế = 5% của Tiền xuất (0.5 điểm).
5. Viết hàm tính Tiền thuế cao nhất và Tiền thuế thấp nhất. Định dạng cột Đơn giá, Tiền xuất, Tiền thuế có dấu phân cách hàng ngàn (1 điểm).

Đề thi mẫu 2

Câu 1. (1.5 điểm)

1. Tạo thư mục có tên **Số báo danh_HoTen** trên màn hình Desktop để lưu toàn bộ bài làm (1 điểm).
2. Tải nội dung văn bản cho sẵn theo mã đề thi từ địa chỉ về thư mục đã được tạo ở câu 1 và đặt tên tệp tin thành Dulieuchosan (0.5 điểm).

Câu 2. (3 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần Word, đặt lại tên tệp là BaiWord và thực hiện định dạng tệp tin (file) văn bản: Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; căn lề văn bản đều; lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; Đánh số trang cho file văn bản, tiêu đề nằm giữa trang (1.5 điểm).
2. Định dạng file BaiWord(1.5 điểm)
 - Tiêu đề nằm cân giữa, phong chữ Times New Roman, cỡ chữ 30 đậm.
 - Các khổ thơ 2, 4 lùi vào 1 Tab. Copy đúng ảnh từ dữ liệu cho sẵn phần Word trong tệp đã tải về để dán chèn vào cuối bài thơ, ảnh căn giữa.

ƠN THẦY

Công cha nghĩa mẹ ơn thầy

Không gì sánh nổi đong đầy tình thương

Mẹ cha dãi nắng dầm sương

Nhường cơm xẻ áo dọn đường con đi

Thầy cô rèn giũa chi li

Mong sao trò giỏi mỗi khi trả bài

Miệt mài hương tới tương lai

Say sưa gieo hạt nổi dài ước mơ

Thương cho lứa tuổi trẻ thơ

Vẫn còn nhiều bé bơ vơ ngoài đường

Hàng ngày không được đến trường

Muru sinh bán số đáng thương vô cùng

Những gì thầy dạy cô mong

Giờ em thấu hiểu qua dòng thời gian

Ơn thầy cô mãi ngút ngàn

Khắc ghi tạc dạ tỏa lan muôn đời!



uồn: Internet)

Câu 3. (2.5 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần PowerPoint, tạo file Powerpoint tên BaiPowerPoint, thiết kế 2 slide theo kiểu: Phong chữ Times New Roman và cỡ chữ Tiêu đề 40 đậm, phần còn lại của văn bản 22, chữ màu vàng trên nền màu xanh, chèn ảnh và trình bày như định dạng dưới đây (1.5 điểm).

Slide 1

1 **Lịch sử Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11**

2 > Lịch sử Ngày Nhà giáo Việt Nam bắt nguồn từ việc thành lập một tổ chức quốc tế các nhà giáo tiên bộ ở Paris (tháng 7/1946) lấy tên là Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục.

3 > Tới năm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản "Hiến chương các nhà giáo" gồm 15 chương với nội dung chủ yếu là đấu tranh chống nền giáo dục tư sản, phong kiến, xây dựng nền giáo dục trong đó bảo vệ những quyền lợi của nghề dạy học và nhà giáo, đề cao trách nhiệm và vị trí của nghề dạy học và nhà giáo.


4

1 Lịch sử Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

2 > Công đoàn giáo dục Việt Nam là thành viên của FISE từ năm 1953. Trong cuộc họp của FISE từ 26 đến 30 tháng 8 năm 1957 tại Warszawa, lấy ngày 20 tháng 11 năm 1958 là ngày “Quốc tế hiến chương các nhà giáo”. Sau đó ngày này lần đầu tiên được tổ chức trên toàn miền Bắc Việt Nam năm 1958.

3 > Khi Việt Nam thống nhất năm 1975, ngày 20/11 đã trở thành ngày truyền thông của ngành giáo dục Việt Nam.

4 > Vào ngày 28 tháng 9 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 167-HĐBT thiết lập ngày 20 tháng 11.



2. Tạo hiệu ứng chuyển động cho từng đối tượng trên slide. Slide (1 điểm).

Câu 4. (3 điểm)

Từ dữ liệu cho sẵn phân Excel, đặt lại tên tệp là BaiExcel và thực hiện các yêu cầu như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG TÍNH TIỀN NHẬP HÀNG							
2	TT	Tên hàng	Loại hàng	Số lượng	Giá	Giá trị	Thuế	Tiền
3	1	Điện thoại	A	25	5000000	?	?	?
4	2	Máy tính	C	45	10000000	?	?	?
5	3	Máy lạnh	B	55	9000000	?	?	?
6	4	Tủ lạnh	B	64	10000000	?	?	?
7	5	Loa	D	75	3000000	?	?	?
8	6	Trvi	C	80	15000000	?	?	?
9	7	Âm ly	A	50	4000000	?	?	?
10	8	Míc	B	50	900000	?	?	?
11	9	Lò vi sóng	D	90	3500000	?	?	?
12	10	Quạt cây	C	80	1500000	?	?	?
13		Tổng		?		?	?	?

1. Trình bày bảng tính như trên bao gồm: phông chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; Các ô chữ đậm, căn lề, trộn ô, đường viền (0.5 điểm).

2. Viết công thức tính cột Giá trị: Giá trị = Số lượng * Giá (0.5 điểm).

3. Viết công thức tính cột Thuế: Thuế = Giá trị phần trăm thuế loại hàng hoá * Giá trị (Trong đó: Giá trị phần trăm thuế loại hàng hoá A=8%; Giá trị phần trăm thuế loại hàng hoá B=10%; Giá trị phần trăm thuế loại hàng hoá C=12%; Giá trị phần trăm thuế các loại hàng hoá khác =0%) (1 điểm).

4. Viết công thức tính cột Tiền: Tiền = Giá trị + Thuế (0.5 điểm).

5. Viết công thức tính tổng các cột: Số lượng; Giá trị; Thuế; Tiền (0.5 điểm).

Đề thi mẫu 3

Câu 1. (1.5 điểm)

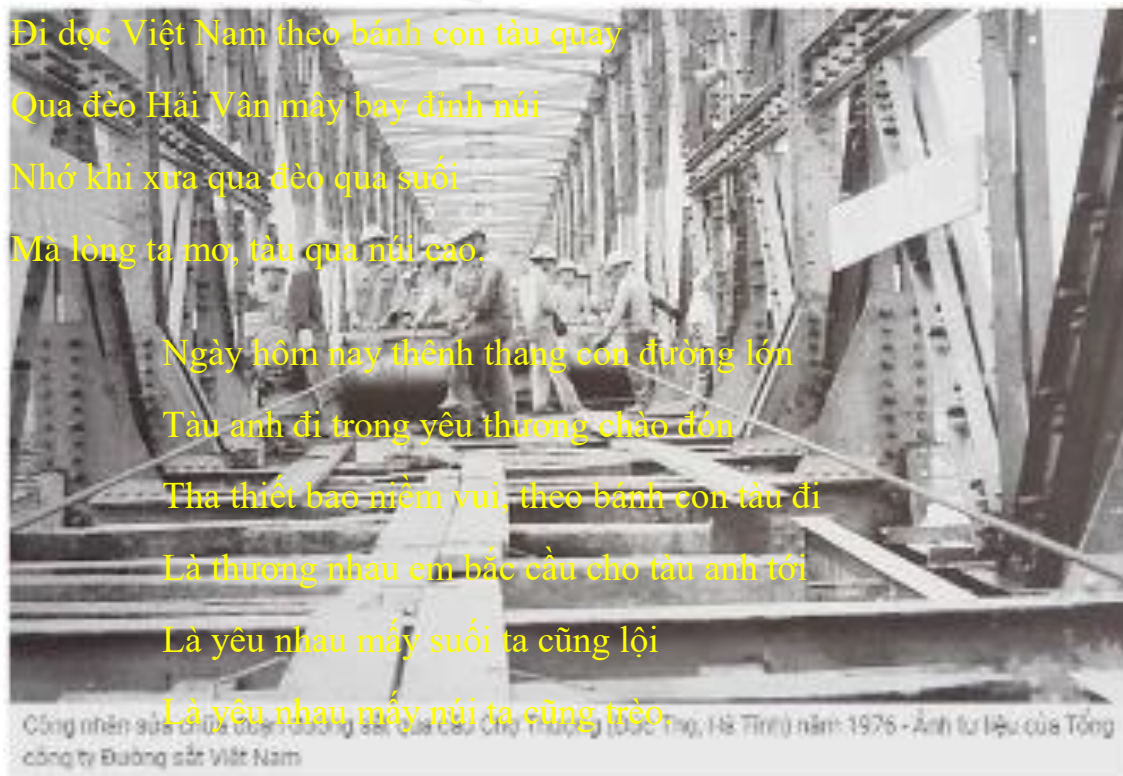
1. Tạo thư mục có tên **Số báo danh_HoTen** trên màn hình Desktop để lưu toàn bộ bài làm (1 điểm).
2. Tải nội dung văn bản cho sẵn theo mã đề thi từ địa chỉ về thư mục đã được tạo ở câu 1 và đặt tên tệp tin thành Dulieuchosan (0.5 điểm).

Câu 2. (3 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần Word, đặt lại tên tệp là BaiWord và thực hiện định dạng tệp tin (file) văn bản: Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; căn lề văn bản đều; lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; Đánh số trang cho file văn bản, tiêu đề nằm giữa trang (1.5 điểm).
2. Định dạng file BaiWord(1.5 điểm).
 - Tiêu đề nằm căn giữa, phong chữ Times New Roman, cỡ chữ 24 đậm
 - Các khổ thơ 2, 4 lùi vào 1 Tab. Copy đúng ảnh từ dữ liệu cho sẵn phần Word trong tệp đã tải về để dán chèn vào bài thơ.

Tàu Anh Qua Núi

Nhạc sĩ: Phan Lạc Hoa



Con tàu Việt Nam đi suốt bốn mùa xuân
Qua đèo Hải Vân mây bay đỉnh núi
Nhớ thương nhau em chờ anh tới
Là tàu anh đi vượt qua núi cao.

...

Câu 3. (2.5 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần PowerPoint, tạo file Powerpoint tên BaiPowerPoint, thiết kế 2 slide theo kiểu: Slide có nền màu xanh nhạt; Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ Tiêu đề 32 đậm, phần còn lại của văn bản 22, chữ màu trắng nền trong suốt và trình bày như dạng dưới đây (1.5 điểm).

Slide 1

1

Những mốc son trong lịch sử phát triển ĐSVN

2

- 1881 Khởi công tuyến đường sắt đầu tiên tại Việt Nam và Đông Dương có chiều dài 71 km nối Sài Gòn với Mỹ Tho.
- 1936 Hoàn thành mạng đường sắt Việt Nam với tổng chiều dài 2600km
- 1946 Ngày 21-10 Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tuyến tàu hỏa đầu tiên sau khi Việt Nam giành độc lập từ Hải Phòng về Hà Nội, Người đã gửi thư cho ĐSVN khen ngợi nhân viên hỏa xa. Từ đó ngày này được chọn là Ngày truyền thống của ĐSVN.
- 1955 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập Tổng cục Đường sắt.
- 1976 Sau 36 năm chia cắt, tuyến đường sắt giữa Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được khôi phục, nối liền hai miền Bắc - Nam của đất nước.

3




Slide 2

1

Những mốc son trong lịch sử phát triển ĐSVN

2

- ✓ 1990 Tổng cục Đường sắt được chuyển đổi thành Liên hiệp ĐSVN theo quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 10/4/1990 của Bộ trưởng GTVT.
- ✓ 2003 Thành lập Tổng Công ty ĐSVN trên cơ sở Liên hiệp ĐSVN theo quyết định số 34/2003 QĐ-TTg ngày 04/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- ✓ 2005 Quốc hội thông qua Luật Đường sắt, cơ sở pháp lý cao nhất đối với sự phát triển bền vững của ĐSVN.
- ✓ 2010 Chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty ĐSVN thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.



2. Tạo hiệu ứng chuyển động cho từng đối tượng trên slide. Slide (1điểm).

Câu 4. (3 điểm)

Từ dữ liệu cho sẵn phần Excel, đặt lại tên tệp là BaiExcel và thực hiện các yêu cầu như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	
1	BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG								
2	STT	Họ lót	Chức vụ	Lương ngày	Số ngày công	Lương tháng	Phụ cấp chức vụ	Thực nhận	
3	1	Cao Văn Cốt	GD	250.000	26	?	?	?	
4	2	Bùi Thị Bé	PGĐ	245.000	23	?	?	?	
5	3	Đỗ Văn Đậu	PGĐ	240.000	25	?	?	?	
6	4	Nguyễn Văn Cam	TP	237.000	26	?	?	?	
7	5	Bạch Thị Tạng	NV	245.000	22	?	?	?	
8	6	Trương Văn Sinh	NV	240.000	20	?	?	?	
9	7	Phạm Thị Luật	NV	237.000	18	?	?	?	
10	8	Tạ Văn Tôn	TP	250.000	25	?	?	?	
11	9	Đinh Thị Sét	NV	250.000	26	?	?	?	
12	10	Lâm Văn Tặc	NV	237.000	17	?	?	?	
13	Tổng cộng						?	?	?
14									
15		Thực nhận cao nhất				?			
16		Thực nhận trung bình				?			
17		Thực nhận thấp nhất				?			

1. Trình bày bảng tính như trên bao gồm: phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; Các ô chữ đậm, căn lề, trộn ô, đường viền (0.5 điểm).

2. Viết công thức tính lương tháng: $\text{Lương tháng} = \text{Lương ngày} * \text{Số ngày công}$ (0.5 điểm).
3. Viết công thức tính Phụ cấp chức vụ: Nếu chức vụ là GD thì phụ cấp chức vụ là 250.000, nếu chức vụ là PGĐ thì phụ cấp chức vụ là 200.000, nếu chức vụ là TP thì phụ cấp chức vụ là 180.000 còn lại phụ cấp chức vụ là 150.000 (1 điểm).
4. Viết công thức tính Thực nhận: $\text{Thực nhận} = \text{Lương tháng} + \text{Phụ cấp chức vụ}$; tính tổng các cột Lương tháng, Phụ cấp chức vụ và Thực nhận (1 điểm).
5. Viết công thức tính tổng các cột Thực nhận cao nhất, Thực nhận trung bình, Thực nhận thấp nhất; Định dạng các cột Lương tháng, Phụ cấp chức vụ, Thực nhận, Thực nhận cao nhất, Thực nhận trung bình, Thực nhận thấp nhất có dấu phân cách hàng ngàn.

Đề thi mẫu 4

Câu 1. (1.5 điểm)

1. Tạo thư mục có tên **Số báo danh_HoTen** trên màn hình Desktop để lưu toàn bộ bài làm (1 điểm).
2. Tải nội dung văn bản cho sẵn theo mã đề thi từ địa chỉ về thư mục đã được tạo ở câu 1 và đặt tên tệp tin thành Dulieuchosan (0.5 điểm).

Câu 2. (3 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần Word, đặt lại tên tệp là BaiWord và thực hiện định dạng tệp tin (file) văn bản: Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; căn lề văn bản đều; lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; Đánh số trang cho file văn bản, tiêu đề nằm giữa trang (1.5 điểm).
2. Định dạng file BaiWord(1.5 điểm).
 - Tiêu đề nằm căn giữa, phong chữ Times New Roman, cỡ chữ 26 đậm, Đánh số trang ở giữa phía trên cho file văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất
 - Các khổ thơ 2, 4 lùi vào 1 Tab. Copy đúng ảnh từ dữ liệu cho sẵn phần Word trong tệp đã tải về để dán chèn vào phía dưới bài thơ.

ĐÂY MÙA THU TỚI

Thơ Xuân Diệu

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;
Đây mùa thu tới - mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thình thoảng nàng trắng tự ngần ngơ...
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...

Mây vẫn từng không, chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.



Nhà thơ Xuân Diệu

Câu 3. (2.5 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần PowerPoint, tạo file Powerpoint tên BaiPowerPoint, thiết kế 2 slide theo kiểu: Slide có nền màu xanh nhạt; Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ Tiêu đề 28 đậm, phần còn lại của văn bản 18, chữ màu trắng nền trong suốt và trình bày như dạng dưới đây (1.5 điểm).

Slide 1

Ý nghĩa huy hiệu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Tại Đại hội đại biểu thanh niên toàn quốc năm 1951 tại Việt Bắc, cán bộ Trung ương Đoàn các cấp muốn đoàn viên có một chiếc huy hiệu với biểu trưng riêng. Họa sĩ Huỳnh Văn Thuận và họa sĩ Tôn Đức Lương được tổ họa sĩ của Trung ương Đoàn giao trách nhiệm sáng tác mẫu huy hiệu. Hai mẫu của hai họa sĩ đã được thông qua và đưa tới Bác Hồ duyệt. Bác Hồ đã duyệt mẫu của họa sĩ Huỳnh Văn Thuận. Bác còn đề dưới bản vẽ dòng chữ: “Thanh niên tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên”.

Thiết kế Huy hiệu có hình tròn, trên nền sọc xanh lá và trắng là hình ảnh một cánh tay nắm chắc lá cờ Tổ quốc đi lên. Chạy xung quanh hình tròn lớn là dòng chữ “ĐOÀN THANH NIÊN CÔNG SẢN HỒ CHÍ MINH”; Huy hiệu có 4 màu: Xanh lá, đỏ cờ, vàng, trắng (không màu).



Slide 2

Ý nghĩa huy hiệu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Huy hiệu Đoàn thanh niên là tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên, ý nghĩa của nó là thanh niên phải xung phong gương mẫu trong mọi lĩnh vực công tác, trong học tập, lao động và rèn luyện đạo đức cách mạng. Thanh niên phải thành một lực lượng to lớn và vững chắc trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, đồng thời phải vui vẻ, hoạt bát...”.

Thật vậy, thanh niên chính là lớp người tinh hoa nhất của mỗi dân tộc, họ là sự hòa quyện của nhiệt huyết tuổi trẻ với lòng chính nghĩa và tinh thần xung kích đến cao độ. Nước ta đang đi theo con đường chủ nghĩa xã hội để có thể giành độc lập hoàn toàn và triệt để, trong công cuộc đấu tranh giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đó đã khắc họa sâu sắc công lao của lớp lớp thanh niên nhiều thế hệ.



2. Tạo hiệu ứng chuyển động cho từng đối tượng trên slide. Slide (1điểm).

Câu 4. (3 điểm)

Từ dữ liệu cho sẵn phần Excel, đặt lại tên tệp là BaiExcel và thực hiện các yêu cầu như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	KẾT QUẢ THI CUỐI KHÓA								
2									
3	STT	Họ	Tên	Năm sinh	Các môn thi			Tổng cộng	Xếp loại
4					Word	Excel	Kỹ năng		
5	1	Nguyễn Hoàng	Phi	1998	9	8	7		
6	2	Nguyễn Ngọc	Nam	1997	7	4	9		
7	3	Hoàng Tất	Tây	1998	7	2	5		
8	4	Võ Trọng	Hải	1998	9	8	7		
9	5	Nguyễn Đăng	Giang	1999	8	7	6		
10	6	Nguyễn Thị Kim	Tiến	1997	4	6	3		
11	7	Phan Hoàng	Hà	1998	6	4	4		
12	8	Nguyễn Thị	Vân	1997	8	9	10		
13	9	Võ Lâm	Dũng	1998	7	8	10		
14	10	Nguyễn Quốc	Đạt	1999	8	9	9		
15	11	Hoàng Thị	Tuyết	1997	8	9	7		
16	12	Mai Thanh	Vân	1998	4	4	5		
17	13	Lưu Hương	Giang	1997	9	8	10		
18									
19		Điểm Trung bình thấp nhất							
20		Điểm Trung bình cao nhất							

1. Trình bày bảng tính như trên bao gồm: phông chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; Các ô chữ đậm, căn lề, trộn ô, đường viền (0.5 điểm).
2. Viết công thức tính cột Tổng cộng: Tổng cộng = Tổng các môn thi (0.5 điểm).
3. Chèn thêm cột Điểm trung bình bên trái cột Xếp loại và tính cột Điểm trung bình các thí sinh, định dạng giá trị lấy đến 2 chữ số thập phân (1 điểm).
4. Viết công thức tính Xếp loại cho các thí sinh. Nếu Điểm trung bình ≥ 5 thì Xếp loại đạt; Nếu Điểm trung bình < 5 thì Xếp loại trượt (0.5 điểm).
5. Viết công thức tính giá trị điểm trung bình thấp nhất, điểm trung bình cao nhất (0.5 điểm).

Đề thi mẫu 5

Câu 1. (1.5 điểm)

1. Tạo thư mục có tên **Số báo danh_HoTen** trên màn hình Desktop để lưu toàn bộ bài làm (1 điểm).
2. Tải nội dung văn bản cho sẵn theo mã đề thi từ địa chỉ về thư mục đã được tạo ở câu 1 và đặt tên tệp tin thành Dulieuchosan (0.5 điểm).

Câu 2. (3 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần Word, đặt lại tên tệp là BaiWord và thực hiện định dạng tệp tin (file) văn bản: Phong chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; căn lề văn bản đều; lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; Đánh số trang cho file văn bản, tiêu đề nằm giữa trang (1.5 điểm).

2. Định dạng file BaiWord(1.5 điểm).

- Tiêu đề nằm căn giữa, phong chữ Times New Roman, cỡ chữ 22 đậm, Đánh số trang ở giữa phía trên cho file văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất

- Các khổ thơ 2, 4 lùi vào 1 Tab. Copy đúng ảnh từ dữ liệu cho sẵn phần Word trong tệp đã tải về để dán chèn vào phía dưới bài thơ.

NHỮNG THIÊN THẦN ÁO TRẮNG

Tác giả: NSUT Phan Việt Cường



Nghe vang trong tim bao thiết tha.

Ôi ta yêu sao những thiên thần áo trắng

Việt Nam ơi, ôi sao mến yêu

Những con người gian khó không rời

Giữ trọn niềm tin theo gió bay xa
Tình lương y như từ mẫu sáng ngời
Và tôi thấy, những thiên thần áo trắng
Đẹp như sương mai lấp lánh giữa đời

Và con tim tôi luôn khắc sâu
Thương về màu áo trắng, những thiên thần
Nghe vang đâu đây, chan chứa bao mến yêu
Xua tan đi đau thương, ôi thiên thần áo trắng

Ngày hôm nay em quên tất cả
Vững niềm tin người thầy thuốc mẹ hiền
Vì tương lai, yêu tổ quốc quê hương mình
Ôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam tôi muôn vàn tình yêu thương

(Nguồn: Internet)

Câu 3. (2.5 điểm)

1. Từ dữ liệu cho sẵn phần PowerPoint, tạo file Powerpoint tên BaiPowerPoint, thiết kế 2 slide theo kiểu (1.5 điểm).

- Slide có nền màu xanh dương.
- Tiêu đề: Phong chữ: Times New Roman; cỡ chữ 32 đậm; chữ màu trắng.
- Tác giả: Phong chữ: Times New Roman; cỡ chữ 20; chữ màu trắng.
- Các khổ thơ: Phong chữ: Times New Roman; cỡ chữ 20; chữ màu trắng.

Trình bày như dạng dưới đây.

Slide 1

VÔ CÙNG BIẾT ƠN

Tác giả: Vinh Hồ Quang

Đến nơi đây vào những ngày nắng cháy
Mà trong lòng như hết thấy lo âu
Xóa tan bao suy nghĩ tận trong đầu
Là hình ảnh của những tà áo trắng
Tà áo em mang một màu thăm lặng

Nặng tình người giữa nắng nóng như nung
Trong áo kia là lồng ngực bao dung
Người thầy thuốc thật vô cùng độ lượng
Người bệnh xem em như là thần tượng
Đồng cảm chăm lo yêu thương triu mến



Slide 2

VÔ CÙNG BIẾT ƠN

Tác giả: Vinh Hồ Quang

Xem bệnh nhân như máu mủ ruột rà
Cảm ơn em người thầy thuốc tài ba...
Tôi đến đây chữa bệnh tại quê nhà
Nhưng mát lòng vì khi tôi được gặp
Tấm lòng vàng những chiến sĩ lương y

Tận tâm mình bao nghĩa cử yêu thương..
Tôi mong sao cuộc sống giữa đời thường
Có thêm nữa và còn thêm nhiều nữa
Những người con của đất mẹ Việt Nam
Chăm cho tròn sức khỏe của toàn dân.



2. Tạo hiệu ứng chuyển động cho từng đối tượng trên slide. Slide (1 điểm).

Câu 4. (3 điểm)

Từ dữ liệu cho sẵn phần Excel, đặt lại tên tệp là BaiExcel và thực hiện các yêu cầu như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	THẺ NHẬP XUẤT KHO								
2	TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Tên kho	Đơn giá	Trị giá	Thuế	Chuyên chở
3	1	Gạo nàng hương	Kg	2000	GNH	15,000			
4	2	Gạo nàng thơm	Kg	1580	GNT	15,500			
5	3	Gạo tẻ	Kg	2200	GT	14,800			
6	4	Gạo nếp	Kg	2700	GN	16,800			
7	5	Bột mì Pháp	Kg	1500	BMP	17,000			
8	6	Bột mì Canada	Kg	1850	BMC	16,600			
9	7	Bột mì Ý	Kg	2000	BMV	16,000			
10	8	Bột mì Nga	Kg	2300	BMN	15,800			
11	9	Gạo ST24	Kg	1600	ST24	30,000			
12	10	Gạo ST25	Kg	1950	ST25	32,000			
13	11	Gạo IR 1820	Kg	2100	IR	25,000			
14	12	Gạo SQR	Kg	2200	SQR	15,000			
15		Tổng							
16		Lớn nhất							
17		Nhỏ nhất							

1. Trình bày bảng tính như trên bao gồm: phông chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; Các ô chữ đậm, căn lề, trộn ô, đường viền (0.5 điểm).
2. Viết công thức tính cột Trị giá: $\text{Trị giá} = \text{Số lượng} * \text{Đơn giá}$; tính cột Chuyên chở: $\text{Chuyên chở} = \text{Số lượng} * 400$ (1 điểm).
3. Viết công thức tính cột Thuế, nếu $\text{Trị giá} > 33.000.000$ thì $\text{Thuế} = \text{Trị giá} * 7\%$; nếu $\text{Trị giá} \leq 33.000.000$ thì $\text{Thuế} = \text{Trị giá} * 6\%$ (0.5 điểm).
4. Chèn thêm cột Tổng cộng bên phải cột Chuyên chở và tính cột Tổng cộng = Trị giá + Thuế + Chuyên chở (0.5 điểm).
5. Viết công thức tính giá trị Tổng của các cột Trị giá, Thuế, Chuyên chở và Tổng cộng; Lớn nhất, Nhỏ nhất đối với cột Tổng cộng; định dạng các cột có dấu phân cách hàng ngàn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Đăng Khoa (2024). *Một số cải tiến và tính năng mới trong Excel 2019*. Trường Đại học CSND.
- [2] Nguyễn Khắc Chiến (2023). *Bài tập thực hành môn Tin học*. Trường Đại học CSND.
- [3] Nguyễn Khắc Chiến và Nguyễn Thu Hồng (2024). *Hệ thống bài tập tin học dành cho hệ văn bằng 2 Đại học CSND*. Trường Đại học CSND.
- [4] Tin học Ngoại ngữ Vũng Tàu. *Bài tập và đề ôn thi chứng chỉ ứng dụng CNTT căn bản*. Truy cập tháng 2/2025.
<https://ngoaingutinhocvungtau.com/bai-tap-va-de-on-thi-chung-chi-ung-dung-cntt-can-ban/>
- [5] Trường Đại học CSND (2021). *Tập bài giảng Tin học dùng cho hệ Liên thông chính quy*.
- [6] Trang web <http://products.office.com/>.
- [7] Phan Bình Giang, *Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An*. Truy cập tháng 2/2025.
<https://www.nait.vn/ccudcntt/huong-dan-on-thi-cap-chung-chi-ung-dung-cntt-co-ban-21.html>

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN 1. BÀI TẬP CƠ BẢN VÀ THỰC HÀNH THEO MODULE.....	7
❖ MODULE IU1: HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN.....	7
❖ MODULE IU2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN.....	17
❖ MODULE IU3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN	28
❖ MODULE IU4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN.....	44
❖ MODULE IU5: SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN	61
❖ MODULE IU6: SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN	73
PHẦN 2. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THEO MODULE	83
❖ MODULE IU1: HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN.....	83
❖ MODULE IU2: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN.....	104
❖ MODULE IU3: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN	126
❖ MODULE IU4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN.....	154
❖ MODULE IU5: SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN	175
❖ MODULE IU6: SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN	198
PHẦN 3. MỘT SỐ MẪU ĐỀ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN.....	219
Đề thi mẫu 1	219
Đề thi mẫu 2	223
Đề thi mẫu 3	227
Đề thi mẫu 4.....	231
Đề thi mẫu 5	235
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	239
MỤC LỤC	241